**Cải G**

|  |  |
| --- | --- |
| Logo of HCVC | ỦY BAN NHÂN DÂN  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỂ TP.HCM**  **Địa chỉ**: 235 Hoàng Sa, Phường Tân Định, Quận 1,  Thành phố Hồ Chí Minh.  **Website**:  [www.caodangnghehcm.edu.vn](http://www.dongan.edu.vn/) |

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGHỀ KỸ THUẬT SỬA CHỮA,**

**LẮP RÁP MÁY TÍNH**

**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**NĂM 2022**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2023

***Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2022***

**MỤC LỤC**

[PHẦN A: GIỚI THIỆU TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TP.HCM 1](#_Toc173736032)

[I. THÔNG TIN CHUNG 1](#_Toc173736033)

[II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG 1](#_Toc173736034)

[III. GIỚI THIỆU VỀ KHOA ĐT-ĐKTĐ 5](#_Toc173736035)

[1. Thông tin khái quát và các thành tích đạt được 5](#_Toc173736036)

[2. Cơ cấu tổ chức 7](#_Toc173736037)

[3. Các chương trình đào tạo Khoa được giao phụ trách 7](#_Toc173736038)

[4. Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT 7](#_Toc173736039)

[5. Phương thức đào tạo 9](#_Toc173736040)

[6. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ Cao đẳng 9](#_Toc173736041)

[7. Địa điểm đào tạo, quy mô tuyển sinh theo giấy đăng ký hoạt động dạy nghề, kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp 12](#_Toc173736042)

[8. Đội ngũ nhà giáo 12](#_Toc173736043)

[9. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo 13](#_Toc173736044)

[PHẦN B: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 14](#_Toc173736045)

[I. TỔNG QUAN CHUNG 14](#_Toc173736046)

[1.1. Căn cứ tự đánh giá 15](#_Toc173736047)

[1.2. Mục đích tự đánh giá 15](#_Toc173736048)

[1.3. Yêu cầu tự đánh giá 15](#_Toc173736049)

[1.4. Phương pháp tự đánh giá 16](#_Toc173736050)

[1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá 16](#_Toc173736051)

[II. TỰ ĐÁNH GIÁ 17](#_Toc173736052)

[2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá: 17](#_Toc173736053)

[2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn 23](#_Toc173736054)

[2.2.1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính 23](#_Toc173736055)

[Tiêu chuẩn 1.1 24](#_Toc173736056)

[Tiêu chuẩn 1.2 28](#_Toc173736057)

[Tiêu chuẩn 1.3 31](#_Toc173736058)

[2.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo 32](#_Toc173736059)

[Tiêu chuẩn 2.1 33](#_Toc173736060)

[Tiêu chuẩn 2.2 35](#_Toc173736061)

[Tiêu chuẩn 2.3 37](#_Toc173736062)

[Tiêu chuẩn 2.4 41](#_Toc173736063)

[Tiêu chuẩn 2.5 42](#_Toc173736064)

[Tiêu chuẩn 2.6 45](#_Toc173736065)

[Tiêu chuẩn 2.7 46](#_Toc173736066)

[2.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động 47](#_Toc173736067)

[Tiêu chuẩn 3.1 49](#_Toc173736068)

[Tiêu chuẩn 3.2 52](#_Toc173736069)

[Tiêu chuẩn 3.3 54](#_Toc173736070)

[Tiêu chuẩn 3.4 56](#_Toc173736071)

[Tiêu chuẩn 3.5 58](#_Toc173736072)

[Tiêu chuẩn 3.6 60](#_Toc173736073)

[Tiêu chuẩn 3.7 64](#_Toc173736074)

[Tiêu chuẩn 3.8 65](#_Toc173736075)

[2.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình. 66](#_Toc173736076)

[Tiêu chuẩn 4.1 67](#_Toc173736077)

[Tiêu chuẩn 4.2 72](#_Toc173736078)

[Tiêu chuẩn 4.3 75](#_Toc173736079)

[Tiêu chuẩn 4.4 79](#_Toc173736080)

[Tiêu chuẩn 4.5 83](#_Toc173736081)

[Tiêu chuẩn 4.6 85](#_Toc173736082)

[Tiêu chuẩn 4.7 87](#_Toc173736083)

[Tiêu chuẩn 4.8 87](#_Toc173736084)

[Tiêu chuẩn 4.9 88](#_Toc173736085)

[Tiêu chuẩn 4.10 89](#_Toc173736086)

[Tiêu chuẩn 4.11 90](#_Toc173736087)

[Tiêu chuẩn 4.12 92](#_Toc173736088)

[2.2.5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện 93](#_Toc173736089)

[Tiêu chuẩn 5.1 95](#_Toc173736090)

[Tiêu chuẩn 5.2 100](#_Toc173736091)

[Tiêu chuẩn 5.3 101](#_Toc173736092)

[Tiêu chuẩn 5.4 102](#_Toc173736093)

[Tiêu chuẩn 5.5 104](#_Toc173736094)

[Tiêu chuẩn 5.6 105](#_Toc173736095)

[Tiêu chuẩn 5.7 108](#_Toc173736096)

[Tiêu chuẩn 5.8 109](#_Toc173736097)

[2.2.6. Tiêu chí 6 - Dịch vụ người học 111](#_Toc173736098)

[Tiêu chuẩn 6.1 113](#_Toc173736099)

[Tiêu chuẩn 6.2 114](#_Toc173736100)

[Tiêu chuẩn 6.3 117](#_Toc173736101)

[Tiêu chuẩn 6.4 118](#_Toc173736102)

[2.2.7. Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng 120](#_Toc173736103)

[Tiêu chuẩn 7.1 121](#_Toc173736104)

[Tiêu chuẩn 7.2 122](#_Toc173736105)

[Tiêu chuẩn 7.3 123](#_Toc173736106)

[Tiêu chuẩn 7.5 124](#_Toc173736107)

[Tiêu chuẩn 7.6 125](#_Toc173736108)

[Tiêu chuẩn 7.7 126](#_Toc173736109)

[Tiêu chuẩn 7.8 127](#_Toc173736110)

[PHẦN C: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 129](#_Toc173736111)

[PHẦN D: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 130](#_Toc173736112)

[I. ĐỀ XUẤT 130](#_Toc173736113)

[II. KIẾN NGHỊ 130](#_Toc173736114)

[PHỤ LỤC 131](#_Toc173736115)

[1. Quyết định thành lập hội đồng 131](#_Toc173736116)

[2. Kế hoạch thực hiện tự đánh giá 134](#_Toc173736117)

[3. Bảng mã minh chứng 140](#_Toc173736118)

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Từ viết tắt** | **Nội dung** |
|  | BGH | Ban giám hiệu |
|  | Bộ LĐTBXH | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
|  | GDNN | Giáo dục nghề nghiệp |
|  | CB, VC, GV, NV | Cán bộ, Viên chức, Giảng viên, Nhân viên |
|  | DN | Doanh nghiệp |
|  | CTĐT | Chương trình đào tạo |
|  | GTĐT | Giáo trình đào tạo |
|  | HS, SV | Học sinh, Sinh viên |
|  | KTSC, LRMT | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính |
|  | Khoa ĐT-ĐKTĐ | Khoa Điện tử |
|  | Khoa SPGDNN | Khoa Sư phạm Giáo dục nghề nghiệp |
|  | HCMCVC | Tên viết tắt tiếng Anh của trường |
|  | Tp.HCM | Thành phố Hồ Chí Minh |
|  | P.CTHSSV | Phòng Công tác Học sinh Sinh viên |
|  | P.ĐBCL-KT | Phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí |
|  | TT TS&ĐTTX | Trung tâm tuyển sinh và Đào tạo thường xuyên |
|  | P.ĐT | Phòng Đào tạo |
|  | P.QTTB | Phòng Quản trị thiết bị |
|  | P.TC-KT | Phòng Tài chính -Kế toán |
|  | P.HC-TC | Phòng Hành chính -Tổ chức |

# 

# PHẦN A: GIỚI THIỆU TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TP.HCM

## I. THÔNG TIN CHUNG

Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh: HO CHI MINH CITY VOCATIONAL COLLEGE

Cơ quan chủ quản: UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ trường:

* Cơ sở 1: 235 Hoàng Sa (38 Trần Khánh Dư), Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
* Cơ sở 2: 01 Đường 17 (48/43 Chương Dương), Phường Linh Chiểu, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : (028) 38438720 - (028) 38483265

Số Fax : (028) 3843.5537

Email : cdntphcm@vnn.vn

Website : [www.caodangnghehcm.edu.vn](http://www.dongan.edu.vn)

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1999 - Trường Công nhân Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh.

- Năm 2007 nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Tp. Hồ Chí Minh.

Loại hình trường: Công lập

## II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG

Tháng 10 năm 1999, Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh đã ra quyết định thành lập Trường Công Nhân Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh với nhiệm vụ chính của trường là đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật lành nghề, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho nhu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và các khu vực lân cận nói chung.

Ngày 31 tháng 01 năm 2007 Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội đã ký quyết định số 196/QĐ-BLĐ-TB&XH nâng cấp Trường Công nhân Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường CĐN TPHCM. Tháng 2/2009 trường được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội công nhận đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng dạy nghề thời hạn 5 năm và được chọn là trường đầu tư tập trung trọng điểm từ vốn Chương trình mục tiêu đến năm 2020. Trường cũng được Uỷ ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh xây dựng kế họach đầu tư nâng cấp thành trường đạt chuẩn chất lượng cao ngang tầm khu vực giai đoạn 2010 - 2020.

Trong những năm qua Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh không ngừng phát triển về cơ sở vật chất, quy mô đào tạo, ngành nghề đào tạo và chất lượng đào tạo. Những năm đầu chỉ đào tạo có 4 nghề, cơ sở vật chất còn thiếu, đội ngũ giảng viên và cán bộ, công nhân viên chỉ hơn 40 người, trình độ đào tạo chủ yếu là công nhân kỹ thuật 3/7. Đến nay cơ sở hạ tầng, trang thiết bị dạy nghề đảm bảo đáp ứng đủ yêu cầu đào tạo 14 nghề tại trường, ở các cấp trình độ đào tạo từ sơ cấp đến cao đẳng.

Với tiêu chí **“*Chất lượng đào tạo là mục tiêu hàng đầu”***, để góp phần cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức và có kỹ năng cao phục vụ cho sự nghiệp Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa Đất nước, hội nhập Quốc tế, nhà trường tiếp tục gắn kết nhiều chương trình hợp tác, liên kết đào tạo với nước ngoài như: tỉnh Kawasaki, Nhật Bản về tổ chức bồi dưỡng tay nghề cho giảng viên, sinh viên nghề Cơ khí chế tạo và nâng cao tay nghề cho giảng viên nghề Hàn; APEPE (Vương Quốc Bỉ) về “xây dựng các chỉ số theo dõi triển khai chương trình tiếp cận theo năng lực”, “Xây dựng các bộ chuẩn 3 nghề Ô tô”; Tổ chức JICA, Nhật Bản về “Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam”; Hợp tác với Hội đồng Anh và trường West College Scotland về xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng, phát triển kỹ năng thiết yếu trong chương trình giảng dạy chuyên môn. Tham gia chương trình “Học Bổng Nữ Sinh Kỹ Thuật” thuộc dự án “Liên Minh Hợp Tác Giáo Dục Đại Học Ngành Kỹ Thuật” do Intel, Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế Hoa Kỳ - USAID, Đại Học Bang Arizona Hoa Kỳ, Tập đoàn Siemens, Danaher, Cadence, National Instruments, Pearson đồng tài trợ; Triển khai hoạt động lồng ghép giới (bình đẳng giới) thuộc Dự án do Tây Ban Nha tài trợ nhằm lồng ghép bình đẳng giới trong các quy định đối với cán bộ, giảng viên trường nghề (theo công văn 276/CKĐCL-KĐ của Cục kiểm định chất lượng dạy nghề- TCDN). Thực hiên dự án “Hợp tác chiến lược ngành Đan Mạch - Việt Nam về đào tạo nghề” với nghề Thiết kế đồ họa từ 2016-2020.

Trường Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh được Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội chọn thí điểm đào tạo Cao đẳng nghề đạt chuẩn trình độ cấp độ Quốc tế theo chương trình đào tạo nghề được chuyển giao từ Úc với 3 nghề: Nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm), nghề Điện tử công nghiệp và nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp tại Quyết định 760/QĐ-LĐTBXH ngày 19.6.2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội. Với chương trình đào tạo này, người học sau khi tốt nghiệp được cấp 2 bằng: bằng Cao đẳng nghề của Việt Nam và bằng Cao đẳng nghề Quốc tế do học viện Chisholm, bang Victoria, Úc cấp.

Trường là một trong các trường được đầu tư trong Dự án phát triển thành trường nghề chất lượng cao theo quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ. Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội lựa chọn và phê duyệt trở thành 1 trong 40 trường nghề chất lượng cao của Việt Nam đến năm 2020 theo Quyết định số 1477/QĐ-LĐTBXH ngày 22.10.2012, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt nghề trọng điểm và trường được lựa chọn và theo Quyết định số 854/QĐ-LĐTBXH ngày 6.6.2013 nghề trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế. Trường được phê duyệt đào tạo 6 nghề trọng điểm (03 nghề cấp độ Quốc tế: Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp; 02 nghề cấp độ khu vực: KTSC, LRMT, Cắt gọt kim loại; 01 nghề cấp độ quốc gia: KTSC, LRMT) giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 theo quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã Hội.

Gần 25 năm hoạt động và phát triển, trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả nhất định, dưới đây là những kết quả nổi bật nhất của trường:

Từ năm 1999 đến 2012 Trường đã nhận được nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Bằng khen của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội. Cùng nhiều cờ thi đua của UBND TP. HCM, cờ thi đua của Tổng LĐLĐ Việt Nam.

Được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 3 theo quyết định số 1408/QĐ-CTN ngày 25/09/2009.

Năm 2012 Trường cử GV tham gia hội giảng Giảng viên dạy nghề toàn quốc đạt 1 đạt giải nhất và 1 đạt giải ba

Về phía Đảng bộ cơ sở: đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền (2007-2011) theo quyết định số 1435-QĐ/TU ngày 09/10/2012.

Từ năm 2013 đến nay Trường được Uỷ ban Nhân dân thành phố HCM công nhận “Tập thể lao động xuất sắc năm 2012”, Bằng khen Ủy ban nhân dân Thành phố “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác dạy nghề và đào tạo nghề cho thanh niên giai đoạn 2012-2015” ngày 19/3/2015 theo QĐ số 1158/QĐUB ngày 19/3/2015. Theo đó cũng có nhiều bằng khen cho các cá nhân như:

+ 3 Chiến sĩ thi đua cấp thành phố.

+ 3 Bằng khen do Bộ Lao động Thương binh & Xã hội cấp theo QĐ số 45/QĐ-LĐTBXH ngày 8/1/2013 cho 3 cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2012.

+ Bằng khen cấp thành phố cho 05 giảng viên tham gia hội giảng giảng viên dạy nghề toàn quốc 2015.

Được UBND thành phố HCM công nhận “Tập thể lao động xuất sắc nhiệm vụ năm học 2013 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố” theo quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 17/2/2014.

Công đoàn và Đoàn Thanh niên được đạt danh hiệu vững mạnh, xuất sắc 3 năm liền, nhận bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

+ Đoàn trường Đạt danh hiệu “Đoàn cơ sở xuất sắc”.

+ Công đoàn trường Đạt danh hiệu “Công đoàn vững mạnh xuất sắc”.

Năm 2015, hội thi giảng viên dạy giỏi nghề cấp Thành phố đạt: 05 giải nhất và 01 giải 3. Hội thi giảng viên dạy giỏi nghề cấp Toàn quốc đạt thành tích 01 giải nhì; 02 giải ba; 02 giải khuyến khích; 02 giải giảng viên tham gia trẻ nhất và 01 giải giảng viên sử dụng thiết bị dạy nghề tự làm trong bài giảng đạt hiệu quả cao.

Hội thi tay nghề trẻ cấp thành phố năm 2016 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức với kết quả: gồm 04 giải nhất (nghề Điện tử công nghiệp, Thiết kế kỹ thuật CAD đạt 03 giải nhất); 03 giải nhì gồm (nghề tự động hóa công nghiệp, công nghệ ô tô, giải pháp phần mềm công nghệ thông tin); 02 giải ba gồm (nghề Điện tử công nghiệp, Lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp); 03 giải khuyến khích gồm (nghề Điện tử công nghiệp, giải pháp phần mềm công nghệ thông tin, KTSC, LRMT) và giải ba tập thể Trường CĐN TPHCM.

Trường được UBND thành phố HCM công nhận “Tập thể lao động xuất sắc nhiệm vụ năm học 2015-2016 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố” theo quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 28/9/2016.

Trường đạt giải 3 toàn Đoàn tại hội diễn Văn nghệ HSSV các cơ sở dạy nghề toàn quốc năm 2016, theo Quyết định số 1267/QĐ-LĐTBXH.

Bằng khen do Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội tặng: “Đã có thành tích xuất sắc năm 2016” theo QĐ số 859/QĐ-LĐTBXH ngày 13/6/2017.

Bằng khen của Bảo hiểm xã hội thành phố: “Trường CĐN TPHCM đã có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền phối hợp, thực hiện tốt chính sách BHYT HSSV năm 2016-2017” theo quyết định số 33/QĐ-BHXH ngày 08/8/2017.

Năm 2018, Trường tham gia Hội giảng giảng viên dạy giỏi nghề cấp Thành phố đạt: 02 giải nhất, 01 giải 3 và 01 giải khuyến khích. Hội giảng giảng viên dạy giỏi nghề cấp Toàn quốc đạt thành tích 02 giải nhất; 01 giải ba.

Hội thi tay nghề trẻ cấp quốc gia năm 2018 do Tổng cục giáo dục nghề nghiệp tổ chức với kết quả: gồm 01 giải nhất (nghề Điện lạnh) và 02 giải khuyến khích (nghề Điện lạnh và Điện tử công nghiệp).

Được UBND Thành phố Hồ Chí Minh công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp thành phố cho các cá nhân thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục nhiều năm (từ năm 2013 đến năm 2015)” theo quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 09/019/2018.

Giấy khen do Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tặng cho: “các tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018” theo QĐ số 6599/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/3/2018.

Năm 2018, Trường có 25 “chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2017” theo quyết định 24994/QĐ-SLĐTBXH ngày 19/9/2018.

Năm 2019: khen thưởng các cá nhân, tập thể tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần thứ VI năm 2019, cấp thành phố: đạt 01 giải và 01 giải nhì; cấp toàn quốc đạt 01 giải nhì và 01 giải khuyến khích.

Năm 2020: 01 cá nhân đạt thành tích giải nhất, 01 cá nhân đạt giải nhì, và 02 cá nhân đạt giải khuyến khích tại tại hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Thành phố năm 2020; 03 nhóm sinh viên của Khoa Công nghệ Thông tin đạt giải (01 giải nhất và 02 giải thiết kế tiềm năng) trong cuộc thi thiết kế biểu tượng thương hiệu cho Dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam – Hợp tác giữa Việt Nam và Đan Mạch.

Năm 2021: 01 cá nhân đạt giải nhì, 01 cá nhân đạt giải khuyến khích tại hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Toàn quốc năm 2021.

Phát động phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập trường, khen thưởng 164 cá nhân có thâm niên công tác tại Trường; 08 cá nhân nhận giấy khen Sở; 07 tập thể nhận giấy khen Trường.

## III. GIỚI THIỆU VỀ KHOA ĐT-ĐKTĐ

### 1. Thông tin khái quát và các thành tích đạt được

Tên khoa: **Khoa Điện tử**

Tên Tiếng Anh: **Faculty of Electronic – Automatic Control**

Email: khoa-dtdktd@cdntphcm.edu.vn

Khoa được giao nhiệm vụ thực hiện CTĐT nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính lần đầu vào năm 2008 với tên gọi Khoa Điện tử theo quyết định số 107*/*QĐ-CĐN ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề TP.HCM.

Đến năm 2021, khoa Điện tử đổi tên mới là Khoa Điện tử và được giao nhiệm vụ thực hiện CTĐT nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính theo quyết định số 357*/*QĐ-CĐN ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề TP.HCM, với chức năng và nhiệm vụ chính được giao:

- Quản lý và triển khai hoạt động đào tạo các nghề có trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp: điện tử công nghiệp, điều khiển tự động, điện công nghiệp, kỹ thuật sữa chữa và lắp ráp máy tính...;

- Quản lý và triển khai hoạt động đào tạo các nghề dưới 3 tháng (đào tạo thường xuyên): lắp đặt điện cơ bản, bảo trì tòa nhà, điện tử cơ bản, thiết kế quảng cáo hệ thống điện;

- Tổ chức bồi dưỡng, đánh giá kỹ năng thực hành nghề với nghề: điện tử công nghiệp, điều khiển tự động, điện công nghiệp, kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính;

- Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia các nghề: điện tử công nghiệp, điện công nghiệp.

Phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí, Phòng Đào tạo tổ chức giám sát công tác kiểm tra kết thúc mô đun, môn học theo quy định. Biên soạn, cung cấp đề kiểm tra kết thúc mô đun, môn học.

Thực hiện đúng tiến độ đào tạo, chế độ kiểm tra, thi, quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên theo Quy chế đào tạo của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM, chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy cho học sinh, sinh viên. Quản lý sĩ số và duy trì số lượng học sinh – sinh viên, chịu trách nhiệm về giáo dục nhân cách và chuyên cần của học sinh - sinh viên.

Hằng năm, theo thông báo của nhà Trường, Khoa tiến hành bổ sung đề nghị điều chỉnh chương trình đào tạo, giáo trình giảng dạy cho phù hợp với từng trình độ và nhu cầu xã hội.

Thường xuyên đổi mới và đưa ra phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng lớp học nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác đào tạo nghề. Thực hiện tự kiểm định, đánh giá chất lượng đào tạo, tự kiểm định chương trình đào tạo, quy trình bảo đảm chất lượng theo quy định của Trường.

Thành tích của Khoa qua các năm:

| **Năm** | **Hình thức khen thưởng** | **Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định** |
| --- | --- | --- |
| 2021 | Giấy khen | Quyết định số 35977/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/11/2021 của Sở LĐ-TB&XH Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm học 2020-2021:  - Tập thể Khoa Điện - Điện lạnh  - Ông Trần Phương Nam, Trưởng khoa Điện - Điện lạnh, Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |

### 2. Cơ cấu tổ chức



### 3. Các chương trình đào tạo Khoa được giao phụ trách

Chương trình đào tạo Khoa được giao phụ trách các nghề: Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Kỹ thuật lắp đặt và sửa chữa máy tính.

### 4. Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính được đào tạo bao gồm các mục tiêu về kiến thức và kỹ năng như sau:

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 482/QĐ-CĐN ngày 07/9/2022 của Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh)*

**Tên nghề:** Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính

**Mã nghề**: 6480102

**Trình độ đào tạo**: Cao đẳng

**Phương thức đào tạo**: tích luỹ mô đun, tín chỉ

**Hình thức đào tạo**: Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh**: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

**Thời gian đào tạo**: 2,5 năm

**1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:**

***\* Mục tiêu chung:***

Đào tạo kỹ sư thực hành nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức tư cách tốt, có đủ sức khỏe và được trang bị một nền tảng kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng thực hành nghề để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

***\* Mục tiêu cụ thể:***

* **Phẩm chất:**

Có phẩm chất chính trị, đạo đức tư cách và đủ sức khỏe để tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

* **Kiến thức:**

Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

Trình bày đư­ợc một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật để phân tích các hiện tượng h­ư hỏng một cách khoa học, hợp lí.

Có các kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính

Có đủ kiến thức về khoa học kỹ thuật làm nền tảng cho việc lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy vi tính.

Có khả năng phân tích, đánh giá và đ­ưa ra giải pháp xử lý các sự cố, tình huống trong hệ thống máy vi tính.

Trang bị cho sinh viên kiến thức ngoại ngữ và am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.

Có những kiến thức cần thiết để tiếp thu tốt các môn học có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.

* **Kỹ năng:**

Lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy vi tính.

Sửa chữa, bảo dưỡng các thành phần và thiết bị ngoại vi của hệ thống máy vi tính.

Có năng lực kèm cặp, hướng dẫn các bậc thợ thấp hơn.

Biết tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất của một phân xưởng, một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng, quản lý mạng cục bộ.

Tính độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân trong việc tổ chức, quản lý và điều hành đơn vị công tác kỹ thuật của mình.

Có khả năng tự nâng cao trình độ chuyên môn tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

Tổ chức, quản lý nhóm thợ trong hoạt động tổ nhóm.

Hư­ớng dẫn nghề nghiệp cho thợ có trình độ thấp hơn;

***\* Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:***

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ năng lực đảm nhận vị trí kỹ sư thực hành cao đẳng nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các nhà máy, xí nghiệp, học viện, trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo… Sinh viên cũng có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn ở trong nước cũng như ở nước ngoài.

**2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC**

### Số lượng học phần (môn học, mô đun): 38

### Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2400 giờ (100 tín chỉ)

### Khối lượng các môn học chung / đại cương: 435 giờ

### Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1965 giờ

### Khối lượng lý thuyết: 789 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1541 giờ

### Thời gian khóa học: 2,5 năm

### 5. Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với nghề KTSC, LRMT

- Đối với hệ Trung cấp: đào tạo theo niên chế;

- Đối với hệ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông: đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun, tín chỉ.

Phương thức đào tạo nghề của Trường hiện nay được tính theo phương thức tích lũy tín chỉ, chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT đào tạo trong thời gian 2,5 năm, một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Sinh viên theo hướng dẫn của GV chủ nhiệm (cố vấn học tập), đăng ký học các môn học/ mô đun sẽ học trong học kỳ đó với Nhà trường. Sau khi hoàn thành nội dung môn học/ mô đun trong CTĐT và chấp hành tốt các quy định, quy chế của Nhà trường thì sẽ được hướng dẫn đăng ký xét tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo được xây dựng với tỉ lệ 30% lý thuyết 70% thực hành tạo điều kiện sinh viên thực hành và tự rèn luyện kỹ năng nghề nhiều hơn, bên cạnh đó khoa còn thiết kế một số mô đun cho sinh viên được học tập tại doanh nghiệp giúp các em tiếp cận với môi trường làm việc thực tế bên ngoài giúp các em sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ có vị trí làm việc tốt, khả năng thích ứng cao và đặc biệt doanh nghiệp sẽ không mất thời gian đào tạo lại chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông giữa các bậc trình độ với nghề tương ứng.

### 6. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ Cao đẳng

Chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng được ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-CĐN ngày 01/9/2021 của Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh.

*Nội dung chi tiết của chương trình đào tạo gồm các Mô đun/ Môn học sau:*

| **Mã MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Số tín chỉ** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận** | **Kiểm tra** | **Tự học** | **Số cột KTĐK và TX** |
| ***I*** | ***Các môn học chung*** | ***18*** | ***435*** | ***157*** | ***255*** | ***420*** | ***23*** | ***14*** |
| MH 01 | Giáo dục chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 105 | 5 | 3 |
| MH 02 | Pháp luật | 1 | 30 | 18 | 10 | 30 | 2 | 1 |
| MH 03 | Giáo dục thể chất | 2 | 60 | 5 | 51 | 30 | 4 | 2 |
| MH 04 | Giáo dục quốc phòng và An ninh | 3 | 75 | 36 | 35 | 75 | 4 | 3 |
| MH 05 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 60 | 2 | 2 |
| MH 06 | Tiếng anh | 5 | 120 | 42 | 72 | 120 | 6 | 3 |
| MH 08 | Kỹ năng thiết yếu | 1 | 15 | 10 | 4 | 1 | 30 | 1 |
| ***II*** | ***Các môn học, mô đun chuyên môn nghề*** | ***82*** | ***2010*** | ***555*** | ***1366*** | ***89*** | ***1830*** | ***80*** |
| *II.1* | ***Môn học, mô đun cơ sở*** | ***16*** | ***330*** | ***142*** | ***170*** | ***390*** | ***18*** | ***19*** |
| MĐ 07 | Kiến trúc máy tính | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 08 | Kỹ thuật đo lường | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 09 | Kỹ thuật điện tử | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MĐ 10 | Thực hành kỹ thuật điện tử | 3 | 90 | 0 | 86 | 45 | 4 | 3 |
| MH 11 | Anh văn chuyên ngành | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MH 12 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MH 13 | An toàn toàn lao động | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MH 14 | Kỹ năng thiết yếu | 1 | 15 | 13 | 0 | 30 | 2 | 1 |
| *II.2* | ***Môn học, mô đun chuyên môn nghề*** | ***66*** | ***1635*** | ***440*** | ***1116*** | ***1335*** | ***79*** | ***59*** |
| MĐ 15 | Kỹ thuật xung số | 3 | 45 | 43 | 0 | 90 | 2 | 2 |
| MĐ 16 | Thực hành kỹ thuật xung số | 2 | 60 | 0 | 56 | 30 | 4 | 2 |
| MĐ 17 | Lắp ráp và cài đặt máy tính | 3 | 45 | 43 | 0 | 90 | 2 | 2 |
| MĐ 18 | Thực hành lắp ráp và cài đặt máy tính | 3 | 90 | 0 | 85 | 45 | 5 | 3 |
| MĐ 19 | Thiết kế mạch in | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 20 | Hệ điều hành | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 21 | Mạng máy tính | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 22 | Sửa chữa bộ nguồn | 4 | 90 | 30 | 56 | 90 | 4 | 3 |
| MĐ 23 | Kỹ thuật sửa chữa màn hình | 4 | 90 | 30 | 56 | 90 | 4 | 3 |
| MĐ 24 | Lập trình ghép nối máy tính | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 25 | Điều khiển tự động PLC | 3 | 75 | 15 | 56 | 60 | 4 | *3* |
| MĐ 26 | Xử lý sự cố phần mềm | 4 | 90 | 30 | 56 | 90 | 4 | 3 |
| MĐ 27 | Sửa chữa máy tính | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MĐ 28 | Thực hành sửa chữa máy tính | 2 | 60 | 0 | 56 | 30 | 4 | 2 |
| MĐ 29 | Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 30 | Kỹ thuật vi xử lý | 4 | 90 | 30 | 56 | 90 | 4 | 3 |
| MĐ 31 | Quản trị mạng | 4 | 90 | 30 | 56 | 90 | 4 | 3 |
| MĐ 32 | Sửa chữa máy tính nâng cao | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MĐ 33 | Thực hành sửa chữa máy tính nâng cao | 2 | 60 | 0 | 56 | 30 | 4 | 2 |
| MĐ 34 | Thiết kế mạng LAN | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 35 | Sửa chữa màn hình LCD-LED | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MĐ 36 | Thực hành sửa chữa màn hình LCD-LED | 2 | 60 | 0 | 56 | 30 | 4 | 2 |
| MĐ 37 | Đồ án kỹ thuật | 2 | 60 | 15 | 45 | 30 | 4 | *2* |
| MĐ 38 | Thực tập tốt nghiệp | 6 | 270 | 0 | 260 | 0 | 10 | 0 |
| *II.3* | ***Môn học, mô đun chuyên môn nghề tự chọn*** | ***6*** | ***135*** | ***45*** | ***84*** | ***105*** | ***6*** | ***6*** |
| MĐ 39 | Xây dựng và quản trị hệ thống mạng doanh nghiệp | 4 | 90 | 30 | 56 | 60 | 4 | 4 |
| MĐ 40 | Lắp đặt hệ thống CCTV | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 2 |
| **Tổng cộng** | | **100** | **2400** | **739** | **1541** | **2145** | **120** | **92** |

### 7. Địa điểm đào tạo, quy mô tuyển sinh theo giấy đăng ký hoạt động dạy nghề, kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

- Đào tạo tại 02 cơ sở của trường gồm:

Cơ sở 1: 235 Hoàng Sa, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Cơ sở 2: 19A Đường 17, Phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Quy mô tuyển sinh theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khóa học** | **Số lượng tuyển sinh** | | **Tỷ lệ tuyển sinh so với kế hoạch** |
| **Theo kế hoạch** | **Thực tế** |
|  | Năm 2021 | 70 | 35 | **50,0%** |

### 

### 8. Đội ngũ nhà giáo

Hiện nay, đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy tất cả các môn học, mô đun nghề của chương trình đào tạo (theo thống kê vào thời điểm 01/12/2021), không tính giảng viên dạy các môn chung, môn cơ sở bao gồm:

- Nam: 04 - Nữ: 0.

| **Trình độ đào tạo** | **Nam** | **Tổng số GV** |
| --- | --- | --- |
| Thạc sĩ | 03 | 03 |
| Đại học | 01 | 01 |
| **Tổng số** | **04** | **04** |

### 

### 9. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Khoa Điện tử là một Khoa chuyên môn của trường Cao đẳng nghề TP.HCM, được đầu tư trang thiết bị giảng dạy, xưởng thực hành tương đối qui mô và hiện đại đáp ứng giảng dạy nghề KTSC, LRMT với 03 cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp. Hiện nay khoa được hoạt động tại 2 cơ sở với các xưởng như Sửa chữa máy tính; Thực hành máy tính 1, Thực hành máy tính 2,…cùng các kho đa dụng, văn phòng khoa và phòng nghỉ giáo viên với diện tích từ 60 đến 120m2 /xưởng.

**Hạng mục, công trình do Trường quản lý (sử dụng chung)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục, công trình** | **Đơn vị tính** | **Tổng số** | **Ghi chú** |
|  | Văn phòng Tuyển sinh ...(dùng chung) | phòng | 02 | 1 ở cơ sở 1, 1 ở cơ sở 2 |
|  | Phòng học lý thuyết ...(dùng chung) | phòng | 56 | Phân bổ các lớp học theo thời khóa biểu |

**Hạng mục, công trình do Khoa quản lý (sử dụng riêng)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục, công trình** | **Đơn vị tính** | **Tổng số** | **Ghi chú** |
|  | Văn phòng Khoa | phòng | 1 | CS1 |
|  | Kho | phòng | 1 | CS1 |
|  | Phòng Ngoại ngữ | phòng | 2 | CS1 |
|  | Xưởng thực hành | Xưởng | 7 | CS1 |

**Giáo trình, sách tham khảo (tại thư viện)**

| **Nội dung** | **Năm 2022** |
| --- | --- |
| Giáo trình nghề KTSC, LRMT tự biên soạn năm 2021 (mỗi loại 5 cuốn) | 130 GT |
| Tài liệu tham khảo liên quan nghề KTSC, LRMT | 100 TL |
| Giáo trình tham khảo (ebook) | Hơn 2500 |

# PHẦN B: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## I. TỔNG QUAN CHUNG

**Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**

Trường CĐN TPHCM đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành vào năm 2020 theo Quyết định số 109/QĐ-KĐGDVN ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Công ty cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam.

Trường luôn thực hiện tốt công tác bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng cơ sở cũng như tự đánh giá các chương trình đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ LĐTBXH và công văn hướng dẫn CV454 ngày 25 tháng 3 năm 2019 về 50 tiêu chuẩn trong 07 tiêu chí kiểm định chất lượng. Đánh giá đúng thực trạng toàn bộ các hoạt động chung của Trường và công tác hoạt động đào tạo nghề KTSC, LRMT của Khoa. Qua đó, Khoa có cơ sở để đề xuất với lãnh đạo Nhà trường tạo điều kiện đảm bảo chất lượng cho các hoạt động đào tạo của Khoa trong từng giai đoạn; Qua đó, Nhà trường từng bước phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo tất cả các nghề đang đào tạo.

**Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng**

Thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp từ năm 2018 đến nay theo quy trình tự đánh giá của thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017. Do vậy trong năm 2021, Khoa Điện tử tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất của Tổng cục GDNN.

### Căn cứ tự đánh giá

Để thực hiện công tác tự đánh giá, Trường căn cứ vào các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn như sau:

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;

- Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016 – 2020.

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Cục kiểm định chất lượng - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng;

- Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT, trình độ cao đẳng thực hiện theo kế hoạch số 82/KH-CĐN ngày 23 tháng 04 năm 2021 của Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh.

### Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng GDNN, nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo nghề hiện tại và để đăng ký KĐCL CTĐT trình độ cao đẳng đối với cơ quan kiểm định chất lượng. Hoạt động tự đánh giá góp phần nâng cao nhận thức của CCVC, GV và HSSV trong Khoa Điện tử về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT.

Tự đánh giá nhằm xác định mức độ thực hiện như: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo trình dạy học, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh sinh viên, công tác giảng dạy của giảng viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn và dài hạn, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề chất lượng cao.

### Yêu cầu tự đánh giá

Trên cơ sở:

- Mô tả, làm rõ thực trạng hoạt động của khoa nghề tại Trường CĐN TP.HCM với sự tham gia của các đơn vị, các nhân có liên quan;

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan;

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng;

- Phân tích, giải thích, so sánh và đưa ra những nhận định; chỉ ra những điểm mạnh, những tồn tại và những biện pháp khắc phục;

- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo;

- Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

### Phương pháp tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:

1. Căn cứ vào Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT, Trường Cao đẳng Nghề TP.HCM thực hiện công tác tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của trường.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chương trình có liên quan, phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Trường.

3. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chương trình của Trường và gửi hội đồng Đánh giá của Trường.

4. Công bố báo cáo tự đánh giá và tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của Trường.

### Các bước tiến hành tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá thực hiện theo Mục 2, Điều 15 của Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH gồm các bước sau:

- Công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng CTĐT: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng CTĐT: Hội đồng phân công bộ phận/nhóm phụ trách; Xây dựng kế hoạch; Phối hợp thu thập và lưu giữ thông tin, minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá, xác định điểm mạnh, tồn tại; Hoàn chỉnh báo cáo để gửi Hội đồng.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT: Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT chỉ đạo điều chỉnh (nếu có), thông qua và phê duyệt báo cáo.

- Công bố báo cáo và gửi cơ quan quản lí: Hội đồng tổ chức họp công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN; Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN theo quy định.

## II. TỰ ĐÁNH GIÁ

### Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

| **TT** | **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm chuẩn** | **Trường tự đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC** |  | **ĐẠT** |
|  | **Tổng điểm** | **100** | **92** |
| **1** | **Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính** | **6** | **6** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| **2** | **Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo** | **14** | **12** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định. | 2 | 2 |
| **3** | **Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên** | **16** | **16** |
|  | Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao | 2 | 2 |
| **4** | **4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình** | **24** | **24** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
| **5** | **Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện** | **16** | **14** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy | 2 | 2 |
| **6** | **Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học** | **8** | **8** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. | 2 | 2 |
| **7** | **Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng** | **16** | **16** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có). | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 2 | 2 |

### Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

#### Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 1**

Trường CĐN TP.HCM được thành lập ngày 31 tháng 01 năm 2007 trên cơ sở nâng cấp Trường Công nhân kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 196/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Trường CĐN TP.HCM tổ chức đào tạo nghề cho người học theo nhiều cấp trình độ: Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, đào tạo ngắn hạn và đào tạo thường xuyên; tổ chức liên kết đào tạo; Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật - công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định pháp luật.

Mục tiêu của Khoa Điện tử điều khiển tự động ( Trước đó là Khoa Điện tử) là đào tạo sinh viên nghề KTSC, LRMT có đủ năng lực phù hợp với yêu cầu sử dụng nhân sự của địa phương, có khả năng tự kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, Khoa luôn tổ chức rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với thực tế của doanh nghiệp.

Việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ được thực hiện kịp thời, trong đó phản ánh đúng xu thế phát triển của trường và các yếu tố tác động tích cực của xã hội.

Có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và cơ chế quản lý và được triển khai đến các bộ phận, kế hoạch phát triển cũng như phương hướng hoạt động của trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát bổ sung sửa đổi trong hội nghị CBVC, đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị.

*\* Những điểm mạnh:* Trường và khoa luôn phấn đấu nâng cao chất lượng CTĐT để đưa nghề KTSC, LRMT thành nghề chất lượng cao phục vụ nhiệm vụ đào tạo của Trường.

\* *Những tồn tại*: Không có

\* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*: Năm 2021 - 2022, Khoa kết hợp với các Doanh nghiệp trong và ngoài Thành phố để đưa HSSV đến thực tập sản xuất; liên kết với các đơn vị sản xuất nhằm tiếp tục khai thác nguồn lực sẵn có của Trường để đảm bảo đủ nguồn thu, đảm bảo mức chi tối thiểu theo quy định; tổ chức các khóa học bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên.

**Điểm đánh giá tiêu chí 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá** |
| **Tiêu chí 1** | **6 điểm** |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 điểm |

##### Tiêu chuẩn 1.1

*Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Mục tiêu, sứ mạng của nhà trường được xác định phù hợp với chức năng và nhiệm vụ được giao được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Điều lệ Trường, Quy chế tổ chức hoạt động của trường được rà soát hàng năm và bổ sung theo từng giai đoạn cụ thể tại Điều 2, Điều lệ Trường tại Quyết định số 5701/QĐ-SLĐTBXH ngày 06/10/2008, được sửa đổi bổ sung lần 2 tại Quyết định số 12004/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/12/2010 của Giám đốc Sở Lao động TB&XH; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường tại Quyết định số46/QĐ-CĐN, ngày 14/2/2023của Hiệu trưởng đó là:

**1. Mục tiêu:**

**- Mục tiêu chung:**Là nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo, có đạo đức, sức khỏe, có trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng sáng tạo thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế, bảo đảm nâng cao năng suất chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm hoặc học trình độ cao hơn.

**- Mục tiêu cụ thể:** Đào tạo người học có năng lực thực hiện được các công việc các trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng, giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có năng lực sáng tạo; ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc.

**2. Sứ mạng:**

Đào tạo lực lượng lao động chất lượng cao, nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo và thực tiễn sản xuất, cung ứng nguồn lao động có đủ năng lực tham gia thị trường trong nước và ngoài nước đủ sức cạnh tranh trong khu vực, người lao động có đủ khả năng học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1. **Tầm nhìn:**

Trở thành Trường cao đẳng chất lượng cao với nòng cốt là đào tạo lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ, đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh và dịch vụ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và tiên phong trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam

Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập vào ngày 8/10/1999 với tên gọi ban đầu là Trường Công nhân kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2007 Trường được Bộ Lao động Thương binh và xã hội cho phép nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh với chức năng nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực lao động kỹ thuật có tay nghề cao cho thành phố và khu vực các tỉnh lân cận *(****1.1.01*** *- Quyết định số 196/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/01/2007 về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh).*

Năm 2010, để phù hợp với các điều kiện thực tế của Trường, Hội đồng trường đã họp và ra Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ trường và được Cơ quan chủ quản phê duyệt. Quy chế tổ chức hoạt động Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng dựa trên các qui định pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế tại trường, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch và được cơ quan chủ quản xem xét và đồng ý cho Hiệu trưởng ban hành. Tháng 9 năm 2023, Trường Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐN TPHCM (lần 4) gồm 10 chương, 42 điều, trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của trường, các đơn vị thuộc trường trong lĩnh vực đào tạo nghề, bồi dưỡng nhân lực đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội trong giai đoạn hiện nay. Nhiệm vụ của Khoa Điện tử điều khiển tự động được quy định tại Chương VI, Điều 30 khoản 5 mục d *(****1.1.02*** *- Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;* ***1.1.03*** *– Các Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM).*

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng phù hợp với mục tiêu của trường và phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT, trình độ cao đẳng có mục tiêu phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Trường và nhu cầu sử dụng nhân lực của khu vực Nam Bộ và ngành KTSC, LRMT. Cụ thể:

***\* Mục tiêu chung:***

Đào tạo kỹ sư thực hành nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức tư cách tốt, có đủ sức khỏe và được trang bị một nền tảng kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng thực hành nghề để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

***\* Mục tiêu cụ thể:***

* **Phẩm chất:**

Có phẩm chất chính trị, đạo đức tư cách và đủ sức khỏe để tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

* **Kiến thức:**

Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

Trình bày đư­ợc một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật để phân tích các hiện tượng h­ư hỏng một cách khoa học, hợp lí.

Có các kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính

Có đủ kiến thức về khoa học kỹ thuật làm nền tảng cho việc lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy vi tính.

Có khả năng phân tích, đánh giá và đ­ưa ra giải pháp xử lý các sự cố, tình huống trong hệ thống máy vi tính.

Trang bị cho sinh viên kiến thức ngoại ngữ và am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.

Có những kiến thức cần thiết để tiếp thu tốt các môn học có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.

* **Kỹ năng:**

Lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy vi tính.

Sửa chữa, bảo dưỡng các thành phần và thiết bị ngoại vi của hệ thống máy vi tính.

Có năng lực kèm cặp, hướng dẫn các bậc thợ thấp hơn.

Biết tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất của một phân xưởng, một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng, quản lý mạng cục bộ.

Tính độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân trong việc tổ chức, quản lý và điều hành đơn vị công tác kỹ thuật của mình.

Có khả năng tự nâng cao trình độ chuyên môn tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

Tổ chức, quản lý nhóm thợ trong hoạt động tổ nhóm.

Hư­ớng dẫn nghề nghiệp cho thợ có trình độ thấp hơn.

Hàng năm, căn cứ vào báo cáo phân tích thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực tại thành phố Hồ Chí Minh, nhà trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu tuyển dụng nhân lực của doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh và tất cả các nghề đào tạo của trường đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động thành phố và khu vực miền Nam. *(****1.1.04*** *- Báo cáo phân tích thị trường lao động năm và dự báo nhu cầu nhân lực năm 2020, 2021 tại TPHCM).*

Mục tiêu của nghề KTSC, LRMT phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, phù hợp với mục tiêu của trường Cao đẳng nghề Tp.HCM, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động tại Tp. HCM, nhu cầu của thị trường cả nước, được công bố công khai tới toàn thể CBVCNV HSSV và toàn xã hội được biết tại Website của Trường và tại Hội nghị công nhân viên chức. *(****1.1.05*** *- www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo).*

Mục tiêu CTĐT nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng được rà soát, điều chỉnh theo quy định cho cho phù hợp với thực tiễn nhu cầu phát triển sản xuất của xã hội. Việc rà soát chương trình đào tạo được nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định theo đúng nội dung, biểu mẫu quy định của Thông tư số 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 01/03/2017. Do vậy mục tiêu Chương trình đào tạo KTSC, LRMT của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng môn học. Hàng năm nhà trường rà soát, điều chỉnh lại mục tiêu chương trình đào tạo.

Năm 2017, Nhà trường ban hành chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng với mã nghề 6480102. Hằng năm, Trường đều có kế hoạch rà soát điều chình CTĐT cho phù hợp với thay đổi của thị trường lao động và thay đổi của công nghệ thông tin*.* Chương trình đào tạo năm 2018, 2019 qua quá trình rà soát không thay đổi. Năm 2021, Nhà trường tiến hành điều chỉnh chương trình với phương thức tích luỹ mô đun, tín chỉ và ban hành cho khóa 2021. *(****1.1.06*** *– Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT; CTĐT chi tiết MH,MĐ trình độ TC, CĐ, liên thông CĐ, năm 2021;* ***1.1.07*** *- Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***1.1.08*** *- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***1.1.09*** *- Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo kèm theo năm 2017, 2021).*

Công tác đào tạo của nhà Trường có sự kiểm tra giám sát của Thanh tra đào tạo trực thuộc phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí phối hợp cùng thanh tra nhân dân *(****1.1.10*** *- Kế hoạch hoạt động Ban thanh tra nhân dân năm 2021; Lịch làm việc của ban thanh tra nhân dân năm 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2021;* ***1.1.11*** *- Báo cáo tổng kết hoạt động ban thanh tra nhân dân năm năm 2021).*

Hằng năm, Nhà trường khảo sát lấy ý kiến về chất lượng, hiệu quả chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT. Kết quả khảo sát mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động là trên 85%. *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1: 2 điểm***.

##### Tiêu chuẩn 1.2

*Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; Khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.*

**Mô tả, phân tích, nhận định**:

Trường Cao đẳng Nghề TP.HCM có cơ cấu tổ chức gồm 06 phòng, 01 trung tâm, 08 khoa. Trường có quyết định giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa Điện tử điều khiển tự động và các đơn vị liên quan như Phòng Tổ chức - hành chính, Phòng tài chính kế toán, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác HSSV, Phòng Quản trị thiết bị, Trung tâm tuyển sinh và đào tạo thường xuyên, Khoa Sư phạm GDNN. Việc thành lập các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các tổ bộ môn, các trung tâm đều thực hiện theo trình tự qui định của Quy chế tổ chức và hoạt động Trường CĐN TP.HCM, có đầy đủ các quyết định thành lập trong đó ghi rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị.

Khoa ĐT-ĐKTĐ được giao nhiệm vụ thực hiện CTĐT nghề KTSC, LRMT lần đầu vào năm 2008 với tên gọi Khoa Điện tử.

Đến năm 2021, khoa Điện tử đổi tên mới là Khoa Điện tử Điểu khiển tự động và được giao nhiệm vụ theo quyết định số 357*/QĐ*-CĐN ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề TP.HCM, với chức năng và nhiệm vụ chính được giao:

- Quản lý và triển khai hoạt động đào tạo các nghề có trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp: điện tử công nghiệp, điều khiển tự động, điện công nghiệp, kỹ thuật sữa chữa và lắp ráp máy tính...;

- Quản lý và triển khai hoạt động đào tạo các nghề dưới 3 tháng (đào tạo thường xuyên): lắp đặt điện cơ bản, bảo trì tòa nhà, điện tử cơ bản, thiết kế quảng cáo hệ thống điện…;

- Tổ chức bồi dưỡng, đánh giá kỹ năng thực hành nghề với nghề: điện tử công nghiệp, điều khiển tự động, điện công nghiệp, kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính;

- Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia các nghề: điện tử công nghiệp, điện công nghiệp. Khoa ĐT-ĐKTĐ đảm nhiệm quản lý và tổ chức đào tạo nghề KTSC, LRMT với chức năng nhiệm vụ của Khoa thực hiện theo quy định tại Khoản 2, và mục d Khoản 5 Điều 30 của Quyết định số 278/QĐ-CĐN ngày 30/09/2021 của Trường. ***(1.1.03*** *– Các Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM;* ***1.2.01*** *– Các Quyết định V/v Ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường CĐN TP.HCM;).*

Công tác quản lý của trường thực hiện theo chế độ và dựa vào qui chế thực hiện dân chủ và quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các khoa chuyên môn, các phòng chức năng trong trường *(****1.2.02 -*** *Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021;* ***1.2.03*** *- Các Quyết định ban hành Quy định về lề lối làm việc của trường CĐN TP.HCM).*

Với chức năng nhiệm vụ được giao, những năm qua Khoa triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và tất cả đều hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hàng năm, trường tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của các đơn vị được phân công cụ thể Khoa ĐT-ĐKTĐ hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo do Nhà trường giao, khoa thực hiện báo cáo tổng kết các công việc đã thực hiện trong năm, rút kinh nghiệm những việc chưa làm được, khen thưởng các cá nhân, đợn vị thực hiện xuất sắc công việc được giao cũng như phương hướng triển khai cho giai đoạn tiếp theo nhằm phát huy được những mặt mạnh và tiếp tục điều chỉnh để các nhiệm vụ đó được hoàn thành ngày càng tốt hơn. *(****1.2.04 -*** *Báo cáo kết quả công tác của khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021;* ***1.2.05 -*** *Báo cáo tổng kết công tác năm học và phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học 2021 - 2022).*

Bảng kết quả khen thưởng của Khoa các năm như sau:

| **Năm** | **Hình thức khen thưởng** | **Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định** |
| --- | --- | --- |
| 2021 | Giấy khen | Số 476/QĐ-CĐN ngày 30/08/2022 của Trường CĐN TPHCM V/v công nhận tập thể , cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến năm học 2021 - 2022, |

Kết quả xếp loại thi đua đối với Khoa Điện tử và các đơn vị liên quan như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Năm 2020-2021** |
|  | Khoa ĐT-ĐKTĐ | Tập thể LĐTT |
|  | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tập thể LĐTT |
|  | Phòng Đào tạo | Tập thể LĐXS |
|  | Phòng Đảm bảo chất lượng – Khảo thi | Tập thể LĐTT |
|  | Phòng Tài chính - Kế toán | Tập thể LĐXS |
|  | Phòng Công tác học sinh sinh viên | Tập thể LĐXS |
|  | Phòng Quản trị thiết bị | Tập thể LĐXS |
|  | Trung tâm TS&ĐTTX | Tập thể LĐXS |

Qua các năm, Khoa ĐT-ĐKTĐ đều hoàn thành suất sắc nhiệm vụ được giao. (***1.2.06 -*** *Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.2: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 1.3

*Hàng năm, Cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.*

**Mô tả, phân tích, nhận định**:

Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh là một trường công lập nên mọi nguồn thu, chi đều minh bạch, theo quy định, dưới sự giám sát của sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở dự kiến các nguồn thu và dự toán thu chi tài chính, báo cáo về số liệu học sinh, sinh viên, hằng năm dựa theo sự phát triển của nhu cầu đào tạo nghề KTSC, LRMT theo định hướng thị trường lao động, Trường đã xây Bảng dự toán định mức chi phí đào tạo cho từng học sinh, sinh viên theo từng nghề năm và định mức tiêu hao vật tư đảm bảo đúng quy định. Ngoài phần được cấp bù từ ngân sách, học phí của sinh viên học nghề KTSC, LRMT hệ cao đẳng là 4.250.000đ/sinh viên năm 2019 và 4.600.000đ/sinh viên năm 2020. Đến năm 2021, Trường đào tạo theo hệ tín chỉ do đó mức thu học phí của sinh viên học nghề KTSC, LRMT hệ cao đẳng là 235.000đ/tín chỉ năm 2021. Trong đó bao gồm: chi vật tư thực hành cho sinh viên, chi phí giảng dạy, chủ nhiệm, chi cho đội ngũ quản lý phục vụ trong quá trình giảng dạy, chi học bổng, chi đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ giảng dạy, chi tiêu hao điện nước, chi sửa chữa thường xuyên... Ngoài ra trường còn đầu tư kinh phí để thực hiện điều chỉnh chương trình, giáo trình, chi phí coi thi, chấm thi *(****1.3.01*** *- Quyết định ban hành Quy chế quản lý tài chính của Trường CĐ Nghề Tp.HCM số 413/QĐ-CĐN ngày 31 tháng 12 năm 2019;* ***1.3.02*** *- Bảng dự toán định mức chi phí đào tạo cho từng HSSV nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***1.3.03*** *- Dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2021 (lưu tại phòng Tài chính – Kế toán);* ***1.3.04*** *- Báo cáo tài chính năm 2021 (lưu tại phòng Tài chính – Kế toán);* ***1.3.05*** *- Thông báo thu học phí học nghề kỳ I & II năm học 2021 - 2022-2024;* ***1.3.06*** *- Báo cáo tổng hợp thu học phí, lệ phí năm 2021;* ***1.3.07*** *- Quyết định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;* ***1.3.08*** *- Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021).*

Ngoài các nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước cấp, kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, Khoa còn có các nguồn thu từ liên kết đào tạo và từ hoạt động đào tạo ngắn hạn (***1.3.09*** *–Thuyết minh dự toán chi phí đào tạo năm 2021;* ***1.3.10*** *- Báo cáo thực hiện nhiệm vụ và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 (P.TCKT)).*

Hằng năm, Phòng TCKT đều có kế hoạch tự kiểm tra tài chính và thực hiện công tác công khai thu chi tài chính được niêm yết công khai tại bảng tin ở phòng TCKT. Công tác quản lý tài chính được hỗ trợ bởi phần mềm IMAS của Cục tin học và thống kê tài chính – Bộ tài chính *(****1.3.11*** *- Kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021;* ***1.3.12*** *- Báo cáo kết quả thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính năm 2021 (P.TCKT)).*

Công tác thu chi được quản lý bởi phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp IMAS, các báo cáo tài chính đều được phòng TCKT công bố công khai tại bản tin trước phòng *(****1.3.13*** *- Ảnh chụp Bảng niêm yết thông tin tại Phòng TC-KT;* ***1.3.14*** *- Ảnh chụp Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp IMAS).*

Công tác đào tạo và thu chi tài chính của nhà Trường có sự kiểm tra giám sát của Ban thanh tra nhân dân và được quyết toán từ Thẩm kế của Sở LĐTB&XH *(****1.1.11*** *- Báo cáo tổng kết hoạt động ban thanh tra nhân dân năm năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.3: 2 điểm***

#### Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo

**Đánh giá tổng quát**

- Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo đúng quy định, thực hiện công tác tuyển sinh đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, tuyển sinh các năm đạt từ 90% trở lên chỉ tiêu được giao.

- Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng nội dung, chương trình đã được phê duyệt. Kế hoạch, tiến độ đào tạo được phê duyệt và thực hiện theo từng học kỳ, năm học, chi tiết đến từng môn học/mô đun; giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học.

- Các văn bản, tài liệu trong hoạt động đào tạo đều được lưu trữ cẩn thận tại khoa và các đơn vị liên quan theo quy định của nhà trường.

*\* Những điểm mạnh:*

Trong những năm qua, Khoa luôn kết hợp với Trung tâm tuyển sinh và đào tạo thường xuyên trong công tác đi tuyển sinh và luôn đảm bảo thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh.

Định kỳ hằng năm, Giảng viên của Khoa đều tham hội giảng cấp khoa. Dựa vào kết quả hội giảng cấp khoa, đối với giáo viên có kết quả cao, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, tổ chức tham gia hội giảng cấp trường và hội giảng cấp cao hơn. Qua đó, tạo điều kiện để giảng viên phấn đấu, học hỏi - không ngừng, tự nâng cao năng lực chuyên môn và các phương pháp giảng dạy.

Khoa, Trường tổ chức thực hiện công tác dạy và học nghiêm túc, hiệu quả theo đúng chương trình đào tạo và các Quy chế đào tạo; đẩy mạnh đào tạo hợp tác với doanh nghiệp; gắn đào tạo với việc làm.

\* *Những tồn tại*: Tuyển sinh chưa đạt chỉ tiêu đã đề ra.

\* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*:

- Tăng cường công tác tuyển sinh rộng rãi đến các trường THPT trên các tỉnh thành lân cận.

- Áp dụng công nghệ thông tin vào các quá trình quản lý hoạt động của Khoa, đồng bộ với phần mềm Quản lý đào tạo.

**Điểm đánh giá tiêu chí 2**

| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá** |
| --- | --- |
| **Tiêu chí 2** | **12 điểm** |
| Tiêu chuẩn 1 | 0 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 điểm |

##### 

##### Tiêu chuẩn 2.1

*Hàng năm, Cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hằng năm, căn cứ theo quy định của BLĐTBXH, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh của trường. Nội dung quy chế tuyển sinh của trường được xây dựng theo căn cứ theo tông Thông tư số 05/2017/TT–BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng gồm 4 chương, 12 điều và Thông tư 07/2019/TT- BLĐTBXH ngày 07 tháng 03 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH, Trường đã ban hành quy chế tuyển sinh vào đầu mỗi năm học *(****2.1.01*** - *Quyết định và Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và liên thông năm học 2021 - 2022)*. Quy chế tuyển sinh được Nhà trường triển khai, áp dụng và tổ chức thực hiện đúng quy trình, rất chặt chẽ, công bằng và khách quan.

Trước mỗi đợt tuyển sinh hằng năm, Hiệu trưởng Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc gồm: Ban thư ký; Ban phúc tra hội đồng tuyển sinh. Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh được giao và chức năng nhiệm vụ, TTTS&HTVL xây dựng kế hoạch tuyển sinh gồm: nội dung quảng bá tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, thời gian, địa điểm tuyển sinh cụ thể. Thông báo tuyển sinh được công bố tại cuộc họp hội đồng tuyển sinh, đăng lên website của trường, được gửi tới các trường THPT, THCS trong và ngoài Tp.HCM cũng như gửi đến các đơn vị liên kết đào tạo, các nơi mà nhà Trường đi đến để tư vấn nghề nghiệp và tuyển sinh. *(****2.1.02*** *- Kế hoạch về việc triển khai hoạt động năm học 2021-2022;* ***2.1.03*** *- Kế hoạch tư vấn tuyển sinh và tư vấn việc làm cho HS-SV năm học 2021-2022;* ***2.1.04*** *- Quyết định về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2021-2022;* ***2.1.05*** *– Quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022;* ***2.1.06*** *- Quyết định về việc thành lập Ban phúc tra hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022;* ***2.1.07*** *- (Thông báo về giao chỉ tiêu) Kế hoạch triển khai thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2021;* ***2.1.08*** *- Thông báo tuyển sinh năm 2021;* ***2.1.09*** *- Các Biên bản họp của Hội đồng tuyển sinh 2021.)*

Hồ sơ dự tuyển của người học có thể nộp trực tiếp tại trường, qua đường bưu điện hoặc đăng ký online trên website của trường. Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào Giấy phép đăng ký hoạt động GDNN và chỉ tiêu được giao hằng năm để tuyển sinh. Hội đồng xét tuyển trình kết quả trúng tuyển lên Hiệu trưởng xem xét ra Quyết định danh sách trúng tuyển. Danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai. HSSV nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại Trường hoặc qua đường bưu điện. Dựa vào danh sách trúng tuyển và danh sách học sinh sinh viên nhập học, Trường ra Quyết định thành lập các lớp theo đúng quy định. *(****1.1.02*** *- Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;* ***2.1.10*** *- Thông báo về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ của SLĐTBXH đối với Trường CĐN TP.HCM năm 2021;* ***1.1.05*** *- www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo;* ***2.1.11*** *- Hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển trình độ cao đẳng, trung cấp;* ***2.1.12*** *- Các Quyết định công nhận HSSV trúng tuyển năm 2021;* ***2.1.13*** *- Quyết định về việc thành lập các lớp TC, CĐ, CĐ-LT năm 2021).*

Kết quả Tuyển sinh được công bố trên website của trường đồng thời gửi giấy báo nhập học tới từng sinh viên và qua email của thí sinh. Thực hiện thống kê, báo cáo đầy đủ số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển, danh sách trúng tuyển. Kết quả tuyển sinh của nghề KTSC, LRMT cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khóa học** | **Số lượng tuyển sinh** | | **Tỷ lệ tuyển sinh so với kế hoạch** |
| **Theo kế hoạch** | **Thực tế** |
|  | Năm 2021 | 70 | 35 | **50%** |

Hằng năm, trường có báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh nhằm đánh giá kết quả thực hiện (***2.1.14*** *- Báo cáo kết quả hoạt động năm và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 (TTTS&HTVL);* ***2.1.15*** *- Các biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2021).*

Ngoài ra, công tác tuyển sinh còn có sự giám sát của Ban thanh tra nhân dân, Thanh tra đào tạo (***1.1.10 -*** *Kế hoạch hoạt động Ban thanh tra nhân dân năm 2021; Lịch làm việc của ban thanh tra nhân dân năm 2021,2022; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2021;* ***1.1.11*** *- Báo cáo tổng kết hoạt động ban thanh tra nhân dân năm năm 2021;* ***2.1.16*** *- Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021; Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021;* ***2.1.17*** *- Báo cáo công tác tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021).*

Hằng năm, Nhà trường khảo sát lấy ý kiến về chất lượng, hiệu quả chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng. Kết quả khảo sát cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định là trên 90%. *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

Tuy nhiên nghề KTSC, LRMT tuyển sinh chưa đủ chỉ tiêu được giao nên Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn này không đạt.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.1: 0 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 2.2

*Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường căn cứ vào Giấy phép đăng ký hoạt động GDNN và chỉ tiêu được giao hằng năm để tuyển sinh. Căn cứ Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM, Hiệu trưởng Trường ra Quyết định ban hành CTĐT, kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo chi tiết phù hợp cho từng khóa học. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt, Khoa Điện tử lập kế hoạch phân công giảng viên theo từng học kỳ phù hợp với chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo đúng kế hoạch và quy chế đào tạo *(****1.1.02*** *- Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;* ***2.2.01*** *– Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM năm 2018; 2021;* ***1.1.09*** *– Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021).*

Ngay từ đầu năm học, Khoa ĐT-ĐKTĐ xây dựng tiến độ đào tạo, bảng phân công dạy các môn học chuyên ngành cho từng lớp, từng khóa học ngành KTSC, LRMT, cụ thể: từng học kỳ, năm học, kế hoạch đào tạo được xây dựng chi tiết đến từng môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo ***(2.2.02*** *- Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm học 2021-* ***2.2.03*** *- Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm học 2021- 2022,* ***2.2.04*** *- Thời khóa biểu theo từng học kỳ năm học 2021- 2022, ).* Mỗi học kỳ, giảng viên được phân công chuyên môn sẽ căn cứ vào chương trình đào tạo và chương trình chi tiết cho học phần mình đảm nhận xây dựng lên kế hoạch giảng dạy cụ thể cho học phần mình phụ trách. Kế hoạch này được Khoa kiểm duyệt ở đầu và cuối học kỳ nhằm để giám sát tiến độ thực hiện của mỗi giảng viênviên *(****2.2.05*** *– Sổ lên lớp năm học 2020-2021, 2021-2022,* ***2.2.06*** *-* Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2020 - 2021, 2021-2022; ***2.2.07*** *- Sổ tay giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022;* ***2.2.08*** *- Kế hoạch giảng dạy năm học 2021-2022 (lưu trữ tại khoa)).*

+ Đối với các khóa 2020 trở về trước (theo niên chế): sau khi hoàn thành các mô đun/ môn học trong chương trình sẽ được Hội đồng xét đủ (không đủ sẽ xét cho thi lần sau) điều kiện thi tốt nghiệp. Sau đó, SV sẽ tốt thi tốt nghiệp 3 môn gồm: Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp, Thực hành chuyên môn nghề nghiệp, Chính trị. Căn cứ kết quả thi tốt nghiệp, Hội đồng sẽ xem xét điều kiện và trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho SV. *(****2.2.09*** *- Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp và các Ban trực thuộc năm 2021;* ***2.2.10*** *- Các biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2021;* ***2.2.11*** *- Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm năm 2021).*

+ Đối với SV các khóa 2021 về sau (theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ): sau khi SV học đủ tất cả môn học, mô đun trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo từng nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo, nếu hội đủ điều kiện theo quy định thì:

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định (Năm 2024, sẽ xét tốt nghiệp cho SV khóa 2021).

Công tác thanh tra, kiểm tra đào tạo cũng là vấn đề được lãnh đạo Nhà trường hết sức quan tâm. Nhận rõ tầm quan trọng, BGH Nhà trường thành lập Thanh tra đào tạo thuộc P.ĐBCL-KT có chức năng nhiệm vụ thực hiện công tác thanh, kiểm tra về công tác đào tạo, việc này cũng đã được đưa vào Quy trình “thanh tra”. Phối hợp Thanh tra đào tạo là Ban Thanh tra nhân dân, có vai trò hỗ trợ, kiểm tra chéo trong kế hoạch thực hiện thanh tra đào tạo *(****2.2.12*** *- Quyết định việc Ban hành Quy chế hoạt động tự thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh số 132/QĐ-CĐN ngày 07/5/2018;* ***2.1.16*** *- Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021; Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021;* ***2.1.17*** *– Báo cáo công tác tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021;* ***1.1.10*** *- Kế hoạch hoạt động Ban thanh tra nhân dân năm 2021; Lịch làm việc của ban thanh tra nhân dân năm 2021,2022; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2021;* ***1.1.11*** *- Báo cáo tổng kết hoạt động ban thanh tra nhân dân năm năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 2.3

*Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nội dung chương trình đào tạo KTSC, LRMT được xây dựng trên cơ sở quy định khối lượng kiến thức tối thiểu nghề của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, có đề cương chi tiết, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể được thiết kế một cách có hệ thống; trong đó quy định rõ khối lượng kiến thức và thời gian khóa học, tên modun/môn học, thời gian đào tạo (tỉ lệ phần lý thuyết, thực hành). Do đó để thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, nhà trường đã chủ chương đổi mới phương pháp giảng dạy với phương châm lấy người học là trung tâm; kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy học.

Ngay từ đầu năm học, Nhà trường có ban hành CTĐT, Kế hoạch hoạt động năm để Khoa ĐT-ĐKTĐ xây dựng tiến độ đào tạo, bảng phân công dạy các môn học chuyên ngành cho từng lớp, từng khóa học ngành KTSC, LRMT, cụ thể: từng học kỳ, năm học, kế hoạch đào tạo được xây dựng chi tiết đến từng môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo ***(1.1.09*** *- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021****; 2.1.02*** *- Kế hoạch về việc triển khai hoạt động năm học 2021-2022;* ***2.2.02*** *- Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm học 2021- 2022,* ***2.2.03*** *- Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm học 2021- 2022,* ***2.2.04*** *- Thời khóa biểu theo từng học kỳ năm học 2021- 2022).* Mỗi học kỳ, giảng viên được phân công chuyên môn sẽ căn cứ vào chương trình đào tạo và chương trình chi tiết cho học phần mình đảm nhận xây dựng lên kế hoạch giảng dạy cụ thể cho học phần mình phụ trách. Kế hoạch này được Khoa kiểm duyệt ở đầu và cuối học kỳ nhằm để giám sát tiến độ thực hiện của mỗi giảng viênviên *(****2.2.05*** *– Sổ lên lớp năm học 2020-2021, 2021-2022,* ***2.2.06*** *- Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2020 - 2021, 2021-2022, HK1 -2024*; ***2.2.07*** *- Sổ tay giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022;* ***2.2.08*** *- Kế hoạch giảng dạy năm học 2021 (lưu trữ tại khoa))*

Chương trình đào tạo được phân chia phù hợp tiến độ giảng dạy phù hợp với các kỹ năng cần thiết theo mục tiêu của nghề. Các môn học/ mô đun được xây dựng phù hợp với nội dung chương trình đào tạo theo bậc thang, các môn học chung đến các môn cơ sở rồi đến các môn chuyên ngành và kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang thiết bị kiến thức chuyên môn.Trong quá trình đào tạo Giảng viên luôn xây dựng các tình huống, chuyên đề, bài tập lớn để HSSV phát huy tính tích cực, rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng làm việc nhóm của người học. Thời gian học được phân bổ phù hợp, đảm bảo việc học tập rèn luyện kỹ năng của HSSV đạt hiệu quả*.*

Thanh tra đào tạo thuộc P.ĐBCL-KT phối hợp Ban Thanh tra nhân dân, thanh kiểm tra việc thực hiện công tác đào tạo hằng năm *(****2.1.16*** *- Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021; Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021;* ***2.1.17*** *– Báo cáo công tác tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021).*

Sau khi tổ chức đủ các kỳ kiểm tra điều kiện của từng mô đun/ môn học, Giảng viên sẽ nhập vào phần mềm máy tính và in điều kiện dư thi cho HSSV. Sau đó, theo kế hoạch phân công sẽ cho HSSV thi, sau khi thi, sẽ phân giảng viên chấm, Giảng viên sẽ nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo EMIS và nộp bảng điểm về phòng đào tạo chậm nhất 7 ngày sau thi cho HSSV thi. *(****2.3.01*** *- Hình ảnh phần mềm EMIS quản lý đào tạo;* ***2.3.02*** *- Hướng dẫn sử dụng Phần mềm PMT-EMS Education).* Khi HSSV học hoàn tất và đủ điều kiện hết tất cả Mô đun/ môn học thì sẽ được xét điều kiện tốt nghiệp.

Tất cả môn học/ mô đun cơ sở và chuyên nghề của nghề KTSC, LRMT đều sử dụng có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng; hoặc sử dụng các bài giảng Powerpoint có chèn các hình ảnh phần mềm và các clip mô phỏng… ( trừ 6 môn học chung và môn Kỹ năng mềm, thực tập tốt nghiệp) ***2.3.03*** *– Hình chụp Phần mềm mô phỏng Cisco packet tracer, Microsoft Visio, Eagle, phần mềm nạp Rom Bios, phần mềm giả lập Vmware Workstation, phần mềm lập trình CCS, clip mô phỏng…;* ***2.3.04*** *- Danh sách các mô đun/ mô học có sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy và mô phỏng).*

Danh sách các môn học/ mô đun chuyên nghề có sử dụng mô phỏng:

| **STT** | **Mã MH/ MĐ** | **Tên môn học/ mô đun** | **Phần mềm chuyên ngành có sử dụng phần mềm, mô phỏng** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | MĐ 07 | Kiến trúc máy tính | Phần mềm tính toán công suất nguồn (MSI Power-supply-calculator). |
|  | MĐ 08 | Kỹ thuật đo lường | Proteus, Multisim. |
|  | MĐ 09 | Kỹ thuật điện tử | Proteus, Multisim. |
|  | MĐ 10 | Thực hành kỹ thuật điện tử | Proteus, Multisim. |
|  | MĐ 11 | Lắp ráp và cài đặt máy tính | IT Essentials Virtual Desktop PC |
|  | MĐ 12 | Thực hành lắp ráp và cài đặt máy tính | IT Essentials Virtual Desktop PC |
|  | MĐ 15 | Kỹ thuật xung số | Proteus, Multisim, EasyEDA, Altium design, Mindsight-Labvolt |
|  | MĐ 16 | Thực hành kỹ thuật xung số | Proteus, Multisim, EasyEDA, Altium design, Mindsight-Labvolt |
|  | MĐ 19 | Thiết kế mạch in | Proteus, Eagle, Altium Designer |
|  | MĐ 20 | Hệ điều hành | Ubuntu, Linux, Windows 10 |
|  | MĐ 21 | Mạng máy tính | Cisco Packet Tracer,Wireshark, Phần mềm cấu hình wireless router, Phần mềm cấu hình router. |
|  | MĐ 22 | Sửa chữa bộ nguồn | Boardview, youtube |
|  | MĐ 23 | Kỹ thuật sửa chữa màn hình | Boardview, youtube |
|  | MĐ 24 | Lập trình ghép nối máy tính | Proteus, Arduino IDE, Visual basic 6.0 |
|  | MĐ 25 | Điều khiển tự động PLC | STEP 7 MicroWin, TIA Portal |
|  | MĐ 26 | Xử lý sự cố phần mềm | Microsoft Office, Windows 7, 10, 11, Phần mềm chỉnh sửa PDF, Autocad. |
|  | MĐ 27 | Sửa chữa máy tính | Phần mềm nạp BIOS, Phần mềm Boot, Phần mềm test HDD, Phần mềm test RAM, Phẩn mềm test màn hình, Phần mềm test VGA. |
|  | MĐ 28 | Thực hành sửa chữa máy tính | Phần mềm nạp BIOS, Phần mềm Boot, Phần mềm test HDD, Phần mềm test RAM, Phẩn mềm test màn hình, Phần mềm test VGA. |
|  | MĐ 29 | Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi | Driver máy in, Driver máy scan, youtube |
|  | MĐ 30 | Kỹ thuật vi xử lý | Phần mềm nạp vi xử lý, Phầm mềm lập trình Assembler |
|  | MĐ 31 | Quản trị mạng | VMWare Workstation, Windows Server 2008, Windows server 2012, Windows 10, Windows 7 |
|  | MĐ 32 | Sửa chữa máy tính nâng cao | Phần mềm Boardview, Phần mềm Boot, Phần mềm test HDD, Phần mềm test RAM, Phẩn mềm test màn hình, Phần mềm test VGA. |
|  | MĐ 33 | Thực hành sửa chữa máy tính nâng cao | Phần mềm Boardview, Phần mềm Boot, Phần mềm test HDD, Phần mềm test RAM, Phẩn mềm test màn hình, Phần mềm test VGA |
|  | MĐ 34 | Thiết kế mạng LAN | Microsoft Visio, Microsoft Powerpoint, Cisco packet tracer, Youtube. |
|  | MĐ 35 | Sửa chữa màn hình LCD-LED | Phần mềm test màn hình, phần mềm Boardview. |
|  | MĐ 36 | Thực hành Sửa chữa màn hình LCD-LED | Phần mềm test màn hình, phần mềm Boardview. |
|  | MĐ 37 | Đồ án kỹ thuật | Microsoft Visio, Microsoft office, Canva, Youtube. |
|  | MĐ 38 | Thực tập tốt nghiệp | Microsoft Powerpoint, Microsoft Word, Youtube |
|  | MĐ 39 | Xây dựng và quản trị hệ thống mạng doanh nghiệp | VMWare Workstation, Windows Server 2008, Windows server 2012, Windows 10, Windows 7, Cisco packet tracer, Microsoft Visio, |
|  | MĐ 40 | Lắp đặt hệ thống CCTV | Phần mềm cài đặt Camera Vantech |
|  | MH 11 | Anh văn chuyên ngành | LacViet Dictionary, Microsoft Powerpoint, Youtube |
|  | MH 12 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Microsoft Powerpoint, Youtube |
|  | MH 13 | An toàn lao động | Microsoft Powerpoint, Youtube |

Hằng năm, Nhà trường đã lập kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về phương pháp đào kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn, phát huy tính tích cực tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ đạt được trên 90% người học đánh giá mức Tốt, Rất tốt *(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *– Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *– Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.3: 2 điểm***

##### Tiêu chuẩn 2.4

*Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong chương trình đào tạo của nghề KTSC, LRMT, Trường có quy định HSSV phải thực tập tại doanh nghiệp là mô đun 38: “Thực tập tốt nghiệp” được thực hiện ở năm cuối của chương trình đào tạo. Học phần này nhằm giúp SV trải nghiệm môi trường doanh nghiệp và ứng dụng các kiến thức đã học vào trong công việc trong tương lai. Căn cứ Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM, theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo vào học kỳ cuối của khóa học Nhà trường lập kế hoạch thực tập tốt nghiệp cho sinh viên. Với học phần thực tập doanh nghiệp là MĐ bắt buộc nên 100% sinh viên phải học trước khi xét tốt nghiệp. Chính vì vậy, hàng năm Nhà trường có ký hợp đồng hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo *(****2.2.01*** *- Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM;* ***2.4.01*** *- Các Hợp đồng ghi nhớ, Hợp đồng cung ứng lao động giữa Trường và các Doanh nghiệp;* ***2.4.02*** *– Kế hoạch về việc thực tập tốt nghiệp năm 2021;* ***2.4.03*** *- Công văn đề nghị tiếp nhận HSSV đến thực tập tốt nghiệp năm 2021;* ***2.4.04*** *- Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động 2021;* ***2.4.05*** *- Đề cương thực hành, thực tập tốt nghiệp năm 2021;* ***2.4.06*** *- Phiếu nhận xét thực tập của HSSV có xác nhận của doanh nghiệp 2021;* ***2.4.07*** *- Danh sách công ty nhận thực tập tốt nghiệp năm 2021 (Kèm danh sách SV cử đi thực tập tốt nghiệp);* ***2.2.11*** *- Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm năm 2021).*

Kết thúc thời gian thực tập, HSSV đều phải viết báo cáo về quá trình thực tập sản xuất và có ý kiến nhận xét của đơn vị mà HSSV thực tập. Đa số các doanh nghiệp đều nhận xét HSSV của trường có tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt công việc được giao, chịu khó, chăm chỉ, có chí cầu tiến và ham học hỏi các công nghệ hiện có của doanh nghiệp. Ngoài ra, các Giảng viên của Trường được phân công hướng dẫn HSSV đi thực tập sẽ có báo cáo về tình hình thực tập của các em sau khi kết thúc thực tập *(****2.4.08*** *- Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực tập 2021;* ***2.4.09*** *- Báo cáo về việc thực tập tốt nghiệp của HSSV năm 2021).*

Như vậy, việc kết hợp của Khoa ĐT-ĐKTĐ với các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động rất nhịp nhàng, nên 100% SV học nghề KTSC, LRMT đều được thực hành, thực tập tại Doanh nghiệp với chuyên môn phù hợp với ngành, nghề đang học trước khi thi tốt nghiệp.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.4: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 2.5

*Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.*

**Mô tả, phân tích, nhận định**:

Để đảm bảo công tác thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp được thực hiện đúng quy trình, quy định của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Nhà Trường đã ban hành Quyết định 09/QĐ-CĐN về việc Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường CĐN TP. Hồ Chí Minh. Từ khoá 2021, Nhà trường thực hiện phương thức đào tạo tích luỹ mô đun, tín chỉ *(****2.2.01*** *- Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM).*

***\* Về thi kết thúc mô đun/ môn học:***

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo hằng năm, Phòng Đào tạo và các Khoa xây dựng kế hoạch giảng dạy và kế hoạch kiểm tra, tổ chức thi kết thúc môn học/mô đun cho các lớp đảm bảo khách quan, minh bạch đúng quy chế, đúng quy trình. Trường xây dựng Hệ thống đảm bảo chất lượng, trong đó có các quy trình: Quy trình in - sao đề thi: QT/P.ĐBCL&KT/01; Quy trình thanh, kiểm tra công tác đào tạo: QT/P.ĐBCL&KT/02, Quy trình Quản lý điểm: QT/P.ĐT/03; Quy trình kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, thi kết thúc mô học/ mô đun: QT/QCĐT/01 *(****2.5.01*** *- Các quy trình quản lý việc Dạy, học, thi kết thúc MĐ/MH (kèm QĐ công nhận sáng kiến );* ***2.5.02*** *- Hồ sơ thi kết thúc môn học, mô đun(theo QT/QCĐT/01)).*

***\* Về đánh giá kết quả rèn luyện:***

Sau khi kết thúc mỗi học kỳ, Công tác tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV được Khoa kết hợp P.CTHSSV thực hiện đúng theo Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học sinh sinh viên: QT/P.CTHSSV/05 và hướng dẫn tại Quy chế học sinh sinh viên của Trường *(****2.5.03 -*** *Quyết định về việc ban hành Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học sinh sinh viên: QT/P.CTHSSV/05;* ***2.5.04*** *- Biên bản xét kết quả rèn luyện, học bổng cho HSSV năm học 2021-****2.5.05*** *– Quyết định về việc công nhận kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021(Danh sách đính kèm);* ***2.5.06*** *-*  *Báo cáo kết quả công tác học sinh sinh viên năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022).*

***\* Về thi, xét tốt nghiệp:***

Đầu năm học P.ĐT xây dựng kế hoạch thi tốt nghiệp của năm và kế hoạch chi tiết của nhóm lớp thuộc chương trình đào tạo nghề theo Quy trình Quản lý hoạt động thi tốt nghiệp: QT/P.ĐT/03 đã được Hiệu trưởng phê duyệt. ***(2.5.07*** *- Thông báo lịch thi tốt nghiệp nghề các lớp TC, CĐ năm 2021,* ***2.5.08*** *- Quyết định ban hành Quy trình* *Quản lý hoạt động thi tốt nghiệp).*

- Đối với các khóa 2020 trở về trước (theo niên chế): sau khi HSSV hoàn thành các mô đun/ môn học trong chương trình, có điểm trung bình cộng các mô đun/môn học đạt từ 5,0 điểm trở lên sẽ được dự thi tốt nghiệp. Cụ thể:

+ Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp (kèm các ban Thư ký, Đề thi, Coi thi, Chấm thi), công bố danh sách HSSV đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp;

+ Sau đó, SV sẽ tốt thi tốt nghiệp 3 môn gồm: Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp, Thực hành chuyên môn nghề nghiệp, Chính trị. Phòng ĐBCL-KT trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tiểu ban đề thi kèm danh sách thành viên các tiểu Ban Đề thi là thành viên ra đề của các Khoa; Ban đề thi tổ chức bốc đề, sao đề, đóng gói và bàn giao Đề thi cho Ban Coi thi, bàn giao đáp án đề thi cho Ban chấm thi; Ban chấm thi chuyển kết quả về Thư ký Hội đồng thi tổng hợp điểm;

+ Căn cứ kết quả thi tốt nghiệp, Hội đồng thi tốt nghiệp tổ chức họp xét tốt nghiệp và trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố kết quả. *(****2.2.09*** *- Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp và các Ban trực thuộc năm,2021;* ***2.2.10*** *- Các biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2021;* ***2.2.11*** *- Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm năm 2021).*

- Đối với SV các khóa 2021 về sau (theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ): sau khi SV học đủ tất cả môn học, mô đun trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo từng nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo, nếu hội đủ điều kiện theo quy định thì:

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường (Năm 2024, sẽ xét tốt nghiệp cho SV khóa 2021).

Sau mỗi kỳ thi tốt nghiệp, Hội đồng thi sẽ họp để rút kinh nghiệm *(****2.5.09*** *- Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác thi tốt nghiệp năm 2021;* ***2.5.10*** *- Báo cáo công tác tổ chức thi tốt nghiệp TC, CĐ năm 2021).*

***\* Về công tác cấp văn bằng, chứng chỉ:***

Trường thực hiện theo Quy trình công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng: QT/P.ĐT/04. Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ. Sau khi có Quyết định công nhận sinh viên tốt nghiệp, phòng Đào tạo thực hiện theo quy định: Xuất phôi bằng tốt nghiệp; viết/in thông tin tốt nghiệp; kiểm tra thông tin (lần 1); nhập số hiệu, số vào sổ, thông tin học sinh sinh viên; kiểm tra thông tin (lần 2); Hiệu trưởng ký bằng tốt nghiệp; thực hiện cấp phát bằng trực tiếp cho sinh viên tốt nghiệp. *(****2.5.11*** *- Quyết định ban hành Quy trình công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng: QT/P.ĐT/04;* ***2.5.12*** *- Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp).*

Việc kiểm tra công tác thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm của nhà Trường có sự kiểm tra giám sát của Đại diên Ban thanh tra nhân dân và Thanh tra đào tạo trực thuộc phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí *(****2.1.16*** *- Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021; Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021;* ***2.1.17*** *– Báo cáo công tác tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021);* ***2.5.13*** *- Biên bản về việc kiểm tra cấp phát bằng năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 2.6

*Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học luôn được nhà trường coi trọng và triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Kết thúc học kỳ, Thanh tra đào tạo đều có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát. Trong các buổi họp giao ban Ban giám hiệu nhà trường có những đánh giá, chấn chỉnh những mặt còn tồn tại, yếu kém trong hoạt động đào tạo, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học. Phòng Đảm bảo chất lượng – Khảo thí là đơn vị chịu trách nhiệm chính kết hợp cùng các đơn vị lập kế hoạch, tổ chức thực hiện Quy trình thanh, kiểm tra công tác đào tạo: QT/P.ĐBCL&KT/02 và báo cáo Hiệu trưởng kết quả thực hiện *(****1.1.03*** *- Các Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM;*  ***2.2.12*** *- Quyết định việc Ban hành Quy chế hoạt động tự thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh số 132/QĐ-CĐN ngày 07/5/2018;* ***1.1.16*** *- Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm2021; Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021;* ***1.1.17*** *- Báo cáo công tác tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021;* ***2.5.01*** *- Các quy trình quản lý việc Dạy, học, thi kết thúc MĐ/MH (kèm QĐ công nhận)).*

Hàng tháng tại các cuộc họp bình bầu thi đua của từng đơn vị có nhận xét đánh giá từng hiệu quả công việc GV, NV và CBQL, các thành viên trong đơn vị sẽ góp ý chấn chỉnh với từng cá nhân nếu có thiếu sót *~~(~~****2.6.01*** *- Biên bản họp bình xét thi đua tháng, năm của khoa năm 2021).*

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, đầu năm học Ban thanh tra nhân dân đã xây dựng kế hoạch, phối hợp kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, tiến độ nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả và công bằng khách quan, Thanh tra đào tạo kết hợp với Ban thanh tra nhân dân tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác đào tạo *(****2.6.02*** *– Quyết định về việc chuẩn y Ban thanh tra nhân dân;* ***1.1.10*** *- Kế hoạch hoạt động Ban thanh tra nhân dân năm 2021; Lịch làm việc của ban thanh tra nhân dân năm 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2021;* ***1.1.11****- Báo cáo tổng kết hoạt động ban thanh tra nhân dân năm năm 2021).*

Để nâng cao chất lượng dạy và học,hằng năm, Nhà trường đã lập kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định như thế nào. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ đạt được trên 98% đánh giá Tốt, Rất tốt *(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *– Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *– Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021))*.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.6: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 2.7

*Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trên cơ sở quy định tại Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của BLĐTBXH Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ; Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của BLĐTBXH Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 của BLĐTBXH Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học; Thông tư 07/2019/TT- BLĐTBXH ngày 07/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH, Trường đã ban hành Quy chế tuyển sinh, trình độ Trung cấp, Cao đẳng, Cao đẳng liên thông (***2.1.01*** *- Quyết định và Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và liên thông năm học 2021-2022).*

Hằng năm, Trường có kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh rộng rãi trên các mặt như website, báo GDNN, hội chợ tư vấn nghề nghiệp, băng rôn, tờ bướm tuyển sinh, facebook Trường, zalo khoa...theo đúng quy định *(****2.1.08*** *- Thông báo tuyển sinh năm 2021).*

Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức tuyển sinh hệ liên thông trung cấp lên cao đẳng các nghề, trong đó có nghề KTSC, LRMT *(****2.2.01*** *– Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM;* ***2.2.02*** *–* *Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***2.7.01*** *- Chương trình chi tiết trình độ Cao đẳng liên thông).*

Trong những năm gần đây Trường không tuyển sinh được lớp liên thông TC-CĐ nào ***(2.1.02*** *- Kế hoạch về việc triển khai hoạt động năm học 2021-2022).*

Từ năm 2016 đến nay, Trường đã ký hợp đồng đào tạo với Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh để đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học các nghề: Công nghệ chế tạo máy (liên thông các nghề Cắt gọt kim loại, Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí), Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử (liên thông nghề KTSC, LRMT, Điện tử công nghiệp, KTSC, LRMT ), Công nghệ thông tin (liên thông các nghề Công nghệ thông tin (UDPM), Thiết kế đồ họa, Quản trị mạng). *(****2.7.02 -*** *Hợp đồng hỗ trợ phục vụ đào tạo, liên kết đào tạo; Biên bản ghi nhớ;* ***2.7.03*** *- Chương trình đào tạo nghề Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử của Đại học SPKT Vinh;* ***2.7.04*** *- Báo cáo năng lực liên kết đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học).*

Năm 2022, Trường liên kết đào tạo liên thông trình độ cao đẳng lên đại học với trường đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM các nghề trong đó có nghề KTSC, LRMT (liên thông nghề CNTT). *(****2.7.05*** *–* *CV 2814/ĐHSPKT-ĐTKCQ, về việc công nhận chất lượng chương trình đào tạo).*

Hằng năm, Trường và ĐH SPKT đều thống nhất kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh liên thông rộng rãi (***2.7.06*** *- Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông cao đẳng, cao đẳng nghề lên đại học năm 2021).* Tuy nhiên đến nay chưa tuyển sinh được lớp liên thông CĐ-ĐH nào.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7: 2 điểm.***

#### Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 3**

Trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy tại Trường cao đẳng nghề TP.HCM, Quy định công tác thi đua khen thưởng, các quy định khuyến khích giảng viên, nhân viên tham gia học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học. Do đó, Giảng viên của Trường luôn đạt giải cao trong các cuộc thi Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp Thành phố, cấp Toàn quốc.

Trường luôn quan tâm đến việc xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của Khoa Điện tử nhằm đáp ứng theo chuẩn quy định tại Thông tư số 08/2017/TT - BLĐTBXH; Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm; Cử cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng các lớp quản lý nhà nước, các lớp tập huấn đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

Các phòng chức năng, khoa chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Trường đều có phân công chức năng hoạt động cụ thể, rõ ràng. Công tác thanh kiểm tra được Trường thực hiện thường xuyên góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

*\* Những điểm mạnh***:**

Khoa Điện tử - Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh có đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu đảm bảo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu giảng dạy của trường; Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý Khoa có tuổi đời bình quân trẻ, có năng lực, có sức khỏe tốt, đảm bảo tính kế thừa và phát triển của các đơn vị phòng, khoa cũng như Nhà trường.

Giảng viên của Khoa rất tích cực trong công tác tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; cử giảng viên đi thực tế tại doanh nghiệp, tiếp cận các quy trình bảo trì, sửa chữa, nâng cấp….; cập nhật các công nghệ mới trên các dòng xe đang có trên thị trường…

*\* Những tồn tại*:

Quy mô của các công trình nghiên cứu ứng dụng khoa học vào thực tiễn còn thực hiện ở mức cấp trường, chưa có nhiều ứng dụng rộng rãi vào thực tiễn do giá trị của xe thực nghiệm quá đắt.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tăng cường hoạt động nghiên cứu, chế tạo mô hình thiết bị dạy học.

**Điểm đánh giá tiêu chí 3:**

| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá** |
| --- | --- |
| **Tiêu chí 3** | **16 điểm** |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 0 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 8 | 2 điểm |

##### Tiêu chuẩn 3.1

*100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà giáo tham gia giảng dạy nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng của Khoa đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT - BLĐTBXH về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo. *(****3.1.01*** *- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***3.1.02*** *- Danh sách trích ngang GV mời thỉnh giảng nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***3.1.03*** *- Danh sách giảng viên dạy mỗi mô đun/ môn học nghề KTSC, LRMT;* ***3.1.04*** *- Hồ sơ nhà giáo Khoa ĐT-ĐKTĐ năm).*

| **TT** | **Trình độ chuyên môn nghiệp vụ** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- |
| **Năm 2020 - 2021** | | |
| 1 | Tổng số nhà giáo:  Nhà giáo dạy môn chung  Nhà giáo cơ hữu dạy môn cơ sở chuyên môn nghề KTSC, LRMT  Nhà giáo kiêm nhiệm  Nhà giáo thỉnh giảng | **15**  07  04  01  03 |
| 2 | Trình độ sư phạm | **15** |
|  | Trình độ chuyên môn:  Tiến sĩ  Thạc sĩ  Đại học  Cao đẳng | 01  07  07  0 |
| 3 | Kỹ năng nghề đối với nhà giáo dạy chuyên môn nghề | 08 |
| 4 | Trình độ tin học (Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và tương đương trở lên) | 15 |
| 5 | Trình độ ngoại ngữ (A2 trở lên) | 15 |

Theo qui định và kế hoạch chung của Trường, các thành viên Khoa Điện tử đều triển khai đánh giá và phân loại nhà giáo theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT – BLĐTBXH. Hằng năm, CBQL, Giảng viên, CNV tự lên kế hoạch học tập nâng cao trình độ cá nhân để bổ sung mục tiêu của đơn vị, các đơn vị sẽ tập hợp gửi P.HCTC của Trường để từ đó P.HCTC rà soát, có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể cho từng đơn vị khi có mở lớp*. (****1.2.02*** *- Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021;* ***1.2.03*** *- Các Quyết định ban hành Quy định về lề lối làm việc của trường CĐN TP.HCM).*

Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng “Đề án vị trí việc làm” căn cứ vào quy định tại Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH về sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH, chuẩn về ngoại ngữ, tin học đối với các nhà giáo tại Trường. (***3.1.05*** *- Đề án vị trí việc làm (lưu HCTC)).*

Hằng năm, Phòng ĐBCL-KT có lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo về “Trường tạo mọi điều kiện cho CB,NG,CNV và NLĐ học tập nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn/nghiệp vụ*.* Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ đạt được trên 91% đánh giá Tốt, Rất tốt *(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.1: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 3.2

*Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Công tác thi đua khen thưởng của nhà giáo được cụ thể hóa và ban hành bằng văn bản vào năm 2017 và 2019. Bảng điểm xét thi đua được tách thành 2 loại, phân ra theo tiêu chí đánh giá nhà giáo và cán bộ công nhân viên.Việc đánh giá nhà giáo hoàn thành nhiệm vụ được căn cứ thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp để xây dựng quy định chế độ làm việc nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Trong đó quy định giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng, nhiệm vụ của giảng viên, thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, chế độ làm việc, chế độ dạy thêm, giảm giờ giảng và quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn *(****1.2.03*** *- Các Quyết định ban hành Quy định về lề lối làm việc của trường CĐN TP.HCM;* ***3.2.01*** *- Quyết định Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh;* ***3.2.02*** *- Các Quyết định ban hành về công tác thi đua, khen thưởng;* ***3.2.03*** *- Bảng điểm xét thi đua hàng tháng của CB-VC-NLĐ và GV).*

Cuối năm, Nhà trường đều tổ chức họp kiểm điểm đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động theo các quy định hiện hành và hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Kết quả 100% nhà giáo Khoa Điện tử được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên *(****3.1.04*** *- Hồ sơ nhà giáo Khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021;* ***3.2.04*** *- Danh sách tổng hợp bình bầu thi đua tháng, năm của Trường năm 2021).*

Kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo vào cuối các năm; cụ thể:

Năm 2021: 04 nhà giáo, trong đó có 04 nhà giáo hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thành tích của GV, CNV Khoa Điện tử qua các năm:

100% giáo viên tham gia giảng dạy nghề KTSC, LRMT đều hoàn thành khối lượng giảng dạy và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch. Hằng năm, được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được giao *(****2.2.03*** *- Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm học 2021- 2022;* ***1.2.04*** *- Báo cáo kết quả công tác của Khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021;* ***1.2.05 -*** *Báo cáo tổng kết công tác năm học và phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học 2021 -* ***1.2.06*** *- Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.2: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 3.3

*Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện tại Khoa ĐT-ĐKTĐ có 06 giảng viên cơ hữu thuộc khoa và tham gia 06 giảng viên thuộc khoa khác hỗ trợ giảng dạy các môn học cơ sở của nghề KTSC, LRMT, 07 giảng viên dạy các môn học chung. Căn cứ vào Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBCH ngày 10 tháng 3 năm 2017, Trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên, trong đó quy định rõ quy định về nhiệm vụ và chế độ làm việc của giảng viên. *(****3.2.01*** *- Quyết định Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh;* ***1.2.02*** *- Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021;* ***1.2.03*** *– Các Quyết định ban hành Quy định về lề lối làm việc của trường CĐN TP.HCM).*

Qua đó, đầu mỗi năm học Khoa lập kế hoạch phân công giảng viên cụ thể, chi tiết đến từng môn học, mô-đun, đảm bảo 100% mô đun, môn học đều có giảng viên tham gia giảng dạy *(****3.1.01*** *- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***3.1.02*** *- Danh sách trích ngang GV mời thỉnh giảng nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***3.1.04*** *- Hồ sơ nhà giáo Khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021;* ***2.2.02*** *- Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm học năm học 2020 - 2021, 2021- 2022).*

Các lớp KTSC, LRMT ngay khi có quyết định thành lập, sẽ được lên lịch học các môn cơ bản, khi sỉ số ổn định sẽ được chia làm các nhóm học thực hành đảm bảo không quá 35 em/ lớp học lý thuyết và 18 em/lớp học thực hành (***2.1.13*** *- Quyết định về việc thành lập các lớp TC, CĐ năm 2021).*

Bảng tính Học sinh, Sinh viên quy đổi của nghề KTSC, LRMT:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình độ/ Năm** | | **Cao đẳng** | **Quy đổi** |
| Năm học 2020-2021 | Năm 1 | 16 | 8 |
| Năm 2 | 18 | 18 |
| Năm 3 | 14 | 14 |
| Tổng quy đổi | | **40** |

Trên cơ sở các môn học trong chương trình đào tạo; nhà trường đã xây dựng kế hoạch cho từng giáo viên, qua kiểm tra cho thấy tất cả các mô - đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp *(****2.2.03*** *- Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm học 2021- 2022, ;* ***2.2.04*** *- Thời khóa biểu theo từng học kỳ năm học, 2021- 2022, ;* ***3.3.01*** - *Báo cáo số liệu HSSV Quý 4 năm 2021,2022;* ***3.3.02*** *- Kế hoạch thực tập nghề nghiệp của nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2021;* ***3.3.03*** *- Bảng tổng hợp giờ thỉnh giảng Khoa ĐT-ĐKTĐ;* ***3.3.04*** *- Bảng tổng hợp giờ phụ trội của giảng viên, Danh sách chi tiền phụ trội qua tài khoản cá nhân năm 2021;* ***3.3.05*** *- Thống kê số lượng HSSV quy đổi nghề KTSC, LRMT;* ***3.3.06*** *- Thống kê số lượng GV quy đổi nghề KTSC, LRMT).*

Định mức giờ giảng Trường quy định hiện nay của giáo viên dạy môn học chung là 506 giờ; GV khoa chuyên môn: 488 giờ; Trưởng khoa giảm 30% giờ giảng, Phó khoa giảm 25% giờ giảng. Thỉnh giảng 700 giờ. Dạy vượt giờ tối đa 200 giờ.

Năm học 2020 - 2021: 15 nhà giáo cơ hữu (gồm 01 trưởng khoa và 05 giảng viên thuộc khoa, 02 giảng viên thuộc khoa khác hỗ trợ giảng dạy các môn học cơ sở của nghề KTSC, LRMT, 07 giảng viên dạy các môn học chung) được phân công giảng dạy 33 MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 2 lớp (C19LRMT1,C20LRMT1, C21LRMT1) với tổng số 2940 giờ; số giờ định mức trong năm học của 15 nhà giáo là 9398 giờ. Như vậy, đảm bảo đủ số lượng nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT theo quy định.

**- Nhà giáo quy đổi:**

| Năm học | GV thỉnh giảng | | Giáo viên cơ hữu | | GV kiêm nhiệm và qua ban | | GV dạy môn chung | | Tổng giáo viên qui đổi |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số giờ | Giáo viên thỉnh giảng qui đổi | Giáo viên | Trưởng khoa | Tổng số giờ | Giáo viên qui đổi | Tổng số giờ | Giáo viên qui đổi |
| 2020-2021 | 225 | 0,32 | 4 | 0,7 | 120 | 0,25 | 480 | 0,95 | **6,22** |

Tỷ lệ HSSV quy đổi /giáo viên quy đổi trong các năm qua như sau:

| **TT** | **Năm học** | **HSSVqđ** | **GVqđ** | **TỈ LỆ HSSVqđ/ GVqđ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2020 - 2021 | 40,0 | 6,22 | **6,43** |

Như vậy, năm 2020 – 2021 đội ngũ nhà giáo nghề KTSC, LRMT đảm bảo tỷ lệ quy đổi (< 25 người học/nhà giáo) theo quy định tại Nghị định số 140/2018/NĐ - CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3: 0 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 3.4

*Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, Ban Giám hiệu nhà trường đã quan tâm và chỉ đạo kịp thời, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường đã đạt được nhiều kết quả. Cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu và có đề tài khoa học được Nhà trường hỗ trợ, cấp kinh phí tổ chức thực hiện khi đề tài được Hội đồng khoa học Nhà trường thông qua và được khen thưởng khi đạt giải các cấp. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng Quy trình quản lý đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm trong đó có quy định quy trình thực hiện đề tài, sáng kiến và khen thưởng đề tài, sáng kiến. Nhà trường còn gắn việc nghiên cứu khoa học, có sáng kiến cải tiến hoặc áp dụng công nghệ mới là một trong những tiêu chí bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm *(****1.2.03*** *- Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021;* ***3.1.01*** *- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***3.1.04*** *- Hồ sơ quản lý nhà giáo Khoa Điện tử ;* ***3.4.01*** *– Quy chế về hoạt động nghiên cứu khoa học của trường CĐN TP.HCM năm 2019)*.

Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện và khuyến khích các giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn, chế tạo đồ dùng dạy học....Đội ngũ giảng viên Khoa tích cực tham gia nghiên cứu khoa học các cấp, đặc biệt là cấp Khoa; Đầu năm, Phòng Đào tạo sẽ ra thông báo toàn Trường để các cá nhân đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học. Sau khi được hội đồng thông qua, các cá nhân sẽ tiến hành nghiên cứu và cho ra sản phẩm của đề tài đã đăng ký. Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học sẽ tiến hành nghiệm thu kết quả của đề tài và đề nghị Hiệu Trưởng ra quyết định công nhận. *(****3.4.02*** *- Kế hoạch đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học năm 2020, 2021;* ***3.4.03*** *– Các Quyết định công nhận đề tài NCKH, Sáng kiến của nhà giáo ĐT-ĐKTĐ năm 2021 (kèm biên bản nghiệm thu, quyết định công nhận đề tài, sáng kiến)*.

Nhà trường đã xây dựng Quy trình quản lý đề tài nghiên cứu khoa học, Quy trình xét công nhận sáng kiến kinh để quản lý việc thực hiện đề tài, sáng kiến hiệu quả hơn *(****3.4.04*** *- Quy trình quản lý đề tài nghiên cứu khoa học QT/P.QT-KH/03;* ***3.4.05*** *- Quy trình xét công nhận sáng kiến QT/P.QT-KH/04).*

Ngoài ra để nâng cao chất lượng giảng dạy, trao đổi phương pháp giảng dạy và chuyên môn. Hằng năm Trường đều chức hội giảng, 100% giảng viên khoa tham gia và đạt nhiều thành tích. ***(3.4.06*** *- Hồ sơ hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp trường (Kế hoạch, thông báo kết quả, phiếu đánh giá bài giảng năm 2021);* ***3.4.07*** *– Bằng khen, giấy khen các cấp).*

Kết quả đạt được:

| **Năm** | **Nội dung** | **Tên loại** | **Giảng viên thực hiện** | **Số lượng**  **Tỷ lệ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **2021** | Hội giảng | Hội giảng cấp Khoa (trực tuyến) | Tất cả GV khoa | 5/5  100% |

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.4: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 3.5

*Hàng năm, Cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hằng năm, căn cứ đăng ký nhu cầu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ của giảng viên giảng dạy nghề KTSC, LRMT , lãnh đạo khoa tổng hợp nhu cầu của khoa gửi về phòng HCTC tổng hợp; P.HCTC tổng hợp để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và CNV. Trong những năm vừa qua, Trường đã tổ chức và tạo điều kiện cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý Khoa Điện tử tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ như: nghiệp vụ sư phạm giảng dạy trình độ cao đẳng, Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, bồi dưỡng và thi Tiếng Anh trình độ B1, Bồi dưỡng và thi tin học nâng cao; Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên; Trung cấp lý luận chính trị, cử GV học tập nâng cao tay nghề tại Doanh nghiệp...*(****3.5.01*** *- Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức năm 2021;* ***3.5.02*** *- Các Quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên, tham dự khóa bồi dưỡng năm 2020, 2021 (kèm danh sách)).*

Nhà trường có tổ chức cho giảng viên khoa như sau:

| **Năm** | **Lớp học tập, bồi dưỡng** | **Họ & tên GV** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| 2021 | Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giảng viên GDNN lý thuyết hạng III (V.09.02.03) và giảng viên GDNN thực hành hạng III (V.09.02.04) | Nguyễn Thái Bình  Đỗ Phú Hoàng  Nguyễn Hoài Minh Luân  Nguyễn Văn Hùng | 02/4/2021 |
| Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giảng viên GDNN chính (hạng II) | Đỗ Phú Hoàng | 08/2021 |

Nhà giáo được cử đi học tập sẽ được thanh toán một phần hoặc trọn phần kinh phí học tập tùy theo quy định. Nếu Nhà giáo tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn như văn bằng thạc sĩ, ngoại ngữ, tin học theo chuẩn quy định đều được nhà trường hoàn lại kinh phí đào tạo với mức đã được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ mà toàn bộ CBVCGV thông qua tại Hội nghị CBVC-NLĐ *(****3.5.03 -*** *Các chứng chỉ hoàn thành khóa học của giảng viên trong năm 2021).*

Giảng viên luôn có ý thức nâng cao nghiệp vụ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực tế cho sinh viên, giảng viên thực hiện báo cáo kết quả học tập, bồi dưỡng và nộp các văn bằng, chứng chỉ sau khi hoàn thành khóa bồi dưỡng (***3.5.04*** - *Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối viên chức, người lao động năm 2021).*

Hàng năm, Nhà trường khảo sát thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Kết quả khảo sát về Kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB,NG,CNV, kết được đánh giá ở mức tốt, rất tốt đạt tỷ lệ trên 83% *(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.5: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 3.6

*100% nhà giáo cơ hữu được cử đi thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ quy định chế độ làm việc của nhà giáo, đội ngũ giáo viên giảng dạy Khoa Điện tử có kế hoạch đi thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp. Hằng năm, Khoa lập kế hoạch, đề xuất Nhà trường tổ chức cho giáo viên đi thăm quan, thực tập tại doanh nghiệp để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Kết quả 100% nhà giáo cơ hữu của Khoa Điện tử , Điện tử đã hoàn thành công tác thực tập tại doanh nghiệp theo quy định *(****1.2.03*** *- Các Quyết định ban hành Quy định về lề lối làm việc của trường CĐN TP.HCM;* ***3.1.01*** *- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***3.3.02 -*** *Kế hoạch thực tập nghề nghiệp của nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2021;* ***3.6.01 -*** *Công văn cử nhà giáo đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021;* ***3.6.02 -*** *Báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp của giảng viên năm 2021****; 3.6.03*** *- Hình ảnh GV đi học tập thực tế tại Doanh nghiệp;* ***3.6.04*** *- Danh sách GV đi thục tập thực tế tại Doanh nghiệp năm 2021;* ***3.5.05*** *- Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối viên chức, người lao động năm 2021).*

- Năm 2021: có 5/5 GV (100%) tham gia thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp từ 02/08 đến 31/8/2021.

| **TT** | **Họ tên**  **Nhà giáo** | **Nội dung đi thực tập thực tế** | **Thời gian** | **Doanh nghiệp** | **Địa chỉ doanh nghiệp** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nguyễn Thái Bình | Tìm hiểu và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trởi | Từ ngày: 02/08/2021  Đến ngày: 31/08/2021 | Công ty TNHH TMDV Điều Khiển Thông Minh | 50/2/3 Quang Trung, Quận Gò Vấp, TP.HCM |
|  | Lâm Minh Long | Khảo sát kiến trúc máy tính điều khiển hệ thống điện. | Từ ngày: 02/08/2021  Đến ngày: 31/08/2021 | Công ty TNHH  SX TM DV Hồng  Thạch | số 42,  ấp Tam Đông,  xã Thới Tam Thôn,  Huyện Hóc môn. |
|  | Đỗ Phú Hoàng | Xây dựng giáo án tích hợp trên cơ sở khảo sát ngành in cho mô đun sửa chữa máy in và thiết bị ngành in. | Từ ngày: 02/08/2021  Đến ngày: 31/08/2021 | Công ty TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI THẮNG LỢI LONG | 78/29, đường Cống Lở, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
|  | Nguyễn Văn Hùng | Sửa chữa nguồn ổn áp xung | Từ ngày: 02/08/2021  Đến ngày: 31/08/2021 | CÔNG TY TNHH Hệ Thống Điện Tự Động Thành Phú | 33 Hàn Thuyên,  P. Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Tp.HCM |
|  | Nguyễn Hoài Minh Luân | Sửa chữa bảo trì tủ điện  trung thế | Từ ngày: 02/08/2021  Đến ngày: 31/08/2021 | CÔNG TY TNHH OTECH | 36/75 Trịnh Đình Thảo, Phường Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh |

Để nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học,Nhà trường đã lập kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên về thời gian thực tế tại Doanh nghiệp. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Nhà trường tổng hợp, đánh giá kết quả và tổng hợp, đánh giá các đề xuất để điều chỉnh tiến độ, kế hoạch đào tạo...nhằm đáp ứng và nâng cao chất lượng dạy và học *(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.6: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 3.7

*100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện nay, Khoa Điện tử gồm có 01 Trưởng Khoa và 01 giáo vụ khoa đều đạt chuẩn về chuyên môn, cụ thể:

| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Trình độ chuyên môn** | | | | **Sư phạm dạy nghề** | **Ngoại ngữ** | **Tin học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiến sỹ*** | ***Thạc sỹ*** | ***Đại học*** | ***Cao đẳng*** |
| **NĂM 2021** | | | | | | | | | |
|  | Nguyễn Thái Bình | Trưởng khoa |  | Thạc sĩ | Điện -Điện tử |  | x | Cử nhân | B |
|  | Huỳnh Lê Minh Thư | Giáo vụ |  |  |  | Ngôn ngữ Anh |  | Cao đẳng | B |
| **NĂM 2022** | | | | | | | | | |

Cán bộ quản lý Khoa Điện tử : 01 người là Trưởng khoa, có: chứng chỉ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung cấp chính trị, chứng chỉ quản lý cấp phòng, chứng chỉ quản lý nhà nước.

Giáo vụ khoa: trình độ từ Cao đẳng trở lên, có chứng chỉ B Tin học, Chứng chỉ B Anh Ngữ.

Như vậy, Cán bộ quản lý khoa, giáo vụ khoa đều đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định. *(****3.1.01*** *- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***3.7.01*** *- Danh sách cán bộ, viên chức, người lao động (Khoa ĐT-ĐKTĐ)*; ***3.7.02 -*** *Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nghề;* ***3.7.03*** *- Hồ sơ cán bộ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nghề).*

So sánh với yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ của Điều 54 Luật Giáo dục nghề nghiệp và Mục 3 Thông tư 08/2017/BLĐTBXH yêu cầu thì đội ngũ Quản lý và nhân viên của Khoa đạt yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ để giảng dạy nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.7: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 3.8

*Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Khoa có nhiều thành tích trong giảng dạy, có năng lực lãnh đạo, có phẩm chất đạo đức. Các chức danh đang đảm nhiệm đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, nhạy bén trong việc xử lý các công việc của Khoa và Nhà trường, được. Trong nhiều năm liền, Khoa luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được trao tặng bằng khen của cấp trên. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, công nhân viên và người lao động theo hướng dẫn Luật Công chức, Luật Viên chức, pháp luật lao động; 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, công nhân viên của Khoa đều được Hội đồng thi đua nhà trường đánh giá và công nhận hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. *(****3.2.02*** *- Các Quyết định ban hành về công tác thi đua, khen thưởng;* ***3.2.04*** *- Danh sách tổng hợp bình bầu thi đua tháng, năm của Trường năm 2021)*

| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Kết quả đánh giá phân loại** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm 2021** | | | |
|  | Nguyễn Thái Bình | Trưởng khoa | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ |
|  | Huỳnh Lê Minh Thư | Giáo vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ |

Thành tích tập thể:

Năm 2021, khoa xếp loại Tập thể lao động tiên tiến;

*(****1.2.04*** *- Báo cáo kết quả công tác của Khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021****; 1.2.05 -*** *Báo cáo tổng kết công tác năm học và phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học 2021 - 2022;* ***1.2.06*** - *Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua 2021;* ***1.2.06*** *- Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2020, 2021;* ***3.2.03*** *- Kết quả kèm Danh sách tổng hợp bình bầu thi đua tháng, năm của Trường 2020, 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.8: 2 điểm.***

#### Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình.

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 4**

Thực hiện theo hướng dẫn của các thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, trường đã xây dựng và ban hành các Quy chế, quy trình nhằm xây dựng điều chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo. Ngoài ra, việc tổ chức rà soát, biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cũng được nhà Trường tổ chức hàng năm nhằm để mục tiêu đào tạo của Trường phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động.

*\* Những điểm mạnh*:

Chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng của trường được xây dựng, điều chỉnh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng tăng năng lực thực hiện người học. Hàng năm chương trình, giáo trình đào tạo sẽ được rà soát và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường lao động, góp ý của đại diện Doanh nghiệp cũng như điều kiện cụ thể của trường.

Chương trình đào tạo có quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng và phương pháp thực hiện đánh giá người học một cách cụ thể và chính xác nhất.

Mỗi mô đun, môn học của chương trình đào tạo đều có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo.

Hằng năm, Khoa ĐT-ĐKTĐ có tổ chức rà soát, biên soạn lại giáo trình giảng dạy, đảm bảo tài liệu tham khảo cho nghề đào tạo.

*\* Những tồn tại***:** Không có.

**Điểm đánh giá tiêu chí 4**

| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá** |
| --- | --- |
| **Tiêu chí 4** | **24 điểm** |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 8 | 0 điểm |
| Tiêu chuẩn 9 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 10 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 11 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 12 | 2 điểm |

##### Tiêu chuẩn 4.1

*Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ quy định các Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và Thông tư số 45/2018/TT-BLĐTBXH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng. Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành mới chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT được thực hiện nghiêm túc, có sự tham gia chặt chẽ của các bên liên quan, đảm bảo đúng theo quy định về xây dựng, thẩm định CTĐT.

Năm 2021, Trường xây dựng mới bộ CTĐT cho tất cả các nghề hệ cao đẳng theo tích lũy tín chỉ mô đun/môn học. Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT trình độ cao đẳng nghề KTSC, LRMT có các thành viên là nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy ở cấp trình độ đào tạo của ngành, nghề, các thành viên đại diện cho doanh nghiệp đang công tác tại các ngành nghề tương ứng và đại diện cơ quan chủ quản là đại diện Sở LĐTB&XH. Các thành viên đã thảo luận, thống nhất về mục tiêu đào tạo, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của người học và khối lượng kiến thức, thời gian học, danh sách các mô-đun/môn học của chương trình đào tạo...

Hằng năm, Phòng Đào tạo kết hợp khoa nghề xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT, GTĐT cho phù hợp với thực tiễn. Năm 2021, qua khảo sát đánh giá chất lượng, CTĐT xây dựng theo phương thức tích lũy mô đun tín chỉ. *(****2.2.01*** *- Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề;* ***4.1.01*** *- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng, cao đẳng liên thông năm 2021,2022;* ***1.1.07*** *- Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***1.1.08*** *- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021).*

***Năm 2017:***

***\**** *Danh sách ban chủ nhiệm biên soạn CTĐT nghề KTSC, LRMT.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, Đơn vị** | **Nhiệm vụ** |
|  | ThS. Phạm Mạnh Dũng | Phó trưởng khoa Điện tử | Chủ nhiệm |
|  | ThS. Nguyễn Hoài Minh Luân | Giảng viên Khoa Điện tử | Phó chủ nhiệm |
|  | KS. Trần Anh Tuấn | Giáo vụ Khoa Điện tử | Thư ký |
|  | KS. Đỗ Phú Hoàng | Giảng viên Khoa Điện tử | Thành viên |
|  | KS. Nguyễn Đăng Lâm | Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH TMDV Máy tính Tân Doanh | Thành viên |
|  | KS. Lại Quang Tuyến | Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ điều khiển thông minh | Thành viên |
|  | CN. Nguyễn Minh Quân | Phó trưởng khoa – Khoa học cơ bản | Thành viên |

***\**** *Danh sách Hội đồng thẩm định CTĐT nghề KTSC, LRMT.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, Đơn vị** | **Nhiệm vụ** |
|  | ThS. Nguyễn Thái Bình | Trưởng khoa Điện tử | Chủ tịch |
|  | ThS. Nguyễn Văn Nga | Tổ trưởng bộ môn Điện tử | Phó Chủ tịch |
|  | KS. Nguyễn Thu Hà | Giảng viên Khoa Điện tử | Ủy viên Thư ký |
|  | KS. Phan Trần Khôi Nguyên | Trưởng phòng kỹ thuật – công ty TNHH TM&DV Máy tính NoVa | Phản biện 1 |
|  | ThS. Trương Ngọc Anh | Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Phản biện 2 |
|  | KS. Nguyễn Văn Tiến | Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Giải pháp CNTT và truyền thông Hoàng Khang | Ủy viên |
|  | Ths. Phan Vũ Nguyên Khương | Trưởng khoa Sư phạm giáo dục nghề nghiệp | Ủy viên |
|  | ThS. Lâm Minh Long | Giảng viên Khoa Điện tử | Ủy viên |
|  | ThS. Nguyễn Thị Trà Mi | Trưởng khoa Khoa học cơ bản | Ủy viên |

***Năm 2021:***

***\**** *Danh sách ban chủ nhiệm biên soạn CTĐT nghề KTSC, LRMT.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, Đơn vị** | **Nhiệm vụ** |
|  | ThS. Nguyễn Thái Bình | Trưởng Khoa Điện tử | Chủ nhiệm |
|  | ThS. Đỗ Phú Hoàng | Giảng viên Khoa Điện tử | Phó chủ nhiệm |
|  | CN. Huỳnh Lê Minh Thư | Giáo vụ Khoa Điện tử | Thư ký |
|  | ThS. Nguyễn Văn Hùng | Giảng viên Khoa Điện tử | Thành viên |
|  | KS. Nguyễn Đăng Lâm | Phụ trách kỹ thuật Công ty TNHH TMDV Máy tính Tân Doanh | Thành viên |
|  | KS. Nguyễn Văn Tiến | Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Giải pháp CNTT và truyền thông Hoàng Khang | Thành viên |
|  | KS. Trần Bảo Xuyên | Giảng viên trường Trung cấp Quang Trung | Thành viên |

***\**** *Danh sách Hội đồng thẩm định CTĐT nghề KTSC, LRMT.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, Đơn vị** | **Nhiệm vụ** |
|  | ThS. Hồng Thị Thanh Thủy | Phó Hiệu trưởng, Trường CĐN TP.HCM | Chủ tịch |
|  | ThS. Nguyễn Hoài Minh Luân | Giảng viên Khoa Điện tử | Phó Chủ tịch |
|  | CN. Huỳnh Xuân Nghiệp | Phó Trưởng phòng Đào tạo, Trường CĐN TP.HCM | Ủy viên Thư ký |
|  | KS. Trương Quốc Bình | Phó trưởng Khoa Điện tử của trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ | Phản biện 1 |
|  | ThS. Phạm Quang Trí | Giảng viên Khoa Điện tử trường Đại học Công nghiệp TPHCM. | Phản biện 2 |
|  | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP. HCM | Ủy viên |
|  | ThS. Nguyễn Công Toàn | Chuyên viên phòng ĐBCL&KT Trường CĐN TP.HCM | Ủy viên |
|  | KS. Lại Quang Tuyến | Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ điều khiển thông minh | Ủy viên |
|  | KS. Phan Trần Khôi Nguyên | Trưởng phòng kỹ thuật – công ty TNHH TM&DV Máy tính NoVa | Ủy viên |

Để quản lý việc thực hiện Xây dựng và điều chỉnh CTĐT, GTĐT, Phòng Đào tạo có xây dựng Quy trình xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo: QT/P.ĐT/01; Quy trình biên soạn nghiệm thu giáo trình: QT/P.QT-KH/02 đã được Hiệu trưởng ký ban hành. *(****4.1.02*** *- Quyết định ban hành Quy trình kèm bộ quy trình QT/P.ĐT/01, QT/P.QT-KH/02).*

Sau khi hội đồng thẩm định có ý kiến thông qua CTĐT, Hội đồng sẽ đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định ban hành chương trình. *(* ***4.1.03*** *- Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng và cao đẳng liên thông năm 2017, 2021;* ***4.1.04*** *- Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2017, 2021;* ***4.1.05*** *- Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2017, 2021;* ***1.1.09*** *- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.1: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 4.2

*Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hằng năm, Phòng Đào tạo kết hợp khoa nghề xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT, GTĐT cho phù hợp với thực tiễn (***4.1.01*** *- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng, cao đẳng liên thông năm 2021).*

Trong Hội đồng ban chủ nhiệm rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo và Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, Trường đã mời đúng và đủ các thành phần và số lượng trong hội đồng theo hướng dẫn của thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, nhà trường đã ra quyết định thành lập ban biên soạn, chủ nhiệm chương trình đào tạo; quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nghề KTSC, LRMT (***2.2.01*** *– Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM;* ***1.1.07*** *- Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017;* ***4.1.02*** *- Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐLT năm 2017 ngày 12/4/2017; Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng và cao đẳng liên thông năm 2017, 2021;* ***4.1.03*** *- Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2017, 2021).*

Năm 2017 có 02 đại diện Doanh nghiệp tham gia Ban biên soạn CTĐT nghề KTSC, LRMT gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, Đơn vị** | **Nhiệm vụ** |
|  | KS. Nguyễn Đăng Lâm | Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH TMDV Máy tính Tân Doanh | Thành viên |
|  | KS. Lại Quang Tuyến | Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ điều khiển thông minh | Thành viên |

Năm 2021 có 02 đại diện Doanh nghiệp, 01 chuyên gia tham gia Ban biên soạn CTĐT nghề KTSC, LRMT gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, Đơn vị** | **Nhiệm vụ** |
|  | KS. Nguyễn Đăng Lâm | Phụ trách kỹ thuật Công ty TNHH TMDV Máy tính Tân Doanh | Thành viên |
|  | KS. Nguyễn Văn Tiến | Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Giải pháp CNTT và truyền thông Hoàng Khang | Thành viên |
|  | KS. Trần Bảo Xuyên | Giảng viên trường Trung cấp Quang Trung | Thành viên |

Sau khirà soát, biên soạn, điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường đã ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (***1.1.08*** *- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***4.1.04*** *- Các Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ).*

Năm 2017 có 02 đại diện Doanh nghiệp, 01 chuyên gia tham gia Hội đồng thẩm định CTĐT nghề KTSC, LRMT gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, Đơn vị** | **Nhiệm vụ** |
|  | KS. Phan Trần Khôi Nguyên | Trưởng phòng kỹ thuật – công ty TNHH TM&DV Máy tính NoVa | Phản biện 1 |
|  | ThS. Trương Ngọc Anh | Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Phản biện 2 |
|  | KS. Nguyễn Văn Tiến | Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Giải pháp CNTT và truyền thông Hoàng Khang | Ủy viên |

Năm 2021 có 02 đại diện Doanh nghiệp, 01 chuyên gia tham gia Hội đồng thẩm định CTĐT nghề KTSC, LRMT gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, Đơn vị** | **Nhiệm vụ** |
|  | ThS. Phạm Quang Trí | Giảng viên Khoa Điện tử trường Đại học Công nghiệp TPHCM. | Phản biện 2 |
|  | KS. Lại Quang Tuyến | Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ điều khiển thông minh | Ủy viên |
|  | KS. Phan Trần Khôi Nguyên | Trưởng phòng kỹ thuật – công ty TNHH TM&DV Máy tính NoVa | Ủy viên |

Sau khi được Hội đồng thẩm định thông qua và đánh giá đạt, Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành chương trình đào tạo ***(1.1.09*** *– Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021)*

Hằng năm, Trường tiến hành khảo sát người học, nhà giáo, doanh nghiệp về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện các chính sách liên quan đến người học*.* Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% đánh giá mức độ Tốt, Rất tốt. *(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.2: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 4.3

*Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Nhà trường đã tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho nghề KTSC, LRMT trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Chuẩn đầu ra của chương trình nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng được quy định tại phụ lục 5 của Quyết định ban hành chuẩn đầu ra, gồm: giới thiệu chung về ngành nghề; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp, khả năng học tập, nâng cao trình độ; chuẩn đầu ra:

**“5. Chuẩn đầu ra**

***5.1 Tin học:*** Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản hoặc tương đương trở lên.

***5.2 Tiếng Anh:*** Chứng chỉA2 theo khung Châu Âu hoặc tương đương trở lên.

***5.3 Kỹ năng – kiến thức:***

*\* Kiến thức:*

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, điện tử máy tính, mạng máy tính;

- Xác định được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thành phần trong hệ thống máy tính;

- Đọc và hiểu các thông số kỹ thuật của các thành phần phần cứng của máy tính;

- Trình bày được nguyên lý và phương thức lưu trữ dữ liệu trong máy tính;

- Trình bày được nguyên lý làm việc của hệ điều hành;

- Mô tả được việc lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính, kể cả các thiết bị ngoại vi;

- Mô tả được việc tháo lắp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính xách tay,

- Phân tích, hoạch định, lựa chọn, thiết kế hệ thống mạng cho doanh nghiệp;

- Phân tích, đánh giá và đưa ra được giải pháp xử lý các sự cố, tình huống trong hệ thống tính và thiết bị ngoại vi;

- Xác định được các tiêu chuẩn an toàn lao động;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

*\* Kỹ năng:*

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;

- Lắp đặt được hệ thống máy tính và các thành phần, thiết bị ngoại vi;

- Lắp ráp, cài đặt, cấu hình được hệ điều hành và các ứng dụng phần mềm;

- Chẩn đoán được, sửa chữa được phần cứng máy tính và các thiết bị ngoại vi;

- Chẩn đoán được và xử lý được các sự cố phần mềm máy tính;

- Bảo trì, sửa chữa và nâng cao được phần mềm và phần cứng máy tính;

- Thiết kế, xây dựng, lắp đặt và bảo dưỡng được hệ thống mạng;

- Thực hiện được việc tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất của một phân xưởng, một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng, quản lý hệ thống mạng;

- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

*\* Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, thái độ phục vụ; động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền, sở hữu trí tuệ trong ứng dụng phần mềm. Cần cù, chịu khó và sáng tạo, thực hiện tốt kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;

- Thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài);

- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- Giải quyết tốt công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện việc làm thay đổi;

- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

***(2.2.01*** *– Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM;* ***4.1.01 -*** *Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng, cao đẳng liên thông năm 2021;* ***1.1.07*** *- Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***4.1.02*** *- Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐLT năm 2017 ngày 12/4/2017; Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng và cao đẳng liên thông năm 2017, 2021;* ***4.1.03*** *- Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2017, 2021;* ***1.1.08*** *- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***4.1.04*** *- Các Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ).*

Năm 2021 Chương trình được xây dựng theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ; đưa vào thêm MĐ/MH tự chọn vào học kỳ cuối cho SV. Chương trình đào tạo chi tiết nghề KTSC, LRMT có quy định đầy đủ về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học đạt được sau khi kết thúc khóa đào tạo. *(****1.1.09*** *– Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***4.3.01*** *– Thông báo chuẩn đầu ra;* ***4.3.02*** *- Tổng hợp chương trình đào tạo năm 2017, 2021;* ***4.4.03*** *- Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021;* ***4.3.04*** *- Bảng so sánh CTĐT nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng).*

Chương trình năm 2021nêu rõ:

***\* Kiến thức***

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

- Trình bày đư­ợc một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật để phân tích các hiện tượng h­ư hỏng một cách khoa học, hợp lí.

- Có các kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính

- Có đủ kiến thức về khoa học kỹ thuật làm nền tảng cho việc lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy vi tính.

- Có khả năng phân tích, đánh giá và đ­ưa ra giải pháp xử lý các sự cố, tình huống trong hệ thống máy vi tính.

- Trang bị cho sinh viên kiến thức ngoại ngữ và am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.

- Có những kiến thức cần thiết để tiếp thu tốt các môn học có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.

***\* Kỹ năng***

- Lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy vi tính.

- Sửa chữa, bảo dưỡng các thành phần và thiết bị ngoại vi của hệ thống máy vi tính.

- Có năng lực kèm cặp, hướng dẫn các bậc thợ thấp hơn.

- Biết tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất của một phân xưởng, một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng, quản lý mạng cục bộ.

- Tính độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân trong việc tổ chức, quản lý và điều hành đơn vị công tác kỹ thuật của mình.

- Có khả năng tự nâng cao trình độ chuyên môn tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Tổ chức, quản lý nhóm thợ trong hoạt động tổ nhóm.

- Hư­ớng dẫn nghề nghiệp cho thợ có trình độ thấp hơn.

***\* Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp***

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ năng lực đảm nhận vị trí kỹ sư thực hành cao đẳng nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các nhà máy, xí nghiệp, học viện, trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo… Sinh viên cũng có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn ở trong nước cũng như ở nước ngoài.

Hằng năm, Trường đều tiến hành khảo sát người học, nhà giáo, doanh nghiệp về Chương trình đào tạo của trường đã thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp ; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chinh sách liên quan đến người học để có cái nhìn khách quan. Từ kết quả khảo sát, đưa ra kế hoạch rà soát, điều chỉnh chất lượng dạy và học. *(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.3: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 4.4

*Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Chương trình đào tạo KTSC, LRMT trình độ cao đẳng được sắp xếp các môn học cơ bản, các môn học cơ sở nghề trong học kỳ 1, 2; các môn học/mô đun chuyên môn nghề được sắp xếp ở các học kỳ 3, 4 và 5, đảm bảo các mô đun cơ bản được bố trí học trước mô đun nâng cao học sau. Các mô đun chuyên môn nghề phải được học hết rồi mới tới mô đun thực tập tốt nghiệp vào học kỳ 5.

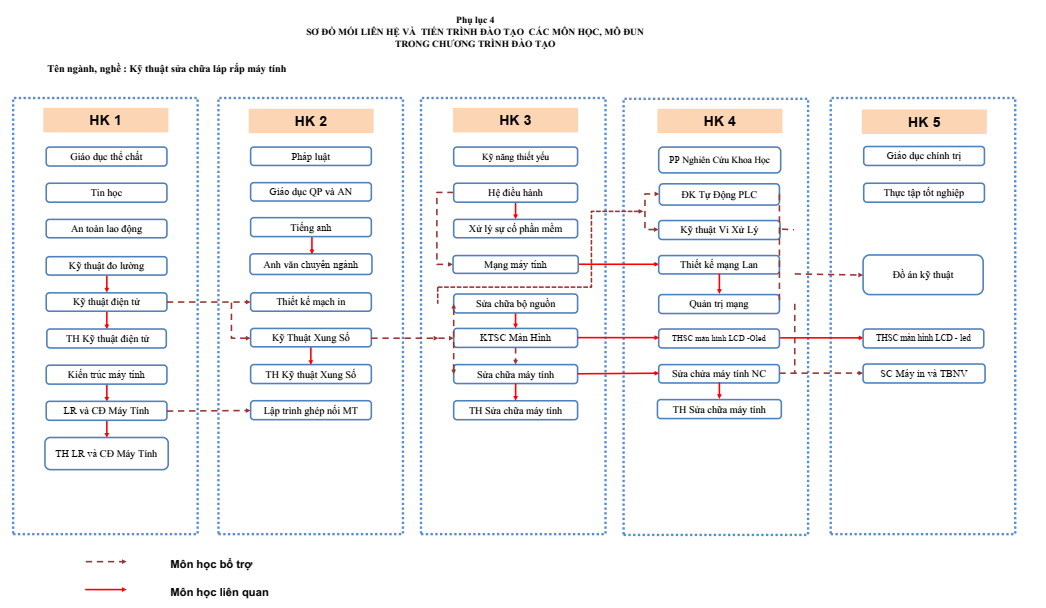
Các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT đều chỉ rõ vị trí, tính chất của môn học/mô đun, điều kiện tiên quyết/hoặc song hành của môn học/mô đun. Điều này đảm bảo sự logic, kế thừa kiến thức, kỹ năng lẫn nhau giữa các môn đun/môn học, đảm bảo thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo và đảm bảo chuẩn đầu ra của nghề.

Từ năm 2020 trở về trước, CTĐT nghề KTSC, LRMT dạy theo phương thức niên chế; từ năm 2021, CTĐT nghề ĐN, trình độ cao đẳng đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun/tín chỉ; riêng trình độ trung cấp vẫn đào tạo theo niên chế.

Ngoài ra, giờ học Lý thuyết và Thực hành được phân bổ với tỷ lệ hợp lý, 739 giờ lý thuyết / 1541 giờ thực hành. Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học, thời gian thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun. Thời gian học của chương trình đào tạo đã được ban hành qua các năm như sau.

| **Mã MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Số tín chỉ** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận** | **Kiểm tra** | **Tự học** | **Số cột KTĐK và TX** |
| ***I*** | ***Các môn học chung*** | ***18*** | ***435*** | ***157*** | ***255*** | ***420*** | ***23*** | ***14*** |
| MH 01 | Giáo dục chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 105 | 5 | 3 |
| MH 02 | Pháp luật | 1 | 30 | 18 | 10 | 30 | 2 | 1 |
| MH 03 | Giáo dục thể chất | 2 | 60 | 5 | 51 | 30 | 4 | 2 |
| MH 04 | Giáo dục quốc phòng và An ninh | 3 | 75 | 36 | 35 | 75 | 4 | 3 |
| MH 05 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 60 | 2 | 2 |
| MH 06 | Tiếng anh | 5 | 120 | 42 | 72 | 120 | 6 | 3 |
| ***II*** | ***Các môn học, mô đun chuyên môn nghề*** | **82** | **1965** | **582** | **1286** | **1725** | **97** | **78** |
| *II.1* | ***Môn học, mô đun cơ sở*** | ***16*** | ***330*** | ***142*** | ***170*** | ***390*** | ***18*** | ***19*** |
| MĐ 07 | Kiến trúc máy tính | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 08 | Kỹ thuật đo lường | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 09 | Kỹ thuật điện tử | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MĐ 10 | Thực hành kỹ thuật điện tử | 3 | 90 | 0 | 86 | 45 | 4 | 3 |
| MH 11 | Anh văn chuyên ngành | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MH 12 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MH 13 | An toàn toàn lao động | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MH 14 | Kỹ năng thiết yếu | 1 | 15 | 13 | 0 | 30 | 2 | 1 |
| *II.2* | ***Môn học, mô đun chuyên môn nghề*** | ***66*** | ***1635*** | ***440*** | ***1116*** | ***1335*** | ***79*** | ***59*** |
| MĐ 15 | Kỹ thuật xung số | 3 | 45 | 43 | 0 | 90 | 2 | 2 |
| MĐ 16 | Thực hành kỹ thuật xung số | 2 | 60 | 0 | 56 | 30 | 4 | 2 |
| MĐ 17 | Lắp ráp và cài đặt máy tính | 3 | 45 | 43 | 0 | 90 | 2 | 2 |
| MĐ 18 | Thực hành lắp ráp và cài đặt máy tính | 3 | 90 | 0 | 85 | 45 | 5 | 3 |
| MĐ 19 | Thiết kế mạch in | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 20 | Hệ điều hành | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 21 | Mạng máy tính | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 22 | Sửa chữa bộ nguồn | 4 | 90 | 30 | 56 | 90 | 4 | 3 |
| MĐ 23 | Kỹ thuật sửa chữa màn hình | 4 | 90 | 30 | 56 | 90 | 4 | 3 |
| MĐ 24 | Lập trình ghép nối máy tính | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 25 | Điều khiển tự động PLC | 3 | 75 | 15 | 56 | 60 | 4 | *3* |
| MĐ 26 | Xử lý sự cố phần mềm | 4 | 90 | 30 | 56 | 90 | 4 | 3 |
| MĐ 27 | Sửa chữa máy tính | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MĐ 28 | Thực hành sửa chữa máy tính | 2 | 60 | 0 | 56 | 30 | 4 | 2 |
| MĐ 29 | Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 30 | Kỹ thuật vi xử lý | 4 | 90 | 30 | 56 | 90 | 4 | 3 |
| MĐ 31 | Quản trị mạng | 4 | 90 | 30 | 56 | 90 | 4 | 3 |
| MĐ 32 | Sửa chữa máy tính nâng cao | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MĐ 33 | Thực hành sửa chữa máy tính nâng cao | 2 | 60 | 0 | 56 | 30 | 4 | 2 |
| MĐ 34 | Thiết kế mạng LAN | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 3 |
| MĐ 35 | Sửa chữa màn hình LCD-LED | 2 | 30 | 28 | 0 | 60 | 2 | 2 |
| MĐ 36 | Thực hành sửa chữa màn hình LCD-LED | 2 | 60 | 0 | 56 | 30 | 4 | 2 |
| MĐ 37 | Đồ án kỹ thuật | 2 | 60 | 15 | 45 | 30 | 4 | *2* |
| MĐ 38 | Thực tập tốt nghiệp | 6 | 270 | 0 | 260 | 0 | 10 | 0 |
| *II.3* | ***Môn học, mô đun chuyên môn nghề tự chọn*** | ***6*** | ***135*** | ***45*** | ***84*** | ***105*** | ***6*** | ***6*** |
| MĐ 39 | Xây dựng và quản trị hệ thống mạng doanh nghiệp | 4 | 90 | 30 | 56 | 60 | 4 | 4 |
| MĐ 40 | Lắp đặt hệ thống CCTV | 2 | 45 | 15 | 28 | 45 | 2 | 2 |
| ***I*** | ***Các môn học chung*** | ***18*** | ***435*** | ***157*** | ***255*** | ***420*** | ***23*** | ***14*** |
| MH 01 | Giáo dục chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 105 | 5 | 3 |
| MH 02 | Pháp luật | 1 | 30 | 18 | 10 | 30 | 2 | 1 |
| MH 03 | Giáo dục thể chất | 2 | 60 | 5 | 51 | 30 | 4 | 2 |
| MH 04 | Giáo dục quốc phòng và An ninh | 3 | 75 | 36 | 35 | 75 | 4 | 3 |
| MH 05 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 60 | 2 | 2 |
| MH 06 | Tiếng anh | 5 | 120 | 42 | 72 | 120 | 6 | 3 |
| **Tổng cộng** | | **100** | **2400** | **739** | **1541** | **2145** | **120** | **92** |

***Sơ đồ mối liên hệ các môn học/ mô đun:***



*(****2.2.01*** *– Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM;* ***1.1.09*** *- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***4.3.02*** *- Tổng hợp chương trình đào tạo năm 2017, 2021;* ***4.3.03*** *- Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021).*

Hằng năm, Phòng ĐBCL-KT có lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, doanh nghiệp và người học về Chương trình, giáo trình đào tạo.*(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.4: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 4.5

*Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT năm 2021 được xây dựng dựa trên chương trình khung Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và được trình bày đúng mẫu định dạng được ban hành tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đúng theo Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 20/4/2017. Về thiết bị đào tạo, CTĐT năm 2021 xây dựng mới có các mô đun, môn học đáp ứng tiêu chí đảm bảo về danh mục thiết bị đào tạo theo yêu cầu trong Phụ lục 9b của Thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 25/12/2019. Trong suốt quá trình góp ý xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT, Trường và Khoa phối hợp mời các cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia và các giám đốc doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến về điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên trang thiết bị giảng dạy, vật tư thực tập... trước, trong và sau khi ban hành chương trình đào tạo. *(****1.1.09*** *- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***4.3.02*** *- Tổng hợp chương trình đào tạo năm 2017, 2021;* ***4.4.03*** *- Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021).*

Môn học Mạng máy tính, có nêu rõ:

**“V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

1. ***Nội dung:***

*\*Kiến thức:*

Được đánh giá kiến thức qua bài kiểm tra viết, trắc nghiệm đạt được các yêu cầu sau:

* Cài đặt mạng cục bộ.
* Phụ trách quản lý một mạng máy tính tại cơ quan xí nghiệp.
* Biết chuẩn đoán và sửa chữa các sự cố cơ bản trên hệ thống trên mạng.
* Nắm vững các kiến thức về thiết bị mạng Biết được chức năng của các thành phần cơ bản của máy vi tính .

*\*Kỹ năng:*

Đánh giá kỹ năng thực hành của học sinh:

* Thiết kế được các mô hình kết nối một hệ thống mạng LAN.
* Cài đặt và cấu hình được giao thức mạng TCP/IP
* Kiểm tra và chỉnh được các sự cố đơn giản trên mạng
* Cẩn thận, thao tác nhanh chuẩn xác, tự giác trong học tập

*\*Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

* Có ý thức tự giác, tính kỷ luật cao, tinh thần trách nhiệm trong học tập
* Thể hiện tính khoa học, sáng tạo trong quá trình học tập
* Có khả năng làm việc theo nhóm

1. Phương pháp:
   1. ***Đánh giá quá trình:***

Sinh viên được kiểm tra và đánh giá kiến thức, kỹ năng quá trình học tập dựa trên các điểm thành phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần** | **Hình thức** | **Số lần  kiểm tra** | **Trọng số (%)** |
| Chuyên cần |  |  | 10% |
| Bài tập | Thực hiện bài tập | 2 | 40% |

* 1. ***Thi kết thúc môn học/module:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức thi** | **Thời lượng (phút)** | **Trọng số (%)** | **Ghi chú** |
| Tự luận hoặc thực hành | Từ 60p đến 120p | 50% |  |

…."

Hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát CBQL, GV và Doanh nghiệp về xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo. *(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.5: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 4.6

*Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT được xây dựng, trình bày đúng mẫu và có quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trong suốt quá trình góp ý xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT, Trường và Khoa phối hợp mời các cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia và các giám đốc doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến đầy đủ và rõ ràng nội dung đề cương chi tiết cũng như từng mô đun về các yêu cầu, phương pháp đánh giá kiểm tra kết quả học tập của người học, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun/ môn học được thể hiện ở Mục 4.3 – Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun và Mục 4.4 – Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp. (***1.1.09*** *- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***4.3.02*** *- Tổng hợp chương trình đào tạo năm 2017, 2021;* ***4.4.03*** *- Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021).*

Điển hình như môn học Bảo dưỡng sửa chữa Cơ khí động cơ, có nêu rõ:

**“V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

*1. Phương pháp kiểm tra, đánh giá khi thực hiện mô đun*:

Được đánh giá qua bài viết, kiểm tra, vấn đáp, trắc nghiệm hoặc tự luận, thực hành trong quá trình thực hiện các bài học có trong mô đun về kiến thức, kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm.

*2. Nội dung kiểm tra, đánh giá khi thực hiện mô đun*:

- Về kiến thức:

+ Trình bày đầy đủ nhiệm vụ, cấu tạo của nắp máy, thân máy, xy lanh, các te, cơ cấu trục khuỷu thanh truyền và nhóm pít tông

+ Giải thích đúng những hiện tượng, nguyên nhân sai hỏng, phương pháp kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa được những sai hỏng của các bộ phận cố định và chuyển động của động cơ đúng tiêu chuẩn kỹ thuật

+ Qua các bài kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm đạt yêu cầu 60%.

- Về kỹ năng:

+ Nhận dạng được các chi tiết phần cố định và chuyển động của động cơ

+ Tháo, lắp, kiểm tra được các sai hỏng của động cơ đúng quy trình, quy phạm và đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong sửa chữa

+ Sử dụng đúng, hợp lý các dụng cụ kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa đảm bảo chính xác và an toàn

+ Chuẩn bị, bố trí và sắp xếp nơi làm việc vệ sinh, an toàn và hợp lý

+ Qua sản phẩm tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa và điều chỉnh đạt yêu cầu kỹ thuật 70%

- Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chấp hành nghiêm túc các quy định về kỹ thuật, an toàn và tiết kiệm trong bảo dưỡng, sửa chữa

+ Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian”

Hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát CBQL, GV và Doanh nghiệp về xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo. *(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.6: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 4.7

*Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT được xây dựng trên cơ sở thu thập thông tin thị trường lao động TPHCM, thông tin tuyển dụng của đơn vị sử dụng lao động, thông qua các hoạt động gắn kết với doanh nghiệp *(****1.1.04*** *- Báo cáo phân tích thị trường lao động năm và dự báo nhu cầu nhân lực năm 2020, 2021 tại TPHCM).* Nhà trường, Khoa ĐT-ĐKTĐ luôn chú trọng đến tính thực tiễn và sự thay đổi của thị trường lao động bằng sự đóng góp ý kiến của các cán bộ, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp và các nhà giáo có uy tín. Khoa mời các nhà giáo có thâm niên giảng dạy ngành nghề KTSC, LRMT, đại diện các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ, các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành tham gia góp ý, xây dựng, biên soạn và thẩm định chương trình chương trình KTSC, LRMT. *(****4.1.03*** *- Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2017, 2021;* ***4.1.04*** *- Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2021;* ***1.1.09*** *- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021).*

Để đảm bảo Giảng viên khoa luôn cập nhật kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu thực tế ngoài doanh nghiệp, Nhà trường có cử GV đi học tập thực tế tại doanh nghiệp hằng năm. *(****3.6.04*** *- Danh sách GV đi thực tập thực tế tại Doanh nghiệp năm 2021).*

Hằng năm, Nhà trường còn khảo sát CBQL, giảng viên, doanh nghiệp, cựu HSSV về Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Kết quả khảo sát hằng năm cho thấy tỉ lệ 100% ý kiến cho rằng đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động *(****1.1.12*** *- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.7: 2 điểm******.***

##### Tiêu chuẩn 4.8

*Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

*\* Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng:*

Trên cơ sở quy định tại Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của BLĐTBXH Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ; Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của BLĐTBXH Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 của BLĐTBXH Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học; Thông tư 07/2019/TT- BLĐTBXH ngày 07/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH, Trường đã ban hành Quy chế tuyển sinh, trong đó có liên thông trung cấp lên cao đẳng. (***2.1.01*** *- Quyết định và Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và liên thông năm học 2021 - 2022-2024;* ***1.1.09*** *- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021).*

Chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT của Trường được xây dựng và thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ. Trong quá trình xây dựng luôn sắp xếp theo tính liên thông giữa các cấp trình độ tạo đều kiện cho HSSV có thể tiếp tục học cao thêm nữa. HSSV học những chuyên ngành gần sẽ được công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Trường chưa tuyển sinh lớp liên thông cao đẳng *(****2.1.03*** *- Kế hoạch tư vấn tuyển sinh và tư vấn việc làm cho HS-SV năm học 2021-2022-2024;* ***2.1.08*** *- Thông báo tuyển sinh năm 2021).*

*\* Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học:*

Chương trình đào tạo của Trường được Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM công nhận phù hợp với CTĐT của ngành CNTT tại trường, đủ điều kiện để đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học các nghề: KTSC, LRMT, Công nghệ thông tin vào ngành Công nghệ thông tin hệ VHVL mà trường đang đào tạo. Trong nội dung của hợp đồng hỗ trợ phục vụ đào tạo giữa Trường với Trường Đại học SPKT TPHCM có nội dung “sinh viên nghề KTSC, LRMT, trình độ cao đẳng được công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập, được miễn trừ” khi học liên thông lên đại học ngành CNTT *(****2.7.06*** *- CV 2814/ĐHSPKT-ĐTKCQ, về việc công nhận chất lượng chương trình đào tạo;* ***2.7.07*** *- Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông cao đẳng, cao đẳng nghề lên đại học năm 2021;* ***4.8.02*** *- Thông báo của ĐH SPKT TPHCM về việc liên kết đào tạo Vừa làm vừa học)*. Tuy nhiên số lượng hồ sơ đủ điều kiện học liên thông không đủ thành lập lớp nên đến nay chưa có lớp liên thông hệ vừa làm vừa học nào được tổ chức*.*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.8: 0 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 4.9

*Có đủ giáo trình cho các môn-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng năm 2021 có 40 MĐ/MH (trong đó có 6 môn học chung, 8 môn cơ sở, 27 môn chuyên ngành). Chương trình đào tạo năm 2022 hiện có tổng cộng 40 mô đun/ môn học (trong đó có 6 môn học chung, 7 môn cơ sở, 16 môn chuyên ngành và 10 môn tự chọn). Tất cả cácmô đun, môn học của chương trình đào tạo đều có giáo trình và tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo.

Cụ thể 06 môn học chung sử giáo trình giảng dạy của TCGDNN; các môn học, mô đun cơ sở chuyên môn nghề sử dụng giáo trình giảng dạy do giảng viên khoa biên soạn và lưu hành nội bộ *(****1.1.09*** *- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***4.3.01*** *- Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành nghề đào tạo trình độ Trung cấp, cao đẳng (phụ lục 0….);* ***4.3.02*** *- Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021;* ***4.9.01*** *- Các Quyết định Ban hành giáo trình*; ***4.9.02*** *– Tổng hợp danh mục giáo trình).*

Có đầy đủ 5 bản in được lưu trữ tại Thư viện nhà trường và Khoa ĐT-ĐKTĐ *(****4.9.03*** *- Bản in giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT (lưu tại Thư viện);* ***4.9.04*** *- Bảng thống kê Giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT)).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.9: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 4.10

*100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Phòng đào tạo là đơn vị chủ trì lên kế hoạch thực hiện rà soát, biên soạn, bổ sung giáo trình. (***4.10.01*** *– Kế hoạch tổ chức rà soát biên soạn và bổ sung giáo trình năm 2021;* ***4.10.02*** *- Quyết định ban hành Qui định về tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo của Trường Cao đẳng nghề TP. HCM số 188/QĐ-CĐN ngày 16/7/2018).*

Căn cứ các Quyết định ban hành CTĐT và chuẩn đầu ra đã được ban hành mới năm 2021, Khoa tham mưu thành viên ban biên soạn, điều chỉnh giáo trình. Ban biên soạn có nhiệm vụ: rà soát lại cấu trúc giáo trình; biên soạn giáo trình; lấy kiến chuyên gia, doanh nghiệp; sửa chữa, biên tập, hoàn thiện dự thảo giáo trình đào tạo. *(****1.1.09*** *- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021;* ***4.3.01*** *- Thông báo chuẩn đầu ra;* ***4.1.06*** *- Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học;* ***4.10.03*** *- Quyết định về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT).*

Thành lập hội đồng thẩm định giáo trình, thành phần tham gia Hội đồng thẩm định: ngoài giáo viên có kinh nghiệm của Nhà trường (giáo viên tham gia hội đồng thẩm định không tham gia ban biên soạn); trường còn mời 01 giáo viên của cơ sở GDNN khác và đại diện 01 doanh nghiệp tham gia *(****4.10.04*** *- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT (kèm kế hoạch thẩm định);* ***4.10.05*** *- Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo các nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng).* Sau khi được Hội đồng thẩm định thông qua và đánh giá đạt, Hiệu trưởng ra Quyết định ban hànhGTĐT và kèm bản mềm, bản in được lưu hành nội bộ Trường. (***4.9.01*** *- Các Quyết định Ban hành giáo trình*; ***4.9.02*** *– Tổng hợp danh mục giáo trình****; 4.9.03*** *- Bản in giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT;* ***4.9.04*** *- Bảng thống kê Giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.10: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 4.11

*Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT của trường có liệt kê phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun/ môn học. Các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT đều có vị trí, tính chất của môn học/mô đun, điều kiện tiên quyết/hoặc song hành của môn học/mô đun rõ ràng, cụ thể bằng bản đồ liên quan giữa các mô đun, môn học. Điều này đảm bảo sự logic, kế thừa kiến thức, kỹ năng lẫn nhau giữa các môn đun/môn học, đảm bảo thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo và đảm bảo chuẩn đầu ra của nghề.

Theo đó, các Giáo trình được biên soạn cũng phải cụ thể hóa các Chương, các bài theo thứ tự liên quan và phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo được ban hành cùng các chuẩn đầu ra; Giáo trình cũng nêu rõ cụ thể việc đánh giá kết quả qua bài tập thực hành, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học. *(****4.9.01*** *- Các Quyết định Ban hành giáo trình*; ***4.9.02*** *– Tổng hợp danh mục giáo trình* ***; 4.9.03*** *- Bản in giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT;* ***4.10.02*** *- Quyết định ban hành Qui định về tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo của Trường Cao đẳng nghề TP. HCM số 188/QĐ-CĐN ngày 16/7/2018).*

Ngoài ra, khi tổ chức thẩm định giáo trình giảng dạy, tất cả các thành viên phản biện đều cho rằng các giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT đã cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong từng giáo trình dạy nghề, tạo điều kiện để giảng viên thực hiện phương pháp dạy học tích cực, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô đun/môn học trong chương trình dạy nghề. Tất cả đã được Hội đồng thẩm định giáo trình họp thông qua. *(****4.10.05*** *- Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng).*

Cụ thể như ở giáo trình mô đun:

**Tên môn đun: Xử lý sự cố phần mềm**

**Mã mô đun:** MĐ 16

**Thời gian thực hiện mô đun:** 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành: 57 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

* ***Về kiến thức :***

+ Hiểu rõ các quy trình chẩn đoán và khắc phục lỗi về Phần mềm máy tính.

+ Cài đặt, cấu hình, sử dụng các phần mềm.

+ Biết cách khắc phục lỗi về cài đặt, sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng, trình duyệt và các phương thức kết nối Internet.

+ Biết cách bảo mật, an toàn dữ liệu và phòng chống Virus.

+ Tối ưu hệ thống máy tính trên môi trường Hệ điều hành, các phần mềm ứng dụng và các công cụ tiện ích.

+ Thiết lập và tối ưu hóa OS, phần mềm ứng dụng.

+ Đưa ra được giải pháp sử dụng và nâng cấp phần mềm.

+ Nhận biết và khắc phục được các sự cố về hệ điều hành, phần mềm ứng dụng, Internet và những phần mềm thông dụng khác

* ***Về kỹ năng:***

+ Khắc phục được các sự cố liên quan đến hệ điều hành.

+ Khắc phục được các sự cố liên quan đến các ứng dụng thông dụng.

+ Khắc phục các sự cố kết nối internet.

* ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:***

+ Có ý thức tự giác, tính kỷ luật cao, tinh thần trách nhiệm trong học tập.

+ Thể hiện tính khoa học, sáng tạo trong quá trình học tập.

+ Có khả năng làm việc theo nhóm.

Bên cạnh đó, Trường đã tổ chức khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình với các đối tượng CBQL, GV, DN, SV thì Giáo trình đào đã tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo được đánh giá tốt trở lên từ 70-80% và chỉ tiêu phát huy tính tích cực của người học cũng được đánh giá tốt trở lên ở mức 70-80% *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021);* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.11: 2 điểm.***

##### Tiêu chuẩn 4.12

*Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả các giáo trình mô đun/ môn học thuộc CTĐT nghề KTSC, LRMT đều được biên soạn dựa trên cơ sở các nội dung và yêu cầu tại đề cương chi tiết của CTĐT. Khi xây dựng đề cương chi tiết mô đun/ môn học đều có ý kiến đóng góp của đại diện doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh/dịch vụ. Kết hợp việc tự học tập nâng cao trình độ và qua 4 tuần học tập tại Doanh nghiệp của các Giảng viên thì có thể nói rằng nội dung các giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT đảm bảo cập nhật tiến bộ công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các kỹ năng liên quan đến chương trình đào tạo *(****4.10.02*** *- Quyết định ban hành Qui định về tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo của Trường Cao đẳng nghề TP. HCM số 188/QĐ-CĐN ngày 16/7/2018;* ***4.10.05*** *- Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng;* ***4.9.01*** *- Các Quyết định Ban hành giáo trình*; ***4.9.02*** *– Tổng hợp danh mục giáo trình* ***; 4.9.03*** *- Bản in giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT;* ***4.9.04*** *- Bảng thống kê Giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT;* ***3.3.02*** *– Kế hoạch thực tập nghề nghiệp của nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2021;* ***3.6.02*** *- Báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp của giảng viên năm 2020,2021).*

Điển hình như mô đun của nghề:

**Tên mô đun: Sửa chữa máy tính nâng cao**

**Mã mô đun: MĐ19**

**Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học**:

\* Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi học sinh học xong các môn học/ mô đun: Kỹ thuật điện tử, Sửa chửa máy tính, Sửa chữa bộ nguồn, Kỹ thuật sửa chữa màn hình, Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi.

\* Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chuyên ngành đao tạo nghề kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính.

**Mục tiêu của môn học/mô đun:**

*Kiến thức:*

- Nhận dạng, kiểm tra các thiết bị đặc trưng của các Laptop;

- Sử dụng các công cụ chẩn đoán và khắc phục các lỗi của Laptop;

- Sử dụng được máy hàn chíp phục vụ cho việc sửa chữa bo mạch máy Laptop;

- Giải quyết được các vấn đề về nâng cấp CPU, RAM, HDD.... ;

- Tinh thần trách nhiệm, cẩn thận trong thao tác;

- Tự tin khi tiếp cận, sửa chữa máy tính xách tay

*Kỹ năng:*

- Sử dụng được trên các công cụ sửa chữa điện tử;

- Tháo lắp và nhận dạng các thiết bị đặc trưng của các Laptop;

- Sửa chữa, thay thế màn hình máy Laptop;

- Sửa chữa các thiết bị khác trên Laptop như: Keyboard, TouchPad, WiFi;

- Tự tin khi tiếp cận những phương pháp sửa chữa mới

*Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc.

Giáo trình **Sửa chữa máy tính nâng cao** đã đưa việc sửa chữa máy tính xách tay vào dạy, cập nhật các loại máy tính đời mới và công nghệ sửa chữa vào từng bài giảng.

Hàng năm, Trường đều tổ chức lấy ý kiếnvề mức độ phù hợp của giáo trình với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, kết quả khảo sát cho thấy về kiến thức kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn và được đánh giá tốt trở lên ở mức trên 80% (***1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021);* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.12: 2 điểm.***

#### Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 5**

Trường CĐN TPHCM là trường trọng điểm của Tp.HCM vì vậy hằng năm đều được bố trí nguồn kinh phí chương trình “dự án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp” để đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất cho các nghề trọng điểm trong đó có nghề trọng điểm khu vực là KTSC, LRMT (theo Quyết định 1769/QĐ-LĐTBXH của bộ trưởng bộ Lao động Thương binh và Xã hội ký ngày 25/11/2019. Các thiết bị đào tạo luôn được chú trọng điều chỉnh đầu tư hiện đại phù hợp với nhu cầu người học và đổi mới của sản xuất. Với 2 cơ sở hiện hữu:

❖ Cơ sở 1: 235 Hoàng Sa, phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM.

❖ Cơ sở 2: 19A Đường 17, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.

*\* Những điểm mạnh:*

Trường đã dành cho Khoa ĐT-ĐKTĐ diện tích lớn phòng học, nhà xưởng ở cả 2 cơ sở. Các xưởng thực hành được bố trí liền kề nhau tại cùng dãy lầu, thuận tiện cho hoạt động giảng dạy của khoa.

Trong những năm qua nhà trường đã tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo. Các thiết bị được sắp xếp, bố trí một cách khoa học theo từng cấp độ mô đun thực hành tương ứng với từng môn học tạo điều kiện cho việc quản lý các thiết bị được thuận tiện hơn. Công tác quản lý các thiết bị dạy nghề được thực hiện theo đúng qui định, mỗi xưởng thực hành đều có phân công người trực tiếp theo dõi tình hình tăng – giảm thiết bị;

Các máy móc, thiết bị và dụng cụ thực hành được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, theo đúng quy trình, quy định và được sắp xếp, bố trí một cách khoa học. Công tác quản lý các thiết bị dạy nghề được thực hiện theo đúng qui định, mỗi xưởng thực hành đều có quản lý xưởng theo dõi, quản lý trang thiết bị, vật dụng vật tư thực hành.

Thư viện của trường có diện tích rộng, nằm giữa trung tâm của trường có các phòng đọc, phòng tra cứu điện tử dành riêng cho HSSV và Giảng viên, được nối mạng Internet tốc độ cao, có hệ thống máy tính trang bị phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu, có đầy đủ chương trình, giáo trình và nhiều sách, tạp chí, tài liệu tham khảo và được số hóa tích hợp với thư viện điện tử phục vụ nhu cầu tra cứu của bạn đọc.

*\* Những tồn tại:* Không.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Năm 2023-2024, Khoa sẽ đề xuất mua thêm thiết bị, máy móc nhằm đảm bảo đủ cho các lớp thực hành ở cả 2 cơ sở.

**Điểm đánh giá tiêu chí 5**

| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá** |
| --- | --- |
| **Tiêu chí 5** | **14 điểm** |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 0 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 8 | 2 điểm |

##### Tiêu chuẩn 5.1

*Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Khoa ĐT-ĐKTĐ của Trường CĐN TPHCM có 2 cơ sở đào tạo hiện hữu với diện tích hơn 30.000 m² và địa điểm tào tạo tại Bình Dương.

* Cơ sở 1:
* Địa chỉ: 235 Hoàng Sa, phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM.
* Thửa đất số 01, Tờ bản đồ số: 10 Bộ địa chính phường Tân Định, quận 1.
* Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: 9010,4 m² (theo bản đồ hiện trạng do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 27/10/2011).
* Diện tích sàn xây dựng: 7.994,9 m².
* Cơ sở 2:
* Địa chỉ: 19A Đường 17, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp.HCM.
* Thửa đất số 303 và 305, Tờ bản đồ số: 9 Bộ địa chính phường Linh Chiểu, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
* Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: 23.415,6 m² (theo bản đồ hiện trạng do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 11/4/2016).
* Diện tích sàn xây dựng: 32.279,11 m².

Trường có hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyênmôn hóa với tổng diện tích đáp ứng được quy mô đào tạo của Nhà trường. Tại cơ sở 1 của Trường có khu giảng đường với số phòng học lý thuyết là 15 phòng với tổng diện tích 744 m2. Số phòng thực hành khoa quản lý gồm 3 phòng/xưởng với tổng diện tích là: 592,9 m2. Tại cơ sở 2 có khu giảng đường với số phòng học lý thuyết là 21 phòng với tổng diện tích 1532,4 m2, số phòng thực hành khoa quản lý gồm 10 phòng/xưởng với tổng diện tích là: 2288 m2; Tại cơ sở Bình Dương có khu giảng đường với số phòng học lý thuyết là 20 phòng với tổng diện tích hơn 1200 m2, số phòng thực hành khoa quản lý gồm 15 phòng/xưởng với tổng diện tích là: 1540 m2. Cả 3 cơ sở đều có kho riêng của Khoa với tổng diện tích hơn 100 m2, 3 văn phòng khoa với tổng diện tích 160 m2. Khu nhà Hiệu bộ (3.327 m2); Khu ký túc xá (3.490m2); Thư viện (3.166 m2); Nhà ăn tập thể (465m2); Hội trường (832 m2); Trạm y tế (35 m2); Sân thể dục thể thao (10.760m2), Sân và đường nội bộ (10.208 m2); Công trình vệ sinh khu hiệu bộ và khu giảng đường (1.467 m2) (***5.1.01*** *- Quyết định phê duyệt thiết kế thi công và dự toán số 239/SXD-GD-QĐ ngày 24/7/2002; Quyết định phê duyệt dự án trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 15/QĐ-SXD-TĐDA ngày 2/2/2016; Quyết định về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 1357/QĐ-SXD-GD-KTXD ngày 8/9/2017;* ***5.1.02 -*** *Bản vẽ hoàn công (Lưu P.QTTB);* ***5.1.03*** *- Báo cáo hiện trạng sử dụng và quản lý đất số 13/BC-QTTB ngày 03/12/2020; Báo cáo hiện trạng sử dụng và quản lý đất số 22/BC-QTTB ngày 30/11/2021; Báo cáo hiện trạng sử dụng và quản lý đất năm 2022 số 04/BC-QTTB ngày 30/8/2022;* ***5.1.04*** *- Bảng thống kê diện tích xây dựng của trường cơ sở 1; Hiện trạng sử dụng và quản lý đất số 33/QTTB ngày 26/12/2020; Hiện trạng sử dụng và quản lý đất số 38/QTTB ngày 10/12/2021;* ***5.1.05*** *- Biên bản bàn giao công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng ngày 15/3/2022 (danh mục đính kèm);* ***5.1.06*** *- Bảng thống kê số lượng phòng học lý thuyết, phòng thực hành Xưởng thực hành chuyên môn của nghề;* ***5.1.07*** *- Sơ đồ các khu xưởng, phòng máy của Khoa (sơ đồ trường)).* Hiện nay, Khoa ĐT-ĐKTĐ trực tiếp giảng dạy nghề KTSC, LRMT, trình độ cao đẳng được sử dụng các công trình chung của trường như sân thể dục thể thao, thư viện … của Trường. Trường có hệ thống phòng học, phòng lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hoá được thiết kế và xây dựng rộng rãi, thoáng mát có hệ thống thông gió, chiếu sáng, lấy sáng và phòng cháy chữ cháy. Bên cạnh đó, Khoa còn được Nhà trường giao trực tiếp sử dụng các khối công trình cụ thể như sau:

**+ Khu học lý thuyết:**

| **TT** | **Phòng học lý thuyết** | **Số phòng** | **Diện tích**  **(**m2**)** | **Tổng diện tích (**m2**)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Phòng học lý thuyết | 15 | 54 | **744** | Cơ sở 1 |
| **Tổng diện tích:** | | | | **2276,4 m²** | |

**+ Khu học thực hành:** Số phòng, xưởng thực hành sử dụng giảng dạy nghề

| **TT** | **Phòng xưởng** | **Mã phòng** | **Diện tích** | **Ghi Chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Phòng Ngoại ngữ | A201 - A202 | 78 m2 | Cơ sở 1 |
|  | Xưởng Sửa chữa máy tính 1 | A302 | 54 m2 | Cơ sở 1 |
|  | Phòng Thực hành máy tính 1 | A303 | 54 m2 | Cơ sở 1 |
|  | Phòng máy 4 | A101 | 54 m2 | Cơ sở 1 |
|  | Phòng máy 6 | A103 | 54 m2 | Cơ sở 1 |
|  | Phòng máy 1 | A112 | 54 m2 | Cơ sở 1 |
|  | Xưởng Điều khiển tự động | A309 | 84 m2 | Cơ sở 1 |
|  | Xưởng Đo lường cảm biến | A307 | 84 m2 | Cơ sở 1 |
|  | Xưởng Kỹ thuật số | A312 | 84 m2 | Cơ sở 1 |

**+ Khu phòng làm việc, kho:**

Hạng mục, phòng do Trường quản lý (sử dụng chung)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục, công trình** | **Đơn vị tính** | **Tổng số** | **Ghi chú** |
|  | Văn phòng Tuyển sinh ...(dùng chung) | 50 m2 | 02 |  |

Hạng mục, phòng do Khoa quản lý (sử dụng riêng)

| **TT** | **Hạng mục, công trình** | **Đơn vị tính** | **Tổng số** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Văn phòng Khoa | 60 m2 | 1 | CS1 |
|  | Kho | 40 m2 | 1 | CS1 |

Tất cả các xưởng thực hành, phòng học lý thuyết (dùng chung) và phòng máy tính chuyên dụng đều đảm bảo quy chuẩn xây dựng theo Thông tư 38/2018/BLĐTBXH. Hệ thống phòng học, phòng thực hành chuyên dụng, xưởng thực hành đều được xây dựng ngăn cách từng khu riêng biệt có 2 cửa ra vào; hệ thống chiếu sáng, thông gió và đảm bảo thông thoáng.

Ở mỗi khu nhà xưởng và phòng máy tính đều có bảng nội quy và hướng dẫn sử dụng máy móc, thiết bị (***5.1.08*** *- Nội quy xưởng, Phòng máy;* ***5.1.09*** *- Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường CĐN TPHCM số 327/QĐ-CĐN ngày 30/11/2020;* ***2.1.02*** *- Kế hoạch triển khai hoạt động năm học 2020-2021, 2021-).*

Bên cạnh đó, Nhà trường còn chú trọng đầu tư các trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề KTSC, LRMT nhằm nâng cao chất lượng học tập, đáp ứng nhu cầu đào tạo ngắn hạn cho người lao động của doanh nghiệp ***(5.1.10*** *- Bảng tổng hợp danh mục thiết bị đào tạo tại phòng học lý thuyết, phòng học thực hành của nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***5.1.11*** *- Sổ lý lịch máy;* ***5.1.12*** *- Báo cáo tình hình quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tình hình bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư năm 2021;* ***5.1.13*** *- Hồ sơ thiết kế hệ thống điện của trường, Sơ đồ hệ thống cung cấp điện và Biên bản kiểm tra đánh giá mức độ vận hành an toàn hệ thống điện của cơ quan quản lý cơ sở 1 và cơ sở 2).*

***Hệ thống điện*** của Trường được cấp bởi điện lực TPHCM, ở 2 cơ sở đều có Trạm điện biến áp riêng đặt trong khuôn viên trường; ngoài ra, trường có 3 máy phát điện dự phòng khi cúp điện. Do vậy, Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu an toàn điện và phòng chống cháy nổ. *(****5.1.14*** *- Hợp đồng mua bán điện, Hợp đống sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua bán điện;* ***5.1.15*** *- Hồ sơ Máy phát điện dự phòng).*

***Hệ thống nước:***

+ Hệ thống cung cấp nước sạch được cung cấp bởi công ty cấp nước Sài Gòn đáp ứng được yêu cầu nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động đào tạo của nghề tại Cơ sở 1; tại Cơ sở 2 được cung cấp bởi nhà máy nước Thủ Đức đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch cho toàn Trường. Ngoài ra, Trường còn có hệ thống cung cấp nước uống trực tiếp cho HSSV qua các trụ máy nước nóng – lạnh có mặt ở toàn trường. (***5.1.16*** *– Hình Máy cung cấp nước uống nóng - lạnh;* ***5.1.17*** *– Hóa đơn điện, hóa đơn nước (thay bằng bảng chi).*

+ Hệ thống thoát nước mưa của Nhà trường được thiết kế bằng cống xung quanh các xưởng để thu hồi nước mưa, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường, tránh ngập úng vào mùa mưa. Tất cả nước thải trong sinh hoạt đều được thu qua vào các hầm lắng để xử lý và đưa thoát ra cống gom nước của Đường số 17 và đường Chương Dương Tp Thủ Đức. (***5.1.18*** *- Bản vẽ mặt bằng thoát nước toàn trường; Bản vẽ tủ điện tổng MDB sơ đồ đơn tuyến).* Các nghề đào tạo của Trường trong quá trình thực hành nghề không phát sinh các yếu tố gây ô nhiễm nguồn nước, do đó không cần phải có hệ thống xử lý nước thải, chất thải. Tất cả nước thải đều được thu qua các hầm lắng để xử lý và đưa thoát ra cống gom nước của đường Hoàng Sa, đường Trần Khánh Dư.

Nhà trường có hệ thống thu gom và xử lý rác thải tại những khu làm việc, xưởng thực hành, khu ký túc xá, khu vui chơi giải trí. Ngoài ra Trường có hợp đồng thu gom rác thải, vệ sinh Trường với đội ngũ nhân viên vệ sinh (5 người: 3 người hợp đồng dài hạn + 2 người khoán công việc) (***5.1.19*** *- Kế hoạch thực hiện và kiểm tra công tác vệ sinh; Danh sách đội ngũ nhân viên vệ sinh; Biên bản phân công công việc;* ***5.1.20*** *- Sơ đồ hệ thống thu gom rác và phế liệu, chất thải của toàn trường;* ***5.1.21*** *- các Hợp đồng thu gom rác sinh hoạt).*

Ngoài hệ thống ống dẫn nước, họng nước chữa cháy tại chổ ở các dãy tầng của từng tòa nhà, Trường có các thiết bị phòng cháy chữa cháy được chia đều rãi từng khu vực theo các dãy nhà xưởng thực hành và phòng lý thuyết, có biển tiêu lệnh PCCC và các quy tắc phòng chống cháy nổ. Tất cả đáp ứng mục đích đào tạo và đặc thù của từng khu xưởng nghề *(****5.1.22*** *- Hợp đồng kinh tế số 111/HĐ/CĐN-NT ngày 16/8/2021; Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 11324/KĐ-PCCC-P7 ngày 06/9/2021; Phiếu yêu cầu nghiệm thu bàn giao thiết bị PCCC (báo cháy) số 01/PYCNT/BGTB/PCCC-HTBC/CĐN/NT ngày 17/12/2021; Biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị PCCC (báo cháy) số 01/NTBGTB/PCCC-HTBC/CĐN/NT ngày 17/12/2021; Bản vẽ hoàn công PCCC;* ***5.1.23*** *- Các Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ CS1 và CS2).*

Hàng năm, Trường đều tổ chức lấy ý kiếnvề mức độ đáp ứng của phòng, xưởng học tập so với nhu cầu thực tiễn, kết quả khảo sát được đánh giá tốt trở lên ở mức trên 80% *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 5.2

*Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Khoa ĐT-ĐKTĐ của Trường có đủ chủng loại thiết bị đào tạo, dụng cụ, vật tư thực hành…để thực hiện đào tạo nghề KTSC, LRMT đã được xác định trong chương trình đào tạo của nghề và theo quy định của Thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH đáp ứng quy mô đào tạo tối đa 1000 HSSV/ năm. (***5.2.01*** *- Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từ năm 2020, 2021;* ***5.2.02*** *- Biên bản kiểm kê tài sản cố định (Khoa ĐT-ĐKTĐ);* ***5.2.03*** *– Biên bản kiểm kê Công cụ dụng cụ năm 2020, 2021 (K.ĐT-ĐKTĐ)).*

Trường luôn đầu tư cho Khoa trang thiết bị máy móc phù hợp nhu cầu đào tạo, đáp ứng kịp thời những thay đổi kỹ thuật sản xuất. Thiết bị đào tạo đạt chuẩn quy định chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất, đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng phù hợp với nghề mà nhà trường đang đào tạo.Máy móc, thiết bị, dụng cụ sửa chữa được xắp xếp theo 3 cấp độ thực hành *(****5.2.04*** *- Bảng vẽ bố trí vị trí đặt máy tại các phòng, xưởng Khoa ĐT-ĐKTĐ;* ***5.2.05*** *- CO, CQ giấy chứng nhận xuất xứ và xuất xưởng của các máy móc, thiết bị;* ***5.2.06*** *- các Hợp đồng mua sắm vật tư, trang thiết bị;* ***5.2.07*** *- Bảng tổng hợp thiết bị đào tạo (dự án);* ***5.2.08*** *- Biên bản nghiệm thu – Bàn giao thiết bị).*

Hằng năm, khoa kết hợp P.QTTB lên kế hoạch bảo trì trang thiết bị, cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học để đảm bảo đúng tiêu chuẩn yêu cầu dạy – học. Máy móc, thiết bị hư hỏng sẽ được Khoa, phối hợi P.QTTB sửa chữa theo đúng yêu cầu, bổ sung kịp thời phục vụ giảng dạy, nếu trong quá trình giảng dạy máy móc bị hư hỏng giảng viên sẽ báo cáo chi tiết cho quản lý Khoa trực tiếp (***5.1.09*** *- Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường CĐN TPHCM;* ***5.1.12*** *- Báo cáo tình hình quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tình hình bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư năm 2021).*

Sau khi kết thúc năm học, Khoa có thực hiện họp góp ý đánh giá về thiết bị đào tạo và tình hình cấp phát, sử dụng vật tư thực tập. Nhận xét của các giảng viên qua các năm đều ở mức đạt yêu cầu rất tốt. *(****5.2.07*** *– Các Biên bản họp về việc góp ý thiết bị đào tạo tại khoa).*

Hàng năm, Trường đều tổ chức lấy ý kiếnvề mức độ đáp ứng của máy móc, trang thiết bị dạy học so với CTĐT và nhu cầu thực tiễn, kết quả khảo sát được đánh giá tốt trở lên ở mức trên 80% *((****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- B* *Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.2: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 5.3

*Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo chính đáp ứng đủ theo quy mô, yêu cầu đào tạo*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trang thiết bị đào tạo của Trường đảm bảo đủ điều kiện an toàn cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, có đủ chủng loại thiết bị đối chiếu theo danh mục thiết bị tối thiểu đã xây dựn*g (****5.2.01*** *- Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từ năm 2021).* Đáp ứng đủ cho các buổi dạy lớp học thực hành. Máy móc thiết bị trong mỗi xưởng đều được bố trí hợp lý, khoa học theo 3 cấp độ thực hành. Khoảng cách giữa các máy đủ để cho giáo viên và học sinh thao tác trong giảng dạy và thực hành. Các máy móc thiết bị được lắp đặt bánh xe để tiện di chuyển, bố trí vị trí tính toán sao cho khi vận hành không ảnh hưởng lẫn nhau nhằm mang lại hiệu quả cao trong quá trình dạy và học. *(****5.2.04*** *- Bảng vẽ bố trí vị trí đặt máy tại các phòng, xưởng Khoa ĐT-ĐKTĐ;* ***5.1.08*** *- Nội quy xưởng, Phòng máy;* ***5.1.09*** *- Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường CĐN TPHCM số 327/QĐ-CĐN ngày 30/11/2020).*

Căn cứ kế hoạch hoạt động năm toàn trường và quyết định thành lập lớp của P.ĐT, khoa lên kế hoạch giáo viên và sắp xếp lịch dạy học các môn chuyên môn sử dụng phòng, xưởng chuyên dụng *(****2.1.02*** *- Kế hoạch triển khai hoạt động năm học 2021-****2.1.13*** *- Quyết định về việc thành lập các lớp TC, CĐ, CĐ-LT năm 2021;* ***2.2.02*** *- Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm học 2020-2021, 2021- 2022,* ***2.2.03 -*** *Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm học 2020-2021, 2021-* ***2.2.04*** *- Thời khóa biểu theo từng học kỳ năm học 2021- 2022,* ***5.1.10*** *- Bảng tổng hợp danh mục thiết bị đào tạo tại phòng học lý thuyết, phòng học thực hành của nghề KTSC, LRMT năm 2021).*

Ngoài các trang thiết bị, máy móc tại trường, Khoa còn đề xuất Trường ký hợp đồng thuê, mượn máy móc từ các Doanh nhiệp đối tác để có đủ số lượng thiết bị đào tạo HSSV. Tất cả các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy luôn đảm bảo về số lượng, chất lượng. Sử dụng đúng mục đích, có quy định bảo trì bảo dưỡng cụ thể đáp ứng được quy định của nhà Trường về công tác bảo trì bảo dưỡng. Khoa đã xây dựng Quy trình quản lý xưởng/phòng máy nhằm quản lý công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị dạy học tốt hơn. Nhà xưởng, phòng máy, phòng học chuyên môn được trang bị các thiết bị đào tạo luôn đáp ứng đủ cho 2 ca thực hành/ngày (1 ca thực hành đêm), mỗi buổi học thực hành không quá 18 HSSV, phòng học lý thuyết đảm bảo có thể chứa được 35 HSSV/2 ca/1 ngày, bảo đảm được các HSSV có thể tương tác tốt với Giảng viên. *(****3.3.05*** *- Thống kê số lượng HSSV quy đổi nghề KTSC, LRMT;* ***3.3.01*** *- Báo cáo số liệu HSSV theo Quý của năm 2021;* ***5.3.01*** *- Sổ theo dõi TSCĐ của khoa năm 2021;* ***5.3.02*** *– Các hợp đồng thuê, mượn máy móc, thiết bị;* ***5.1.13*** *- Báo cáo tình hình quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tình hình bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư năm 2021).*

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo viên chức người lao động, DN. Kết quả khảo sát cho thấy nhà trường trang bị các thiết bị thực hành tại phòng học, xưởng thực hành được đánh giá mức tốt, tỷ lệ hơn 85%. *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.3: 0 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 5.4

*Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Máy móc thiết bị trong mỗi xưởng đều được bố trí hợp lý, khoa học theo 3 cấp độ thực hành. Khoảng cách giữa các máy đủ để cho giáo viên và học sinh thao tác trong giảng dạy và thực hành. Các máy móc thiết bị được lắp đặt bánh xe để tiện di chuyển, bố trí vị trí tính toán sao cho khi vận hành không ảnh hưởng lẫn nhau nhằm mang lại hiệu quả cao trong quá trình dạy và học. *(****5.4.01*** *- Hình ảnh các xưởng thực hành;* ***5.2.04*** *- Bảng vẽ bố trí vị trí đặt máy tại các phòng, xưởng Khoa ĐT-ĐKTĐ).*

Trường luôn đầu tư cho Khoa trang thiết bị máy móc phù hợp nhu cầu đào tạo, đáp ứng kịp thời những thay đổi kỹ thuật sản xuất. Thiết bị đào tạo đạt chuẩn quy định chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất, đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng phù hợp với nghề mà nhà trường đang đào tạo.Máy móc, thiết bị, dụng cụ sửa chữa được xắp xếp theo 3 cấp độ thực hành *(****5.2.05*** *- CO, CQ giấy chứng nhận xuất xứ và xuất xưởng của các máy móc, thiết bị;* ***5.2.06*** *- các Hợp đồng mua sắm vật tư, trang thiết bị;* ***5.2.07*** *- Bảng tổng hợp thiết bị đào tạo (dự án);* ***5.2.08*** *- Biên bản nghiệm thu – Bàn giao thiết bị).*

Các vị trí kết nối máy móc thiết bị với các nguồn điện, nguồn nước, các tủ dụng cụ, với việc thực hành thao tác cho HSSV và việc giảng dạy cho giảng viên, thuận tiện trong việc vận hành thiết bị đảm bảo an toàn tuyệt đối, dễ dàng cho việc đi lại, bảo hành và bảo dưỡng phù hợp với hình thức tổ chức dạy và học cho cả nhóm hoặc cho từng cá nhân.

Máy móc tại các xưởng thực hành đều có các qui định nội quy khi tham gia vận hành máy trong giờ thực hành. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên đảm bảo thực hiện đúng các quy định về quản lý sử dụng phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, các phòng máy tính chuyên môn của Khoa. *(****5.1.08*** *- Nội quy xưởng, Phòng máy;* ***5.4.02*** *– Bảng hướng dẫn vận hành máy).*

Hằng năm, khoa kết hợp P.QTTB lên kế hoạch bảo trì trang thiết bị, cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học để đảm bảo đúng tiêu chuẩn yêu cầu dạy – học, có ghi sổ lý lịch sửa chữa máy. (***5.1.11*** *- Sổ lý lịch máy).*

Trường có ban hành Quy trình sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị: QT/P.QTTB/01 nhằm quản lý công tác phối hợp sửa chữa máy móc, thiết bị giữa P.QTTB và Khoa nghề theo đúng yêu cầu, bổ sung kịp thời phục vụ giảng dạy, nếu trong quá trình giảng dạy máy móc bị hư hỏng giảng viên sẽ báo cáo chi tiết cho quản lý Khoa trực tiếp *(****5.4.03*** *- Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo tại khoa;* ***5.4.04*** *- Báo cáo kết quả bảo trì bảo dưỡng thiết bị đào tạo;* ***5.4.05*** *- Quy trình sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị: QT/P.QTTB/01;* ***5.1.09*** *- Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường CĐN TPHCM;;* ***5.1.12*** *- Báo cáo tình hình quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tình hình bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư năm 2021).*

Tại các phòng, xưởng thực hành đều có bảng nội quy phòng, xưởng, trước/ trong xưởng thực hành có bố trí dụng cụ, bình CO2 và bình chữa cháy bột, bảng tiêu lệnh chữa cháy, định kỳ hàng năm, bình chữa cháy được kiểm tra, bảo dưỡng và thay khí *(****5.1.22*** *- Hợp đồng kinh tế số: 111/HĐ/CĐN-NT ngày 16/8/2021; Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 11324/KĐ-PCCC-P7 ngày 06/9/2021; Phiếu yêu cầu nghiệm thu bàn giao thiết bị PCCC (báo cháy) số 01/PYCNT/BGTB/PCCC-HTBC/CĐN/NT ngày 17/12/2021; Biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị PCCC (báo cháy) số 01/NTBGTB/PCCC-HTBC/CĐN/NT ngày 17/12/2021; Bản vẽ hoàn công PCCC)*.

Hằng năm nhà trường tổ chức khảo sát thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo HSSV đang học, HSSV đã tốt nghiệp về “Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý theo 3 cấp độ thực tập, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng; đảm bảo an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường”. Kết quả khảo sát cho thấy nhà trường trang bị các thiết bị thực hành tại phòng học, xưởng thực hành được đánh giá mức tốt, tỷ lệ hơn 85%. *((****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.4: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 5.5

*Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Việc mua sắm, cấp phát, quản lý nguyên, nhiên vật liệu theo đúng “Quy trình mua và cấp phát vật tư, văn phòng phẩm: QT/P.QTTB/05”, quy định rõ các bước thực hiện và hồ sơ lưu. Vật tư, nguyên nhiên vật liệu được giao cho Khoa quản lý và sử dụng, xưởng lập sổ theo dõi, quản lý sử dụng từng loại vật tư, nhiên liệu xưởng của Khoa ĐT-ĐKTĐ dùng để quản lý vật tư, nhiên vật liệu và được bố trí, sắp xếp gọn gàng, dễ lấy và dễ di chuyển, kiểm kê và kiểm soát dể dàng *(****5.5.01*** *- Quyết định ban hành Quy trình mua sắm và thanh toán hoạt động chi thường xuyên;* ***5.5.02*** *– Các Biên bản nghiệm thu - bàn giao;* ***5.5.03*** *– Giấy Đề xuất vật tư thực hành các lớp nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***5.5.04*** *- Sổ giao nhận vật tư (của khoa);* ***5.5.05*** *- Quy trình mua và cấp phát vật tư, văn phòng phẩm: QT/P.QTTB/05).*

Trường đã lập Ban xây dựng định mức tiêu hao vật tư dựa trên hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo nhằm mục đích để quản lý việc thu hồi vật liệu dôi dư, vật liệu tái sử dụng được trong việc đào tạo cho HSSV. Qua đó, giảm thiểu tối đa hao phí đào đạo và cũng để đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định hiện hành. (***5.5.06*** *– Quyết định về việc thành lập Ban xây dựng định mức tiêu hao vật tư).* Sau khi họp bàn triển khai và xây dựng, trường lập hội đồng thẩm định nhằm thẩm định tỷ lệ tiêu hao vật tư cho phù hợp với mức chi mua vật tưthực hành tính trên 1 HSSV *(****5.5.07*** *- Biên bản họp triển khai xây dựng định mức tiêu hao vật tư,* ***5.5.08*** *- Biên bản họp ban xây dựng định mức tiêu hao vật tư;* ***5.5.09*** *- Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định định mức tiêu hao vật tư;* ***5.5.10*** *- Biên bản họp thẩm định định mức tiêu hao vật tư)*. Kết quả sau khi được hội đồng thẩm định thông qua là việc Hiệu trưởng ban hành định mức tiêu hao vật tư. *(****5.5.11*** *– Quyết định ban hành định mức tiêu hao vật tư.* ***5.5.12*** *- Bảng phụ lục định mức tiêu hao vật tư nghề KTSC, LRMT (PL 02CĐ)).*

Năm 2020, khi Thông tư 08/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 24/2019/TT-BLĐTBXH và Thông tư 25/2019/TT-BLĐTBXH có hiệu lực, Trường đã thành lập Ban rà soát, điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật (KTKT) nhằm rà soát, so sánh, đối chiếu tỷ lệ tiêu hao vật tư Bộ đã ban hành và tỷ lệ tiêu hao vật tư cho phép mà trường đã ban hành. Năm 2021, Trường ban hành CTĐT mới theo quy chế tích lũy tín chỉ, nên Trường đã lần nữa thành lập Ban rà soát, điều chỉnh định mức KTKT nhằm rà soát, so sánh, đối chiếu tổng thời gian mà Thông tư cho phép cũng như cập nhật thêm định mức KTKT của 4 nghề mà trường đào tạo *(****5.5.13*** *- Quyết định thành lập Ban rà soát, điều chỉnh định mức KTKT năm 2020, 2021;* ***5.5.14*** *- Biên bản họp triển khai rà soát, điều chỉnh định mức KTKT năm 2020, 2021;* ***5.5.15*** *- Quyết ban hành định mức KTKT năm 2020, 2021 (kèm phụ lục)).)*

Hằng năm nhà trường tổ chức khảo sát thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo HSSV đang học, HSSV đã tốt nghiệp về “Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý theo 3 cấp độ thực tập, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng; đảm bảo an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường”, được đánh giá mức tốt, tỷ lệ hơn 85%; “Định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật đảm có bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo, được đánh giá mức tốt, rất tốt với tỷ lệ hơn 90% *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.5: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 5.6

*Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thư viện Nhà trường được xây dựng tại tầng 3 của cả hai cơ sở, với tổng diện tích gần 1000 m2 , đủ đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và HSSV. Trường có 2 loạithưviện là thư viện sách và thư viện điện tử (phòng máy tính vừa phục vụ học tập, vừa phục vụ tra cứu tài liệu) thư viện điện tử có lưu trữ đầy đủ chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo các nghề đang đào tạo tại Trường đã được hội đồng xây dựng, Hiệu Trưởng phê duyệt lưu hành nội bộ. (***5.1.07*** *- Quyết định phê duyệt thiết kế thi công và dự toán số 239/SXD-GD-QĐ ngày 24/7/2002; Quyết định phê duyệt dự án trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 15/QĐ-SXD-TĐDA ngày 2/2/2016; Quyết định về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 1357/QĐ-SXD-GD-KTXD ngày 8/9/2017;* ***5.1.02 -*** *Bản vẽ hoàn công (Lưu P.QTTB);* ***5.1.03*** *- Báo cáo hiện trạng sử dụng và quản lý đất số 13/BC-QTTB ngày 03/12/2020; Báo cáo hiện trạng sử dụng và quản lý đất số 22/BC-QTTB ngày 30/11/2021; Báo cáo hiện trạng sử dụng và quản lý đất năm 2022 số 04/BC-QTTB ngày 30/8/2022;* ***5.6.01*** *- Sơ đồ bố trí thư viện; Vị trí phòng thư viện)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thư viện trường CS2 | 201HB | 720 m2 |
| 2 | Kho sách | 202HB | 64 m2 |
| 3 | Thư viện trường CS1 | A310–A312 | 135 m2 |

Chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT được xây dựng và ban hành năm 2021 có 33 mô đun/môn học cơ sở và chuyên ngành, năm 2022 có thay đổi CTĐT và theo đó Giáo trình đào tạo cũng được biên soạn, bổ sung nhằm cung cấp tài liệu học tập, tham khảo cho việc dạy và học. Hằng năm, đều có kế hoạch rà soát, điều chỉnh bổ sung giáo trình đào tạo. Bản cứng Giáo trình nghề KTSC, LRMT tự biên soạn được in 5 bản, lưu trữ tại thư viện để phục vụ HSSV và giảng viên nghiên cứu, tham khảo trong quá trình dạy và học. *(****4.9.01*** *- Các Quyết định Ban hành giáo trình;* ***4.9.02*** *- Tổng hợp danh mục giáo trình;* ***4.9.03*** *- Bản in giáo trình đào tạo nghề nghề KTSC, LRMT;* ***4.9.04*** *- Bảng thống kê Giáo trình đào tạo hằng năm).*

Ngoài ra, Trường có thư viện điện tử, tất cả chương trình, giáo trình đào tạo ban hành lưu hành nội bộ và giáo trình, sách tham khảo tại Trường đều được số hóa, tích hợp vào Thư viện điện tử của Trường tại địa chỉ:  [http://thuvien.ddns.net/](%20http://thuvien.ddns.net/%20) .

Thư viện điện tử của Trường hoạt động qua mạng Internet. Truy cập trực tiếp từ trang web của Trường hoặc qua máy tính tại thư viện. Phần mềm thư viện điện tử của Trường mới được chuyển giao với đầy đủ sách tham khảo cho các ngành nghề cũng như chứa đựng toàn bộ nội dung về chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo và giáo trình tham khảo đã được số hóa. Phần mềm thư viện được hướng dẫn sử dụng rõ ràng qua Bảng hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử

| **Nội dung** | **Năm 2023** |
| --- | --- |
| Giáo trình nghề KTSC, LRMT tự biên soạn năm 2021 (mỗi loại 5 cuốn) | 130 GT |
| Tài liệu tham khảo liên quan nghề KTSC, LRMT | 100 TL |
| Giáo trình tham khảo (ebook) | Hơn 2500 |

Thư viện trường được giao cho phòng Hành chính - Tổ chức quản lý. Nhân viên thư viện của Nhà trường có trình độ trung cấp, chuyên môn đúng chuyên ngành thư viện *(****5.6.02*** *- Hồ sơ nhân viên thư viện; Quyết định giao nhiệm vụ quản lý thư viện).* Hằng năm, quản lý thư viện – P.HCTC lập kế hoạch hoạt động cụ thể cho Thư viện: giới thiệu thư viện cho HSSV, tuyên truyền, phổ biến nội quy hoạt động của Thư viện, thư viện điện tử, giới thiệu sách cho HSSV khóa mới trong tuần học định hướng đầu khóa; sắp xếp, phân loại tài liệu, sách. Ngoài ra còn thống kê việc HSSV sử dụng phòng thư viện... ***(5.6.03*** *- Kế hoạch hoạt động thư viện năm 2021;* ***5.6.04*** *- Hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện;****5.6.05*** *- Hướng dẫn tìm kiếm tài liệu trên thư viện số;* ***5.6.06*** *- Thông báo về việc truy cập và sử dụng tài liệu điện tử số 35/TB-P.HCTC ngày 15/10/2020).*

Tài liệu tham khảo các nghề được quản lý thư viện rà soát, đề xuất bổ sung hằng năm. *(****5.6.07 -*** *Kế hoạch mua bổ sung sách và giáo trình năm 2021;* ***5.6.08*** *- Thông báo về bổ sung sách, tài liệu tham khảo năm 2021).*

Thư viện hoạt động theo chức năng và các quy định tổ chức, hoạt động của thư viện. Hằng năm, quản lý thư viện đều có báo cáo tình hình hoạt động *(****5.6.09*** *- Quyết định ban hành Nội quy thư viện của Trường CĐN TPHCM số 431/QĐ-CĐN ngày 30/12/2017; Quyết định ban hành Nội quy phòng máy của thư viện Trường CĐN TPHCM sô 432//QĐ-CĐN ngày 30/12/2017;* ***5.6.10*** *- Sổ mượn sách, tài liệu, giáo trình;* ***5.6.11*** *- Báo cáo về hoạt động thư viện năm 2021;* ***5.6.12*** *- Báo cáo về cán bộ, giảng viên, công nhân viên và học sinh - sinh viên đến thư viện tra cứu tài liệu - truy cập dữ liệu số năm 2021)*.

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động của thư viện nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ quản lý, giáo viên đánh giá cao công tác hoạt động và hình thức phục vụ của thư viện trường là tốt và rất tốt đạt 76% *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.6: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 5.7

*Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có 2 cơ sở, ở mỗi cơ sở đều có một thư viện và thư viện điện tử với đủ giáo trình, sách tham khảo và có trang bị phòng máy tính để phục vụ nhu cầu trang cứu thông tin và học tập. Để phục vụ tốt, kịp thời và hiệu quả cho giảng viên, HSSV toàn Trường, Nhà trường đã xây dựng và ban hành nội quy quản lý thư viện. *(****5.6.09*** *- Quyết định ban hành Nội quy thư viện của Trường CĐN TPHCM số 431/QĐ-CĐN ngày 30/12/2017; Quyết định ban hành Nội quy phòng máy của thư viện Trường CĐN TPHCM sô 432//QĐ-CĐN ngày 30/12/2017;* ***5.6.05*** *- Hướng dẫn tìm kiếm tài liệu trên thư viện số).*

Phòng máy tính Thư viện được trang bị 20 máy tính kết nối internet, thư viện nối liền phòng lưu trữ và phòng đọc sách dành cho cán bộ, giảng viên và bạn đọc tra cứu, tham khảo và sao chép tài liệu điện tử qua đường tuyền internet và thư viện điện tử của Trường. Cả 2 cơ sở đều có trang bị wifi tốc độ cao, truy cập miễn phí từ nhà cung cấp dịch vụ VNPT.

Để quản lý thư viện trường có phần mềm quản lý thư viện, HSSV có thể vào máy tính tại thư viện để truy cập internet tìm kiếm tài liệu học tập và xem điểm trên phần mềm quản lý đào tạo EMIS. Nếu HSSV có máy tính cá nhân, thiết bị di động thì có thể kết nối vào wifi trường cung cấp để tìm kiếm thông tin trên website trường hoặc tra cứu tài liệu từ thư viện điện tử *(****5.7.01*** *– Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện;* ***5.7.02*** *- Hợp đồng sử dụng mạng Internet của nhà trường;* ***5.7.03*** *- Sơ đồ mạng LAN;* ***5.7.04*** *- Sơ đồ mạng LAN;* ***5.6.10*** *- Sổ mượn sách, tài liệu, giáo trình;* ***5.6.11*** *- Báo cáo về hoạt động thư viện năm 2021;* ***5.6.12*** *- Báo cáo về cán bộ, giảng viên, công nhân viên và học sinh - sinh viên đến thư viện tra cứu tài liệu - truy cập dữ liệu số năm 2021).*

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động của thư viện nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ quản lý, giáo viên đánh giá cao công tác hoạt động và hình thức phục vụ của thư viện trường là tốt và rất tốt đạt trên 78% *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.7: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 5.8

*Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu học tập thực tiễn của học sinh-sinh viên. Khoa ĐT-ĐKTĐ xác định thiết bị đào tạo với công nghệ tiên tiến đòi hỏi người dạy phải liên tục cập nhật kiến thức, liên tục điều chỉnh bài giảng và hướng mô phỏng để người học để dàng hiểu, để nhận diện và tiếp cận phương pháp gia công mới. Từ đó, các giảng viên của Khoa đã áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy nghề KTSC, LRMT, ngoài việc soạn thảo trình chiếu bởi MS Powerpoint còn sử dụng thêm các phần mềm như: Mindsight-Labvolt, Arduino IDE, Visual basic 6.0, Altium Designer, Boardview, VMWare Workstation, Cisco Packet Tracer, STEP 7 MicroWin, TIA Portal, Microsoft Visio, Protues, Eagle, Orcad,...các đoạn clip, youtube chạy mô phỏng trước khi thực hành tháo lắp trên máy thật. Ngoài ra, ở các bài giảng, giảng viên còn sử dụng các phần mềm chuyên dụng, đưa vào bải giảng các clip, video thiết bị.. để giảng dạy các môn học/ mô đun về việc mô phỏng cấu tạo, nguyên lý làm việc v..v...*.(****2.3.03*** *- Hình chụp Phần mềm mô phỏng như Altium Designer, Boardview, VMWare Workstation, Cisco Packet Tracer, STEP 7 MicroWin, TIA Portal, Microsoft Visio, Protues, Eagle, Orcad,, clip mô phỏng…;****2.3.04*** *- Danh sách các mô đun/ mô học có sử dụng phần mềm hổ trợ giảng dạy và mô phỏng).*

Ngoài các bài giảng có mô phỏng, Khoa còn sử dụng các mô hình thiết bị để giúp HSSV hiểu rõ cơ chế hoạt động của máy *(****5.8.01*** *– Danh mục thiết bị giảng day sử dụng để mô phỏng hoặc được sử dụng phần mềm mô phỏng;* ***5.8.02*** *- Hình chụp mô hình thiết bị cắt bổ dùng để dạy học).*

Danh sách các môn học/ mô đun có sử dụng phần mềm mô phỏng, thiết bị thực:

| **STT** | **Mã MH/ MĐ** | **Tên môn học/ mô đun** | **Phần mềm chuyên ngành có sử dụng phần mềm, mô phỏng** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | MĐ 07 | Kiến trúc máy tính | Phần mềm tính toán công suất nguồn (MSI Power-supply-calculator). |
|  | MĐ 08 | Kỹ thuật đo lường | Proteus, Multisim. |
|  | MĐ 09 | Kỹ thuật điện tử | Proteus, Multisim. |
|  | MĐ 10 | Thực hành kỹ thuật điện tử | Proteus, Multisim. |
|  | MĐ 11 | Lắp ráp và cài đặt máy tính | IT Essentials Virtual Desktop PC |
|  | MĐ 12 | Thực hành lắp ráp và cài đặt máy tính | IT Essentials Virtual Desktop PC |
|  | MĐ 15 | Kỹ thuật xung số | Proteus, Multisim, EasyEDA, Altium design, Mindsight-Labvolt |
|  | MĐ 16 | Thực hành kỹ thuật xung số | Proteus, Multisim, EasyEDA, Altium design, Mindsight-Labvolt |
|  | MĐ 19 | Thiết kế mạch in | Proteus, Eagle, Altium Designer |
|  | MĐ 20 | Hệ điều hành | Ubuntu, Linux, Windows 10 |
|  | MĐ 21 | Mạng máy tính | Cisco Packet Tracer,Wireshark, Phần mềm cấu hình wireless router, Phần mềm cấu hình router. |
|  | MĐ 22 | Sửa chữa bộ nguồn | Boardview, youtube |
|  | MĐ 23 | Kỹ thuật sửa chữa màn hình | Boardview, youtube |
|  | MĐ 24 | Lập trình ghép nối máy tính | Proteus, Arduino IDE, Visual basic 6.0 |
|  | MĐ 25 | Điều khiển tự động PLC | STEP 7 MicroWin, TIA Portal |
|  | MĐ 26 | Xử lý sự cố phần mềm | Microsoft Office, Windows 7, 10, 11, Phần mềm chỉnh sửa PDF, Autocad. |
|  | MĐ 27 | Sửa chữa máy tính | Phần mềm nạp BIOS, Phần mềm Boot, Phần mềm test HDD, Phần mềm test RAM, Phẩn mềm test màn hình, Phần mềm test VGA. |
|  | MĐ 28 | Thực hành sửa chữa máy tính | Phần mềm nạp BIOS, Phần mềm Boot, Phần mềm test HDD, Phần mềm test RAM, Phẩn mềm test màn hình, Phần mềm test VGA. |
|  | MĐ 29 | Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi | Driver máy in, Driver máy scan, youtube |
|  | MĐ 30 | Kỹ thuật vi xử lý | Phần mềm nạp vi xử lý, Phầm mềm lập trình Assembler |
|  | MĐ 31 | Quản trị mạng | VMWare Workstation, Windows Server 2008, Windows server 2012, Windows 10, Windows 7 |
|  | MĐ 32 | Sửa chữa máy tính nâng cao | Phần mềm Boardview, Phần mềm Boot, Phần mềm test HDD, Phần mềm test RAM, Phẩn mềm test màn hình, Phần mềm test VGA. |
|  | MĐ 33 | Thực hành sửa chữa máy tính nâng cao | Phần mềm Boardview, Phần mềm Boot, Phần mềm test HDD, Phần mềm test RAM, Phẩn mềm test màn hình, Phần mềm test VGA |
|  | MĐ 34 | Thiết kế mạng LAN | Microsoft Visio, Microsoft Powerpoint, Cisco packet tracer, Youtube. |
|  | MĐ 35 | Sửa chữa màn hình LCD-LED | Phần mềm test màn hình, phần mềm Boardview. |
|  | MĐ 36 | Thực hành Sửa chữa màn hình LCD-LED | Phần mềm test màn hình, phần mềm Boardview. |
|  | MĐ 37 | Đồ án kỹ thuật | Microsoft Visio, Microsoft office, Canva, Youtube. |
|  | MĐ 38 | Thực tập tốt nghiệp | Microsoft Powerpoint, Microsoft Word, Youtube |
|  | MĐ 39 | Xây dựng và quản trị hệ thống mạng doanh nghiệp | VMWare Workstation, Windows Server 2008, Windows server 2012, Windows 10, Windows 7, Cisco packet tracer, Microsoft Visio, |
|  | MĐ 40 | Lắp đặt hệ thống CCTV | Phần mềm cài đặt Camera Vantech |
|  | MH 11 | Anh văn chuyên ngành | LacViet Dictionary, Microsoft Powerpoint, Youtube |
|  | MH 12 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Microsoft Powerpoint, Youtube |
|  | MH 13 | An toàn lao động | Microsoft Powerpoint, Youtube |

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.8: 2 điểm*.**

#### Tiêu chí 6 - Dịch vụ người học

**Đánh giá tổng quan tiêu chí 6**

Trường đã cụ thể hóa và cải tiến các hoạt động liên quan đến HSSV, giải quyết công việc liên quan đến HSSV với các Quy trình một cửa và công bố kịp thời các chế độ chính sách liên quan cho HSSV. Cấp giấy chứng nhận giúp HSSV giải quyết các quyền lợi và nghĩa vụ tại địa phương, thực hiện công tác khen thưởng cuối học kỳ và cuối năm, thông báo và hướng dẫn đầy đủ thủ tục miễn giảm học phí…Toàn bộ những thông tin về trường, khoa nghề, quyền lợi và nghĩa vụ của HSSV đều được đăng tải trên trang Web của Nhà trường tại địa chỉ[http://www.caodangnghehcm.edu.vn](http://www.caodangnghehcm.edu.vn/).

Trường có quy định và phổ biến công khai thông tin cần thiết về chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo (trang tin thư viện trường). HSSV của Trường được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách xã hội đúng quy định.

Trường có nhiều hình thức tổ chức thị trường lao động, trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học nghề sau khi tốt nghiệp.

Tiếp tục duy trì đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định, các dịch vụ hổ trợ cho người học và đa dạng hóa các hình thức hoạt động thể dục thể thao, khu vực vui chơi giải trí.

*\* Những điểm mạnh:*

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, về các quy định, quy chế; về cơ hội việc làm.

Người học được cung cấp đầy đủ các dịch vụ như y tế, nhà ăn, ký túc xá, các dịch vụ phục vụ khác trong suốt quá trình học tập tại trường.

Trường chú trọng đến các hoạt động phong trào thể dục thể thao, văn hóa, thể mỹ cũng như các hoạt động xã hội khác, tạo điều kiện cho HSSV được phát huy tinh thần tập thể, nghỉ ngơi, rèn luyện sức khỏe và tăng kỹ năng mềm nhằm giúp cho HSSV có cơ hội tốt hơn khi tham gia nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Tổ chức tốt các hội thi tay nghề cấp khoa, cấp trường từ đó giúp các em có cơ hội chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm và thể hiện khả năng tay nghề của bản thân tại các hội thi tay nghề trong nước và quốc tế.

*\* Những tồn tại:* Không có.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Năm Trường, Khoa kết hợp với các đơn vị sản xuất có ngành, nghề liên quan đến máy tính để nghề KTSC, LRMT tổ chức đa dạng các hoạt động nghiên cứu khoa học cho HSSV.

**Điểm đánh giá tiêu chí 6**

| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá** |
| --- | --- |
| **Tiêu chí 6** | **8 điểm** |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 điểm |

##### Tiêu chuẩn 6.1

*Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Phòng Công tác công tác Học sinh Sinh viên được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, phổ biến về những nội dung đến từng đối tượng học sinh-sinh viên. Ban giám hiệu nhà trường phổ biến thông tin tổng quan về nguồn lực, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học. Phòng Công tác học sinh sinh viên phổ biến qui chế công tác Học sinh Sinh viên, các chế độ chính sách hiện hành đối với người học, công tác hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng Sản HCM; phổ biến về nội quy Nhà trường, nội quy ký túc xá, tuyên truyền phòng chống các tệ nạn xã hội, công tác y tế và chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường...giúp cho người học dễ dàng hiểu và thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi của mình trong quá trình học tập. Phòng Đào tạo phổ biến quy chế đào tạo bao gồm các nội dung về kiểm tra, thi, quy định chuẩn đầu ra và xét công nhận tốt nghiệp. Các khoa chuyên môn phổ biến mục tiêu, chương trình đào tạo ngành, phương pháp học tập, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. *(****6.1.01*** *- Kế hoạch đón tiếp HSSV năm 2021;* ***1.2.01*** *- Các Quyết định V/v Ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường CĐN TP.HCM).*

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học thông qua các buổi sinh hoạt của giáo viên chủ nhiệm và trên trang Web Trường. *(****1.1.03*** *- Các Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM;* ***1.1.05*** *- www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo; Các thông báo tuyển dụng;* ***2.1.08*** *- Thông báo tuyển sinh năm 2021;* ***2.2.01*** *– Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM năm 2018; 2021).*

Nhà trường cũng ban hành nội quy của học sinh sinh viên, quy định rõ nhiệm vụ của HSSV, và những chính sách mà HSSV sẽ được hưởng trong suốt quá trình học tập tại trường. Đồng thời Trường cũng ban hành quy trình một cửa, giúp người học được hỗ trợ đầy đủ các chính sách mà không phải tốn công liên hệ nhiều lần. (***6.1.02*** *- Quyết định về việc ban hành Nội quy học sinh sinh viên của trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh;* ***6.1.03*** *- Quy trình cấp, phát các loại giấy tờ cho HSSV;* ***6.1.04*** *- Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh;* ***6.1.05*** *- Hình ảnh trong các buổi sinh hoạt đầu khóa năm 2021;* ***6.1.06*** *- Quyết định về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề;* ***6.1.07*** *- Quyết định v/v ban hành Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV theo hình thức đào tào chính quy tại Trường Cao đẳng nghề TPHCM) .*

Nhà trường thực hiện các chính sách miễn giảm học phí, khen thưởng, học bổng…, thông tin công khai dán ở bảng thông tin trước phòng CTHSSV, P.TCKT nên đã tạo được niềm tin cho người học, tạo động lực giúp người học phấn đấu để đạt kết quả học tập tốt*. (****6.1.08 -*** *Các quyết định miễn giảm học phí năm học 2021 -* ***6.1.09*** *- Các quyết định khen thưởng năm học 2020 - 2021, 2021 -* ***2.5.05*** *- Quyết định về việc công nhận kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021(Danh sách đính kèm)).*

Hằng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về việc “Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học”. Kết quả cho thấy nhà trường đã cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin trên đến người học, tỉ lệ sinh viên đồng ý đạt trên 80% *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.1: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 6.2

*Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; Cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời với người học trong quá trình học tập*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đầu năm học, Trường tổ chức các buổi sinh hoạt đầu khóa nhằm phổ biến nội quy của học sinh sinh viên và những chính sách mà HSSV sẽ được hưởng trong suốt quá trình học tập tại trường. *(****6.1.05*** *- Hình ảnh trong các buổi sinh hoạt đầu khóa năm 2021).*

Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định mà HSSV được hưởng căn cứ theo các văn bản miễn giảm học phí theo Nghị định 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

- Về vay vốn tín dụng sinh viên: Căn cứ Nghị định 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg tín dụng đối với học sinh, sinh viên, Quyết định 751/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng về việc điều chỉnh mức cho vay với học sinh, sinh viên). Nhà trường đã xác nhận cho HSSV về địa phương vay vốn.

- Về nghĩa vụ quân sự: Căn cứ Luật nghĩa vụ quân sự số: 78/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015 của Quốc Hội. Nhà trường xác nhận HSSV đang học tại trường gửi về địa phương để địa phương có kế hoach lùi thực hiên luật nghĩa vụ quân sự để HSSV hoàn thành chương trình đào tạo tại trường Về nghĩa vụ quân sự: Căn cứ Luật ngĩa vụ quân sự số: 78/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015 của Quốc Hội. Nhà trường xác nhận HSSV đang học tại trường gửi về địa phương để địa phương có kế hoach lùi thực hiên luật nghĩa vụ quân sự để HSSV hoàn thành chương trình đào tạo tại trường. Các bước để hoàn thành giấy cấp cho HSSV được P.CTHSSV viết thành Quy trình cấp, phát các loại giấy tờ cho HSSV. (***2.2.01*** *– Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM năm 2017; 2021;* ***6.1.02*** *- Quyết định về việc ban hành Nội quy học sinh sinh viên của trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh;* ***6.1.03*** *- Quy trình cấp, phát các loại giấy tờ cho HSSV).*

Trong quá trình học tập tại trường, HSSV còn được hưởng các chế độ chính sách như: được xem xét ở Ký túc xá, được được cấp học bổng học tập, trợ cấp xã hội theo quy định; được khen thưởng khi đạt kết quả học tập loại khá trở lên; được khen thưởng đột xuất khi có thành tích cao như đạt giải trong cuộc thi tay nghề cấp thành phố, cấp quốc gia hoặc các cuộc thi do Đoàn trường tổ chức; được khen thưởng khi có thành tích trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...*(****6.1.04*** *- Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh;* ***6.1.06*** *- Quyết định về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề;* ***6.1.07*** *- Quyết định v/v ban hành Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV theo hình thức đào tào chính quy tại Trường Cao đẳng nghề TPHCM).*

Sau khi có kết quả học tập, rèn luyện của học kỳ và năm học phòng kết hợp với các phòng, khoa tổ chức họp xét khen thưởng, học bổng theo các quy định hiện hành, mức khen thưởng và học bổng được Ban Giám hiệu quyết định để động viên và kích lệ các em trong học tập của các học kỳ tiếp theo. Hàng năm, phòng CTHSSV xem xét, đề xuất các xuất học bổng của Doanh nghiệp để trao các xuất học bổng cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn cố gắng vươn lên trong học tập để các em yên tâm học tập tại Trường *(****6.1.08*** *- Các quyết định miễn giảm học phí năm học 2021 -* ***6.1.09*** *- Các quyết định khen thưởng năm học 2020 – 2021;* ***2.5.05*** *- Quyết định về việc công nhận kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021(Danh sách đính kèm)).*

Thực hiện quy định của Nhà nước và của Trường về các chế độ miễn giảm học phí, khen thưởng, khuyến khích kịp thời cho người học, hàng năm Trường đều thực hiện cụ thể như sau:

| **TT** | **Diện được hưởng** | **Năm**  **2020 -2021** |
| --- | --- | --- |
| 1 | ***Miễn giảm học phí các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên: (số lượng/ tiền VNĐ)*** | |
|  | Toàn Trường | 1800  7.131.110.000 |
|  | KTSC, LRMT | 37  151.700.000 |
| 2 | ***Học bổng:*** | |
|  | - Toàn Trường | 44 |
|  | - KTSC, LRMT | CĐ: 01 |
| 3 | ***Khen thưởng:*** | |
|  | - Toàn Trường | 40 |
|  | - KTSC, LRMT | CĐ: 00 |

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các cuộc thi tay nghề giỏi, chương trình khởi nghiệp… dành cho HSSV, giải thưởng khuyến khích HSSV học tập nâng cao tay nghề và sáng tạo trong các cuộc thi *(****6.2.01*** *– Quyết định về việc khen thưởng sinh viên đạt giải trong kỳ thi tay nghề TPHCM năm 2020).*

Giáo viên chủ nhiệm các lớp thực hiện sinh hoạt lớp định kỳ theo lịch quy định, trong đó ngoài các nội dung như phổ biến, giải thích về thực hiện các Quy chế trong học tập và sinh hoạt còn thực hiện việc tư vấn giúp đỡ SV về mọi vấn đề liên quan tới việc học tập như đăng ký học vượt, thi lại, học lại..., cũng như sinh hoạt các chủ đề về ngoại khóa, cuộc thi, mùa hè xanh...dành cho HSSV *(****6.2.02*** *- Báo cáo v/v tổng hợp sinh hoạt chủ nhiệm năm 2021;* ***2.5.12*** *- Báo cáo kết quả công tác học sinh sinh viên năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022****).***

Ngoài ra, P.ĐBCL-KT cũng lấy ý kiến về tinh thần phục vụ, giải quyết kịp thời yêu cầu của HSSV từ các phòng chức năng và chế độ chính sách đối với người học đều được SV đánh giá hài lòng ở mức 87,5% *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.2: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 6.3

*Hàng năm, Cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Khoa nghề và lãnh đạo Nhà trường tích cực trong công tác liên kết đào tạo và hỗ trợ việc làm với Doanh nghiệp để tiếp cận các thông tin về công nghệ, xu hướng nghề nghiệp và thị trường lao động. Trung tâm tuyển sinh và đào tạo thường xuyên, Phòng CT HSSV phối hợp với các khoa nghề để tổ chức: “Ngày hội việc làm” cho các em HSSV sắp ra Trường có thể tiếp cận, giao lưu và chuẩn bị tư thế trước khi ra Trường. Qua đó, các em biết được những thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và nhu cầu tuyển dụng việc làm trên địa bàn trong và ngoài Tp.HCM. Riêng với HSSV theo học nghề KTSC, LRMT, việc giao lưu với các doanh nghiệp trong ngành tại buổi lễ phát bằng tốt nghiệp giúp các em có việc làm ngay sau tốt nghiệp với tỷ lệ khá cao. *(****6.3.01*** *- Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm năm 2021;* ***6.3.02*** *- Báo cáo tổng kết tổ chức ngày hội tuyển dụng năm 2021;****6.3.03*** *- Danh sách công ty đăng ký tham gia ngày hội tuyển dụng năm 2021).*

Hằng năm, Khoa nghề giới thiệu với lãnh đạo Trường các Doanh nghiệp tiềm năng có nhu cầu về người lao động và Doanh nghiệp có nhu cầu phối hợp với Trường đào tạo người học và nhận vào làm sau đó. Từ đó, Nhà trường ký hợp đồng ghi nhớ, hợp tác, liên kết đào tạo... *(****2.4.01*** *- Hợp đồng ghi nhớ về việc hợp tác đào tạo và cung ứng lao động giữa nhà trường với Doanh nghiệp);*

Ngoài ra, mỗi giảng viên của khoa đều có mối quan hệ với các doanh nghiệp bên ngoài nên cung cấp các thông tin đầy đủ và kịp thời cho người học về cơ hội nghề nghiệp. Qua đó, sinh viên nghề KTSC, LRMT khi vừa tốt nghiệp là có việc làm ngay, không có sinh viên làm trái ngành vì tất cả công ty đều dùng máy tính, đều cần có nhân viên kỹ thuật am hiểu máy tính.

Các thông tin nghề nghiệp và cơ hội việc làm đều được Phòng tuyển sinh và hỗ trợ việc làm đưa lên trang web Trường và thông báo trên bảng tin của Trường cho các em tra cứu và lựa chọn. *(****1.1.05*** *- www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo; Các thông báo tuyển dụng).*

Hằng năm, nhà trường khảo sát HSSV các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Kết quả thực hiện khảo sát cho thấy có từ 81% sinh viên nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của trường có việc làm đúng nghề sau khi tốt nghiệp 6 tháng; *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.3: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 6.4

*Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đối với việc rèn luyện sức khỏe cho HSSV Trường có các sân cầu lông, sân bóng chuyền, sân bóng đá mini,khu bóng bàn tại cả 2 cơ sở, đặc biệt ở cở sở 2 mới xây dựng có khu nhà thi đấu đa năng.

Công tác an ninh được triển khai, giám sát nhằm bảo đảm an toàn cho người học trong khuôn viên Trường; hệ thống cổng, tường rào hành lang thoát hiểm an toàn, có camera quan sát. Bộ phận bảo vệ của Trường luôn bảo đảm các ca trực, không để xảy ra tình hình mất an ninh trật tự làm người học bị ảnh hưởng hay bị gây hại đến sức khỏe, tính mạng. Báo cáo kết quả của nội dung này được trình bày tại báo cáo tổng kết từng năm học *(****5.1.02*** *- Sơ đồ các khu xưởng, phòng máy của Khoa (sơ đồ trường);* ***6.4.01*** *-* *Hình ảnh khu thể thao đa năng;* ***6.4.02*** *- Các hình ảnh chụp nhà thi đấu đa năng, các sân bóng đá và các sân bóng chuyền tại trường (CS1, CS2)).*

Hàng năm, Ban giám hiệu chỉ đạo cho Đoàn Thanh niên phát động nhiều phong trào hoạt động xã hội cũng như tổ chức thi đấu các môn thể thao vào các ngày sự kiện trong năm như Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3, Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. Bên cạnh đó, hoạt động công tác xã hội, gắn kết trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội cũng được Trường quan tâm, khuyến khích HSSV tham gia các đợt hiến máu nhân đạo, tham gia hoạt động “Khuôn viên xanh - Trường học thân thiện” do Đoàn Trường phát động.

Các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao của trường được duy trì đều đặn**,** hàng năm BCH Công đoàn và Đoàn thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao và các hoạt động xã hội cho toàn thể HSSV, đặc biệt trong đợt thi đua chào mừng ngày lễ lớn và hưởng ứng các phong trào của các đoàn thể như: Tổ chức Hội thao chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2019 và Ngày hội Thanh niên khỏe; kỷ niệm Ngày thành lập Đoàn TN CS Hồ Chí Minh (26/03/2019) với các nội dung: Bóng đá, Bóng bàn, cầu lông, Kéo co, cờ tướng, Văn nghệ,… *(****6.4.03*** *- Các kế hoạch tổ chức hoạt động của Đoàn thanh niên năm 2021;* ***6.4.04*** *- Chương trình Công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm 2021).*

Hàng quý, Đoàn trường thường xuyên tổ chức diễn đàn “Nghe sinh viên nói - nói sinh viên nghe”, thu hút hơn 60 cán bộ Đoàn chủ chốt tham dự. Thông qua diễn đàn, Đoàn trường nắm bắt diễn biến tư tưởng sinh viên, học sinh trong trường.

Tổ chức thành công chương trình Gala xuân 2018 với nhiều hoạt động sôi nổi và đặc sắc như hội thi ẩm thực, trò chơi dân gian, văn nghệ mừng xuân, mừng Đảng, thu hút hơn 400 đoàn viên thanh niên tham gia, tạo một sân chơi lành mạnh cho học sinh - sinh viên trong trường và đồng thời chào mừng ngày Tết truyền thống của dân tộc. Cũng trong dịp này, Đoàn trường đã trao tặng 15 phần quà tết cho các em học sinh, sinh viên vượt khó trong học tập và hoạt động đoàn sôi nổi, tổng trị giá hơn 4.500.000 đồng.

Đoàn Trường phối hợp với Công đoàn Trường tổ chức chăm lo, phụng dưỡng suốt đời cho 1 Mẹ Việt Nam Anh hùng ở tỉnh Trà Vinh và thường xuyên thăm hỏi, tặng quà cho nhiều gia đình Mẹ Việt Nam Anh hùng ở Củ Chi, Bến Tre… vào các dịp lễ 27/7, tết hoặc các sự kiện đặc biệt.

Qua các hoạt động trên, góp phần giúp học sinh, sinh viên ôn lại những truyền thống vẻ vang, đồng thời giáo dục, xây dựng truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, giáo dục lối sống có trách nhiệm, biết chia sẻ và giúp đỡ đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, có ý thức đối với xã hội.

Để đánh giá về việc thực hiện kế hoạch tổ chức các hoạt động, nhà trường đã có báo cáo đánh giá kết quả tổ chức các hoạt động phong trào *(****6.4.05 -*** *Báo cáo tổng kết công tác công đoàn; Đoàn Thanh niên năm 2021).*

Cùng với HSSV toàn trường, HSSV khoa ĐT- ĐKTĐ, đã tích cực hưởng ứng, tham gia và đạt các giải thưởng trong các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao do nhà trường tổ chức *(****6.4.06*** *- Hình ảnh hoạt động văn nghệ, thể thao của HSSV , GV khoa).*

Khảo sát GV, HSSV với kết quả đánh giá mức tốt và rất tốt tỷ lệ đạt trên 80%, Vì vậy Khoa cần duy trì và tăng cường tổ chức các sân chơi TDTT nhiều hơn nửa*. (****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.4: 2 điểm*.**

#### Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 7**

Trong giai đoạn hiện nay, công tác thanh kiểm tra, giám sát thực tế và đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo trong nhà trường rất được quan tâm, chú trọng. Trường giao cho Phòng ĐBCL-KT có chức năng, nhiệm vụ thanh tra đào tạo, phối hợp cùng Ban Thanh tra nhân dân có chức năng giám sát, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra HSSV. Hằng năm, Phòng ĐBCL-KT xây dựng kế hoạch đi kiểm tra công tác đào tạo và hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong Nhà trường, cũng như đưa ra phương án nâng cao chất lượng đào tạo để trình Ban giám hiệu.

Khi HSSV đi thực tập, nhà Trường sẽ giao giảng viên của Khoa hướng dẫn chuyên môn cho HSSV đồng thời tập hợp các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp nhận HSSV vào thực tập có thể phản ánh hết trình độ chuyên môn, khả năng của người học đáp ứng tốt hay không cho nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, Khoa có đề xuất cải tiến, điều chỉnh chương trình, giáo trình và lập kế hoạch cho năm sau.

*\* Những điểm mạnh:*

Trường hiện đang vận hành hơn 65 quy trình quản lý thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng. Hằng nằm, Nhà trường thực hiện rà soát, cải tiến và xây dựng thêm các quy trình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường duy trì tốt mối quan hệ với các doanh nghiệp, các doanh nghiệp sẵn sàng hỗ trợ nhà trường trong việc khảo sát đánh giá năng lực người học cũng như tình trạng trang thiết bị phục vụ đào tạo.

Trường có nhiều hình thức duy trì kết nối với HSSV đang học cũng như đã tốt nghiệp thông qua nhóm zalo, facebook trên mạng xã hội, xây dựng hệ thống khảo sát online giúp Trường tăng cường khả năng thu thập thông tin phục vụ mục đích nâng cao chất lượng đào tạo.

*\* Những tồn tại:* Không có.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Năm học 2021 – 2022, các đơn vị liên quan khảo sát tiếp tục sử dụng google form để khảo sát mức độ hài lòng của HSSV đối với công tác giảng dạy mô đun/ môn học đang được đào tạo tại trường.

**Điểm đánh giá tiêu chí 7**

| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá** |
| --- | --- |
| **Tiêu chí 7** | **16 điểm** |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 điểm |
| Tiêu chuẩn 8 | 2 điểm |

##### Tiêu chuẩn 7.1

*Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Công tác giám sát, đánh giá chất lượng nhà trường luôn được lãnh đạo trường quan tâm hàng đầu, hàng năm việc giám sát, đánh giá và cải thiện nâng cao chất lượng trường được thực hiện thông qua tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp qua hệ thống tiêu chí của BLĐTBXH để xác định điểm tồn tại và đưa ra biện pháp cụ thể khắc phục.

Việc thu thập ý kiến của doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ là một kênh thông tin giúp Trường biết được sản phẩm đào tạo của Trường mình có đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, từ đó có kế hoạch chỉnh sửa chương trình đào tạo, cập nhật giáo trình cho phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của thị trường.

Hằng năm, trung tâm TS – ĐTTX là đơn vị đầu mối, lên kế hoạch khảo sát doanh nghiệp để lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động là HSSV mới tốt nghiệp của trường. Từ kết quả của khảo sát lần vết, trung tâm TS – ĐTTX sẽ chọn ngẫu nhiên Doanh nghiệp cần khảo sát theo điều kiện yêu cầu của từng nghề. Liên hệ từng Doanh nghiệp để lấy thông tin liên lạc và sau đó lên kế hoạch gặp gỡ Doanh nghiệp để khảo sát ý kiến. Kết quả khảo sát về năng lực của học sinh tốt nghiệp so với yêu cầu về năng lực của doanh nghiệp đối với kiến thức lý thuyết về nghề; kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, thái độ làm việc thì mức năng lực của học viên tốt nghiệp của nhà trường cơ bản đáp ứng cao hơn so với yêu cầu của doanh nghiệp ở tất cả các hạng mục. *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***7.1.01 -***  *Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2021 (kèm danh sách DN khảo sát)).*

- Năm 2021: tổ chức khảo sát 61 Doanh nghiệp trong đó có 10 DN có HSSV của nghề KTSC, LRMT đã tốt nghiệp đang làm việc.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.1: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 7.2

*Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hằng năm, P.CTHSSV là đơn vị đầu mối, lên kế hoạch và tổ chức khảo sát ý kiến HSSV liên quan đến việc dạy và học. Sau đó, P.CTHSSV triển khai nhiệm vụ đến các đơn vị liên quan thực hiện theo kế hoạch, thu thập đầy đủ thông tin và viết báo cáo phân tích.

Việc thu thập ý kiến của Sinh viên sau khi tốt nghiệp là một kênh thông tin cũng khá hữu ích, giúp Nhà trường biết được HSSV của Trường mình có đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, có việc làm hay chưa, các kỹ năng được đào tạo tại Trường có đủ để bước vào làm việc thực tế hay phải qua đào tạo lại, nhu cầu tham gia học lên bậc học cao hơn.... Từ đó, BGH Nhà trường sẽ có kế hoạch điều chỉnh phù hợp cho sự phát triển chung của toàn trường. Phòng CTHSSV dựa vào thông tin HSSV từ khảo sát cơ bản hằng năm của HSSV đang theo học, để tiến hành lấy ý kiến HSSV vừa tốt nghiệp của các nghề đào tạo tại Trường về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy, chương trình, giáo trình và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học. *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2020, 2021;* ***2.2.11*** *- Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm năm 2021;* ***7.2.01 -***  *Báo cáo kết quả khảo sát Lần vết (kèm danh sách HSSV khảo sát)).*

Kết quả khảo sát được thu thập như sau:

- Năm 2021: tổ chức lần vết được 369 HSSV (trên 704 HSSV tốt nghiệp) trong đó khảo sát được 10 SV của nghề KTSC, LRMT vừa tốt nghiệp. Trong đó có 8 SV đi làm, 1 SV đi học tiếp, 1 SV đi nghĩa vụ, làm đúng ngành nghề 8 HSSV, tỷ lệ đạt 100%.

+ Về Đánh giá chất lượng đào tạo: 10/10 đồng ý - 100%, 100% hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.2: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 7.3

*Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hằng năm, P.ĐBCL-KT là đơn vị đầu mối, lên kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của CBQL, NG về cơ sở vật chất, thiết bị và các vấn đề khác về chính sách liên quan đến việc dạy và học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm*(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***7.3.01*** *- Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo năm 2021;* ***3.1.01*** *- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***3.7.02*** *- Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nghề KTSC, LRMT).*

- Năm 2021: khảo sát 91/91 CBQL, NG (tỷ lệ 100 %). Trong đó, có 15/15 CBQL, NG có liên quan nghề KTSC, LRMT. Kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá tốt trở lên 13/15, đạt 86,7%;

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.3: 2 điểm*.**

***Tiêu chuẩn 7.4***

*Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hằng năm, P.CTHSSV lên kế hoạch thực hiện việc lấy ý kiến của HSSV đang theo học các nghề đào tạo tại Trường (chia đều cho các khoa) về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học, tỷ lệ đánh giá các nội dung liên quan mức đồng ý, hoàn toàn đồng ý - 85.7% *(****1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***7.4.01*** *- Báo cáo khảo sát HSSV các nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của hình thức, phương thức đào tạo chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường năm 2021;* ***7.4.02*** *- Danh sách người học nghề (KTSC, LRMT) được thu thập ý kiến hàng năm;* ***3.3.01*** *- Báo cáo số liệu HSSV năm 2021).*

- Năm 2021: khảo sát 2203/2431 HSSV (tỷ lệ 90,6%). Trong đó có 62/65 (tỷ lệ 95,4%) khảo sát được. Kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá mức Đạt yêu cầu trở lên đạt 56/ 62 phiếu, tỷ lệ trên 90%;

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.4: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 7.5

*Cơ sở thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng Trường và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo thông tư số 28/2017/TT - BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT - BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ - TB&XH. Hằng năm, P.ĐBCL-KT sẽ thành lập hội đồng tự đánh giá bao gồm: Đại diện Ban giám hiệu, P.ĐBCL-KT, chuyên viên P.ĐBCL-KT và thành viên trong khoa và đại diện Doanh nghiệp do khoa giới thiệu. Phòng ĐBCL-KT phối hợp với Khoa lên kế hoạch và thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo qui định. Sau khi kế hoạch được duyệt, P.ĐBCL-KT gửi các đơn vị liên quan và họp triển khai. Các thành viên trên cơ sở được phân công mô tả và đánh giá các tiêu chí theo kế hoạch sẽ tự đánh giá và gửi về thư ký hội đồng tổng hợp và viết báo cáo. Sau khi họp góp ý điều chỉnh báo cáo tự đánh giá lần 1, thư ký hội đồng gửi báo cáo cho các thành viên hội đồng góp ý lần 2. Sau khi họp thông qua báo cáo tự đánh giá CTĐT, thư ký sẽ gửi báo cáo tới Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT và chuẩn bị nôi dung họp về công bố kết quả tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo sau khi được họp công bố kết quả sẽ được công khai trên Webside của trường và theo quy định. *(****7.5.01*** *- Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***7.5.02*** *- Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề KTSC, LRMT năm 2021;* ***7.5.03*** *- Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng năm 2021;* ***7.5.04*** *- Hình chụp Web trường đăng báo cáo tự đánh giá nghề KTSC, LRMT)*.

Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT các năm đều đạt chất lượng chương trình đào tạo cụ thể: năm 2021 đạt 92/100 điểm

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.5: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 7.6

*Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có)*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Với mục tiêu luôn nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã duy trì công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp suốt từ năm 2008 đến nay. Bên cạnh đó, công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm cũng được lãnh đạo Nhà trường quan tâm.

Hằng năm, Phòng ĐBCL-KT phối hợp cùng Khoa ĐT-ĐKTĐ và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương đào tạo nghề KTSC, LRMT dự vào việc tự đánh giá chất lượng của năm trước. Các nội dung cải thiện bao gồm: rà soát, điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo sát với thực tiễn nghề nghiệp; rà soát, điều chỉnh giáo trình liên quan đến chương trình; phối hợp phòng QTTB rà soát, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo để có kế hoạch đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị và điều chỉnh định mức tiêu hao vật tư; Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy.

Báo cáo tự đánh giá năm 2020: đạt 90/100 điểm; 5 tiêu chuẩn không đạt, Khoa - Trường đã có kế hoạch khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt cho năm tiếp theo.

Báo cáo tự đánh giá năm 2021: đạt 92/100 điểm; 4 tiêu chuẩn không đạt là 2.1; 3.3; 4.8; 5.3. Tiêu chuẩn 3.1: đã được khắc phục do đã cử GV tham gia các hóa học bồi dưỡng và thi kỹ năng nghề. Khoa - Trường đã có kế hoạch khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt cho năm tiếp theo.

*(****7.5.03*** *- Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng năm 2021;* ***7.6.01*** *- Kế hoạch khắc phục những tồn tại sau tự đánh giá của năm 2021;* ***7.6.02*** *- Báo cáo khắc phục sau tự đánh giá chất lượng năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.6: 2 điểm*.**

##### Tiêu chuẩn 7.7

*Trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào*.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm Phòng CTHSSV thực hiện khảo sát lần vết HSSV sau khi tốt nghiệp, trong đó HSSV của nghề KTSC, LRMT ***1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2020, 2021;* ***2.2.11*** *- Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm năm 2021;* ***7.2.01 -***  *Báo cáo kết quả khảo sát Lần vết (kèm danh sách HSSV khảo sát)).*

Kết quả khảo sát được thu thập như sau:

- Năm 2021: tổ chức lần vết được 369 HSSV (trên 704 HSSV tốt nghiệp) trong đó khảo sát được 10 SV của nghề KTSC, LRMT vừa tốt nghiệp. Trong đó có 8 SV đi làm, 1 SV đi học tiếp, 1 SV đi nghĩa vụ, làm đúng ngành nghề 8 HSSV, tỷ lệ đạt 100%.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.7: 2 điểm***

##### Tiêu chuẩn 7.8

*Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động*.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hằng năm, TT KNN&QHDN là đơn vị đầu mối, lên kế hoạch khảo sát doanh nghiệp để lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động là HSSV mới tốt nghiệp của trường. Từ kết quả của khảo sát lần vết, Trung tâm BDKNN&QHDN sẽ chọn ngẫu nhiên Doanh nghiệp cần khảo sát theo điều kiện yêu cầu của từng nghề. Liên hệ từng Doanh nghiệp để lấy thông tin liên lạc và sau đó lên kế hoạch gặp gỡ Doanh nghiệp để khảo sát ý kiến. Từ số liệu khảo sát Doanh nghiệp, TT BDKNN & QHDN sẽ thống kê được tỷ lệ hài lòng mà Doanh nghiệp đã đánh giá cho từng HSSV đã và đang làm việc tại DN. Kết quả khảo sát cho thấy mức năng lực của học viên tốt nghiệp được khảo sát về cơ bản đáp ứng cao hơn so với yêu cầu của doanh nghiệp ở tất cả các hạng mục. Đây cũng là biểu hiện tích cực, cho thấy lãnh đạo và đội ngũ cán bộ giảng viên của nhà trường đã không ngừng nỗ lực cải thiện chương trình đào tạo, cơ sở vật chất cùng các phương pháp đào tạo… (***1.1.12*** *– Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.13*** *- Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021;* ***1.1.14*** *- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2020, 2021;* ***7.1.01 -***  *Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp (kèm danh sách DN khảo sát)).*

Qua việc phân tích kết quả khảo sát cho thấy năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp được doanh nghiệp đánh giá đáp ứng ở mức khá cao, cụ thể: (mức đánh giá gồm 3 mức: Không áp ứng, Đáp ứng, Đáp ứng hoàn toàn)

- Kiến thức lý thuyết nghề:

+ Năm 2021: 10 DN được khảo sát; 100% DN đánh giá từ mức Đáp ứng trở lên.

- Kỹ năng thực hành nghề:

+ Năm 2021: 10 DN được khảo sát; 80 % DN đánh giá từ mức Đáp ứng trở lên.

- Kỹ năng mềm:

+ Năm 2021: 10 DN được khảo sát; 80% DN đánh giá từ mức Đáp ứng trở lên.

- Thái độ làm việc:

+ Năm 2021: 10 DN được khảo sát; 80% DN đánh giá từ mức Đáp ứng trở lên.

Như vậy, đánh giá về các năng lực và kỹ năng mà HSSV ra trường, 100% Doanh nghiệp đều đánh giá từ mức Hài lòng trở lên.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.8: 2 điểm**

# PHẦN C: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

* Tổ chức các hội thảo, chuyên đề về công nghệ mới với sự tham gia của các chuyên gia thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, cơ khí, điện tử tự động.
* Phối hợp với Doanh nghiệp trong việc rà soát, xây dựng CTĐT, GTĐT theo nhu cầu của Doanh nghiệp. Xây dựng mới các mô đun chuyên ngành đào tạo kép tại doanh nghiệp.
* Tăng cường, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học của đội ngũ Giảng viên, HSSV chuyên ngành Điện tử, máy tính.
* Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị phù hợp với công nghệ từ các nguồn dự án, chương trình mục tiêu hàng năm. Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh và bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng và bảo dưỡng, sửa chữa các phòng học, xưởng thực hành phù hợp hơn với thực tế, sát thực với các quy định mới do Nhà nước ban hành.
* Đẩy mạnh liên kết với các trường đại học trên địa bàn tổ chức hoạt động đào tạo liên thông.
* Liên kết với các doanh nghiệp, các hiệp hội nghề tạo điều kiện và cơ hội nhiều hơn cho người học thực tập, học thực hành tại doanh nghiệp và tăng cơ hội lựa việc làm sau khi tốt nghiệp.
* Lập kế hoạch tổ chức tư vấn và định hướng nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên. Xây dựng các mô hình khởi nghiệp cho HSSV.
* Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, hoạt động tư vấn việc làm.
* Lập kế hoạch bồi dưỡng Cán bộ quản lý khoa, giảng viên về công tác đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo tại khoa; kế hoạch cử CBQL khoa tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Tiếp tục đưa giảng viên tham gia bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định.
* Đưa chương trình chất lượng cao vào tuyển sinh trong năm tới, hướng tới kiểm định CTĐT theo chuẩn quốc tế.

# PHẦN D: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

## ĐỀ XUẤT

- Đầu tư trang thiết bị giảng dạy nhằm đảm bảo đủ chủng loại, số lượng đáp ứng công nghệ 4.0.

- Tiếp tục triển khai xây dựng đề án chương trình đào tạo nghề chất lượng cao.

- Hướng đến kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn Quốc tế.

## II. KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị liên quan đến hoàn thiện bộ dự thảo tiêu chí: Không có.

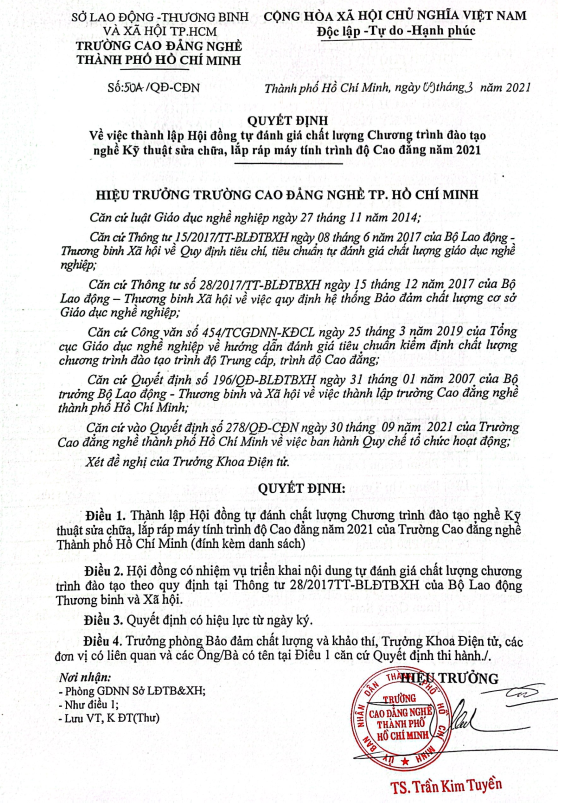
2. Đề xuất, kiến nghị khác: Không có./.

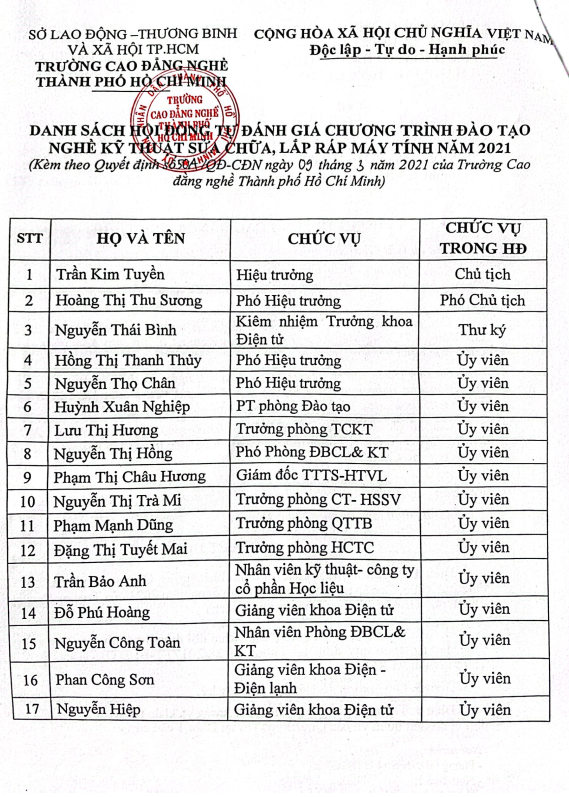
*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng năm 2021*

**HIỆU TRƯỞNG**

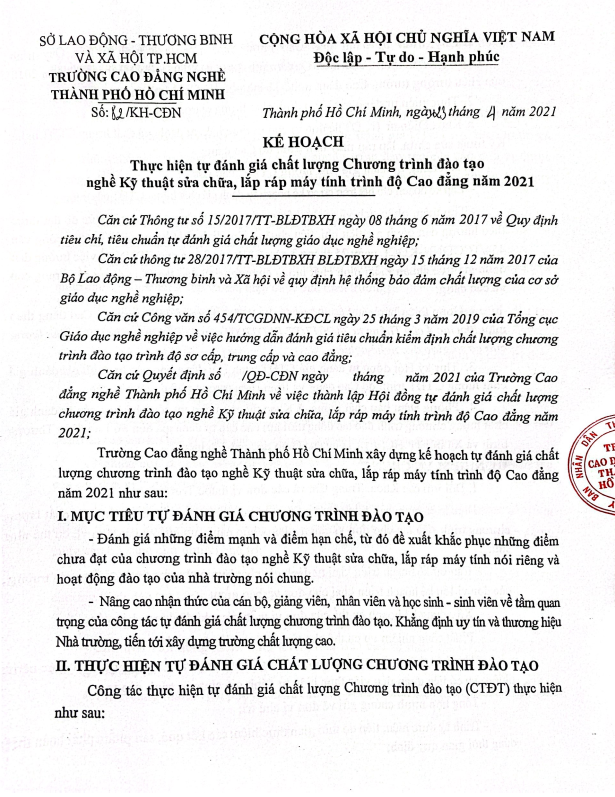
# PHỤ LỤC

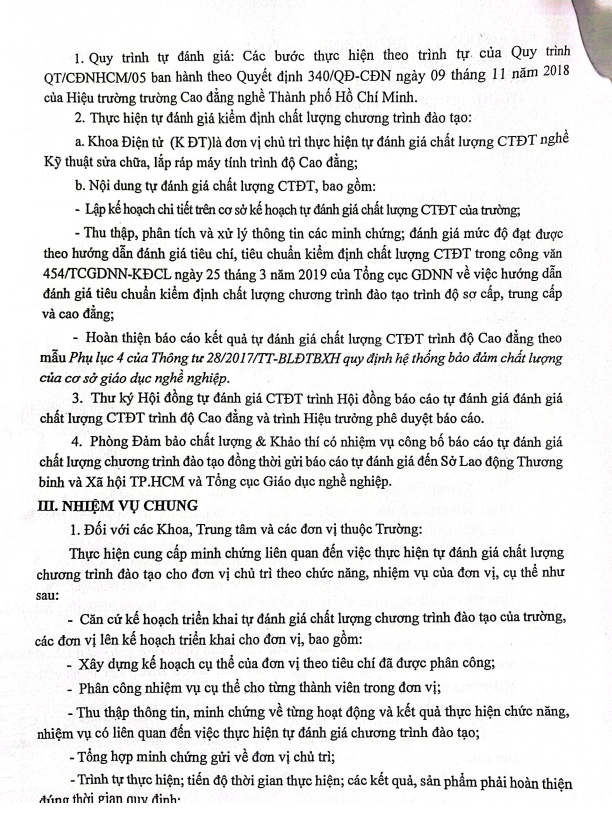
## Quyết định thành lập hội đồng

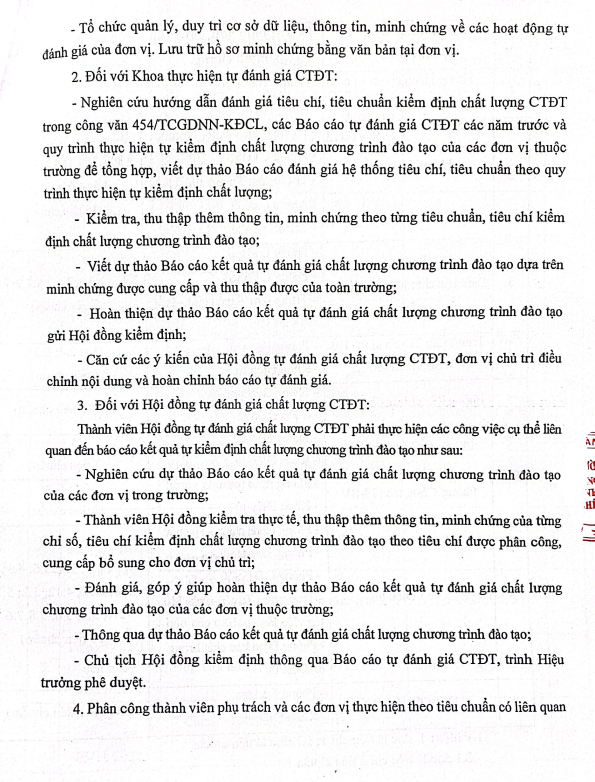
****

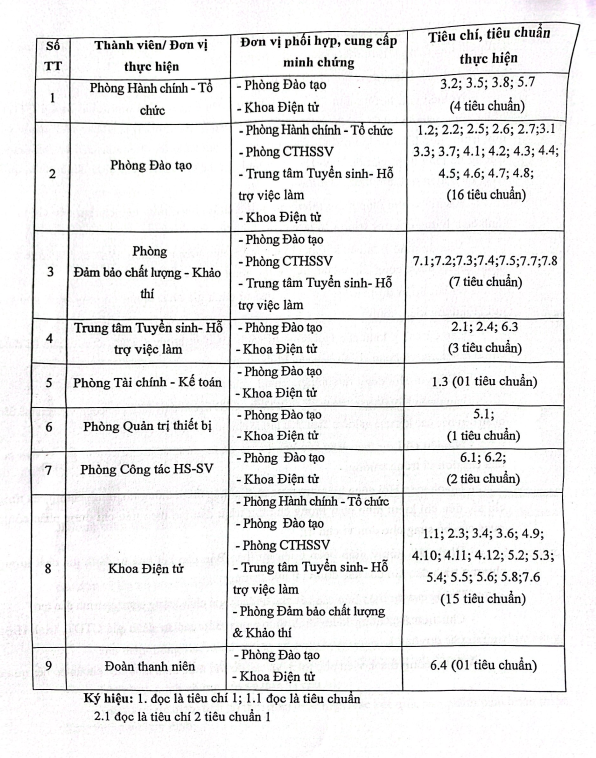
****

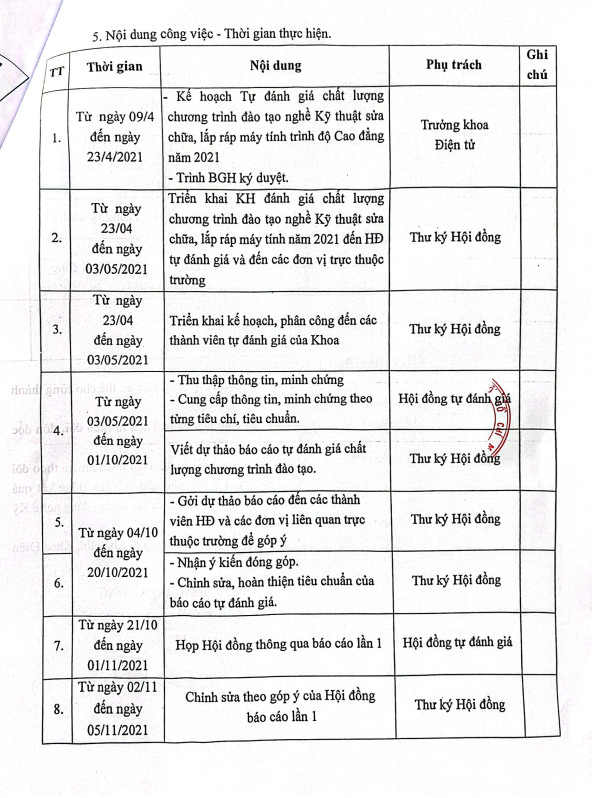
## Kế hoạch thực hiện tự đánh giá

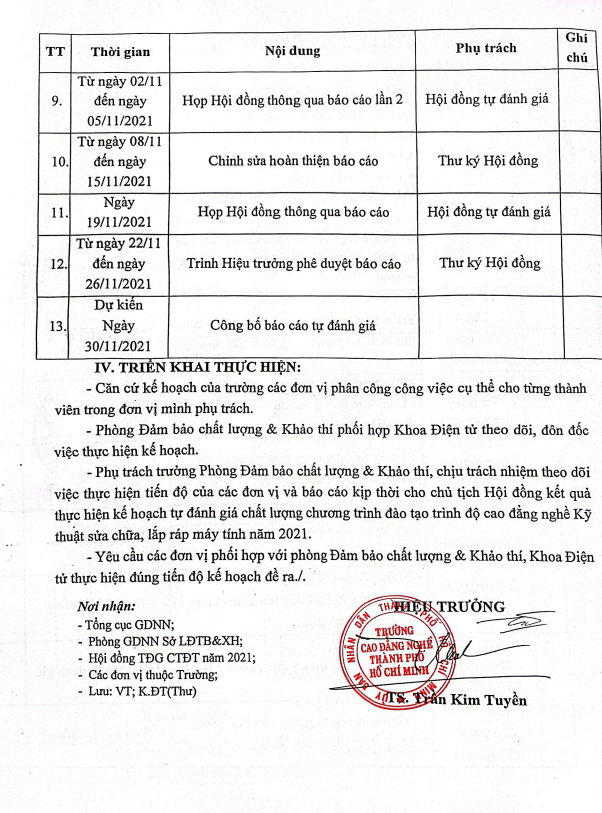












# Bảng mã minh chứng

**BẢNG MÃ MINH CHỨNG**

| **TT** | **Tiêu chí** | **Tiêu chuẩn** | **Chỉ số** | **Mã MCC** | **Tên minh chứng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | 1.1 | 1.1.01 |  | Quyết định về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh số 196/QĐ-BLĐTBXH ngày 31 tháng 01 năm 2007 |
|  |  |  | 1.1.02 |  | Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp |
|  |  |  | 1.1.03 |  | Các Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  | 1.1.04 |  | Báo cáo phân tích thị trường lao động năm và dự báo nhu cầu nhân lực năm 2020, 2021 tại TPHCM. |
|  |  |  | 1.1.05 |  | www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo; Các thông báo tuyển dụng; Các thông báo tuyển dụng |
|  |  |  | 1.1.06 |  | Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT; CTĐT chi tiết MH,MĐ trình độ TC, CĐ, liên thông CĐ, năm 2021 |
|  |  |  | 1.1.07 |  | Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  | 1.1.08 |  | Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  | 1.1.09 |  | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  | 1.1.10 |  | Kế hoạch hoạt động Ban thanh tra nhân dân năm 2021; Lịch làm việc của ban thanh tra nhân dân năm 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2021 |
|  |  |  | 1.1.11 |  | Báo cáo tổng kết hoạt động ban thanh tra nhân dân năm năm 2021 |
|  |  |  | 1.1.12 |  | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  | 1.1.13 |  | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  | 1.1.14 |  | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **1** | 1.2 |  | 1.1.03 | Các Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  | 1.2.01 |  | Các Quyết định V/v Ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  | 1.2.02 |  | Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 |
|  |  |  | 1.2.03 |  | Các Quyết định ban hành Quy chế làm việc của trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  | 1.2.04 |  | Báo cáo kết quả công tác của khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021 |
|  |  |  | 1.2.05 |  | Báo cáo tổng kết công tác năm học và phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học 2021 |
|  |  |  | 1.2.06 |  | Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua 2021 |
|  | **1** | 1.3 | 1.3.01 |  | Quyết định ban hành Quy chế quản lý tài chính của Trường CĐ Nghề Tp.HCM số 413/QĐ-CĐN ngày 31 tháng 12 năm 2019 |
|  |  |  | 1.3.02 |  | Bảng dự toán định mức chi phí đào tạo cho từng HSSV nghề KTSC, LRMT năm 2021; |
|  |  |  | 1.3.03 |  | Dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2021 |
|  |  |  | 1.3.04 |  | Báo cáo tài chính năm 2021 |
|  |  |  | 1.3.05 |  | Thông báo thu học phí học nghề kỳ I & II năm học 2021 |
|  |  |  | 1.3.06 |  | Báo cáo tổng hợp thu học phí, lệ phí năm 2020, 2021 |
|  |  |  | 1.3.07 |  | Quyết định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 |
|  |  |  | 1.3.08 |  | Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 |
|  |  |  | 1.3.09 |  | Thuyết minh dự toán chi phí đào tạo năm 2021 |
|  |  |  | 1.3.10 |  | Báo cáo thực hiện nhiệm vụ và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 (P.TCKT) |
|  |  |  | 1.3.11 |  | Kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021 |
|  |  |  | 1.3.12 |  | Báo cáo kết quả thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính năm 2020, 2021 |
|  |  |  | 1.3.13 |  | Ảnh chụp Bảng niêm yết thông tin tại Phòng TC-KT |
|  |  |  | 1.3.14 |  | Ảnh chụp Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp IMAS |
|  |  |  |  | 1.1.11 | Báo cáo tổng kết hoạt động ban thanh tra nhân dân năm năm 2021 |
|  | **2** | 2.1 | 2.1.01 |  | Quyết định và Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và liên thông năm học 2021 |
|  |  |  | 2.1.02 |  | Kế hoạch về việc triển khai hoạt động năm học 2021 |
|  |  |  | 2.1.03 |  | Kế hoạch tư vấn tuyển sinh và tư vấn việc làm cho HS-SV năm học 2021 |
|  |  |  | 2.1.04 |  | Quyết định về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2021 |
|  |  |  | 2.1.05 |  | Quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm học 2021 |
|  |  |  | 2.1.06 |  | Quyết định về việc thành lập Ban phúc tra hội đồng tuyển sinh năm học 2021 |
|  |  |  | 2.1.07 |  | (Thông báo về giao chỉ tiêu) Kế hoạch triển khai thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2021 |
|  |  |  | 2.1.08 |  | Thông báo tuyển sinh năm 2021 |
|  |  |  | 2.1.09 |  | Các Biên bản họp của Hội đồng tuyển sinh 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.02 | Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp |
|  |  |  | 2.1.10 |  | Thông báo về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ của SLĐTBXH đối với Trường CĐN TP.HCM năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.05 | www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo; Các thông báo tuyển dụng |
|  |  |  | 2.1.11 |  | Hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển trình độ cao đẳng, trung cấp |
|  |  |  | 2.1.12 |  | Các Quyết định công nhận HSSV trúng tuyển năm 2021 |
|  |  |  | 2.1.13 |  | Quyết định về việc thành lập các lớp TC, CĐ, CĐ-LT năm 2021 |
|  |  |  | 2.1.14 |  | Báo cáo kết quả hoạt động năm và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 (TTTS&HTVL) |
|  |  |  | 2.1.15 |  | Các biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2021 |
|  |  |  | 2.1.16 |  | Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021; Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021 |
|  |  |  | 2.1.17 |  | Báo cáo công tác tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.10 | Kế hoạch hoạt động Ban thanh tra nhân dân năm 2021; Lịch làm việc của ban thanh tra nhân dân năm 2021,2022; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.11 | Báo cáo tổng kết hoạt động ban thanh tra nhân dân năm năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **2** | 2.2 |  | 1.1.02 | Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp |
|  |  |  | 2.2.01 |  | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM năm 2017; 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  | 2.2.02 |  | Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm học 2020 - 2021, 2021- 2022 |
|  |  |  | 2.2.03 |  | Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm học 2020 - 2021, 2021- 2022, |
|  |  |  | 2.2.04 |  | Thời khóa biểu theo từng học kỳ năm học 2020-2021, 2021-2022, |
|  |  |  | 2.2.05 |  | Sổ lên lớp năm học 2020-2021, 2021-2022, |
|  |  |  | 2.2.06 |  | Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2020 - 2021, 2021-2022, |
|  |  |  | 2.2.07 |  | Sổ tay giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022 |
|  |  |  | 2.2.08 |  | Kế hoạch giảng dạy năm học 2021 |
|  |  |  | 2.2.09 |  | Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp và các Ban trực thuộc năm 2021 |
|  |  |  | 2.2.10 |  | Các biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2021 |
|  |  |  | 2.2.11 |  | Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm năm 2021 |
|  |  |  | 2.2.12 |  | Quyết định việc Ban hành Quy chế hoạt động tự thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh số 132/QĐ-CĐN ngày 07/5/2018 |
|  |  |  |  | 2.1.16 | Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021; Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.1.17 | Báo cáo công tác tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.10 | Kế hoạch hoạt động Ban thanh tra nhân dân năm 2021; Lịch làm việc của ban thanh tra nhân dân năm 2021,2022; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.11 | Báo cáo tổng kết hoạt động ban thanh tra nhân dân năm năm 2021 |
|  | **2** | 2.3 |  | 2.1.02 | Kế hoạch về việc triển khai hoạt động năm học 2021-2022 |
|  |  |  |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 2.2.02 | Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm học 2020 - 2021, 2021- 2022, |
|  |  |  |  | 2.2.03 | Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm học 2020 - 2021, 2021- 2022, |
|  |  |  |  | 2.2.04 | Thời khóa biểu theo từng học kỳ năm học 2020-2021, 2021- 2022, , |
|  |  |  |  | 2.2.05 | Sổ lên lớp năm học 2020-2021, 2021-2022, |
|  |  |  |  | 2.2.06 | Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2020 - 2021, 2021-2022, |
|  |  |  |  | 2.2.07 | Sổ tay giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022 |
|  |  |  |  | 2.2.08 | Kế hoạch giảng dạy năm học 2021 |
|  |  |  |  | 2.1.16 | Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021; Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.1.17 | Báo cáo công tác tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021 |
|  |  |  | 2.3.01 |  | Phần mềm EMIS quản lý đào tạo |
|  |  |  | 2.3.02 |  | Hướng dẫn sử dụng Phần mềm PMT-EMS Education |
|  |  |  | 2.3.03 |  | Hình chụp Phần mềm mô phỏng Cisco packet tracer, Microsoft Visio, Eagle, phần mềm nạp Rom Bios, phần mềm giả lập Vmware Workstation, phần mềm lập trình CCS |
|  |  |  | 2.3.04 |  | Danh sách các mô đun/ mô học có sử dụng phần mềm hổ trợ giảng dạy và mô phỏng |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **2** | 4 |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM |
|  |  |  |  | 2.2.11 | Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm năm 2021 |
|  |  |  | 2.4.01 |  | Hợp đồng ghi nhớ về việc hợp tác đào tạo và cung ứng lao động giữa nhà trường với Doanh nghiệp |
|  |  |  | 2.4.02 |  | Kế hoạch về việc thực tập tốt nghiệp năm 2021 |
|  |  |  | 2.4.03 |  | Công văn đề nghị tiếp nhận HSSV đến thực tập tốt nghiệp năm 2021 |
|  |  |  | 2.4.04 |  | Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động 2021 |
|  |  |  | 2.4.05 |  | Đề cương thực hành, thực tập tốt nghiệp năm 2021 |
|  |  |  | 2.4.06 |  | Phiếu nhận xét thực tập của HSSV có xác nhận của doanh nghiệp 2021 |
|  |  |  | 2.4.07 |  | Danh sách công ty nhận thực tập tốt nghiệp năm 2021 (Kèm danh sách SV cử đi thực tập tốt nghiệp) |
|  |  |  | 2.4.08 |  | Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực tập 2021 |
|  |  |  | 2.4.09 |  | Báo cáo về việc thực tập tốt nghiệp của HSSV năm 2021 |
|  |  | 5 |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM |
|  |  |  | 2.5.01 |  | Các quy trình quản lý việc Dạy, học, thi kết thúc MĐ/MH (kèm QĐ công nhận sáng kiến năm 2023) |
|  |  |  | 2.5.02 |  | Hồ sơ thi kết thúc môn học, mô đun(theo QT/QCĐT/01) |
|  |  |  | 2.5.03 |  | Quyết định về việc ban hành Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học sinh sinh viên: QT/P.CTHSSV/05 |
|  |  |  | 2.5.04 |  | Biên bản xét kết quả rèn luyện, học bổng cho HSSV năm học 2021- |
|  |  |  | 2.5.05 |  | Quyết định về việc công nhận kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021(Danh sách đính kèm) |
|  |  |  | 2.5.06 |  | Báo cáo kết quả công tác học sinh sinh viên năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 |
|  |  |  | 2.5.07 |  | Thông báo lịch thi tốt nghiệp nghề các lớp TC, CĐ năm 2021 |
|  |  |  | 2.5.08 |  | Quyết định ban hành Quy trình Quản lý hoạt động thi tốt nghiệp |
|  |  |  |  | 2.2.09 | Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp và các Ban trực thuộc năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.2.10 | Các biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.2.11 | Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm năm 2021 |
|  |  |  | 2.5.08 |  | Quyết định ban hành Quy trình Quản lý hoạt động thi tốt nghiệp: QT/P.ĐT/03 |
|  |  |  | 2.5.09 |  | Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác thi tốt nghiệp năm 2021 |
|  |  |  | 2.5.10 |  | Báo cáo công tác tổ chức thi tốt nghiệp TC, CĐ năm 2021 |
|  |  |  | 2.5.11 |  | Quyết định ban hành Quy trình công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng: QT/P.ĐT/04 |
|  |  |  | 2.5.12 |  | Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp |
|  |  |  |  | 2.1.16 | Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021; Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.1.17 | Báo cáo công tác tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021 |
|  |  |  | 2.5.13 |  | Biên bản về việc kiểm tra cấp phát bằng năm 2021 |
|  | **2** | 2.6 |  | 1.1.03 | Các Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  |  | 2.2.12 | Quyết định việc Ban hành Quy chế hoạt động tự thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh số 132/QĐ-CĐN ngày 07/5/2018 |
|  |  |  |  | 2.1.16 | Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021; Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.1.17 | Báo cáo công tác tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.5.01 | Các quy trình quản lý việc Dạy, học, thi kết thúc MĐ/MH (kèm QĐ công nhận sáng kiến năm 2021) |
|  |  |  | 2.6.01 |  | Biên bản họp bình xét thi đua tháng, năm của khoa năm 2021 |
|  |  |  | 2.6.02 |  | Quyết định về việc chuẩn y Ban thanh tra nhân dân |
|  |  |  |  | 1.1.10 | Kế hoạch hoạt động Ban thanh tra nhân dân năm 2021; Lịch làm việc của ban thanh tra nhân dân năm 2021,2022; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.11 | Báo cáo tổng kết hoạt động ban thanh tra nhân dân năm năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **2** | 2.7 |  | 2.1.01 | Quyết định và Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và liên thông năm học 2021-2022-2024 |
|  |  |  |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM |
|  |  |  |  | 2.2.02 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 2.1.08 | Thông báo tuyển sinh năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  | 2.7.01 |  | Chương trình chi tiết trình độ Cao đẳng liên thông |
|  |  |  |  | 2.1.02 | Kế hoạch về việc triển khai hoạt động năm học 2021 |
|  |  |  | 2.7.02 |  | Hợp đồng hỗ trợ phục vụ đào tạo, liên kết đào tạo; Biên bản ghi nhớ |
|  |  |  | 2.7.03 |  | Chương trình đào tạo nghề Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử của Đại học SPKT Vinh |
|  |  |  | 2.7.04 |  | Báo cáo năng lực liên kết đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học |
|  |  |  | 2.7.05 |  | CV 2814/ĐHSPKT-ĐTKCQ, về việc công nhận chất lượng chương trình đào tạo |
|  |  |  | 2.7.06 |  | Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông cao đẳng, cao đẳng nghề lên đại học năm 2021 (trường ĐH) |
|  | **3** | 3.1 | 3.1.01 |  | Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  | 3.1.02 |  | Danh sách trích ngang GV mời thỉnh giảng nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  | 3.1.03 |  | Danh sách giảng viên dạy mỗi mô đun/ môn học nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  | 3.1.04 |  | Hồ sơ nhà giáo Khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021,2022 |
|  |  |  | 3.1.05 |  | Đề án vị trí việc làm (lưu HCTC) |
|  |  |  |  | 1.2.02 | Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.2.03 | Các Quyết định ban hành Quy định về lề lối làm việc của trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **3** | 3.2 |  | 1.2.03 | Các Quyết định ban hành Quy định về lề lối làm việc của trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  | 3.2.01 |  | Quyết định Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh |
|  |  |  | 3.2.02 |  | Các Quyết định ban hành về công tác thi đua, khen thưởng |
|  |  |  | 3.2.03 |  | Bảng điểm xét thi đua hàng tháng của CB-VC-NLĐ và GV |
|  |  |  |  | 3.1.04 | Hồ sơ nhà giáo Khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021 |
|  |  |  | 3.2.04 |  | Danh sách tổng hợp bình bầu thi đua tháng, năm của Trường năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.2.03 | Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm học 2020 - 2021, 2021- 2022, |
|  |  |  |  | 1.2.04 | Báo cáo kết quả công tác của Khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.2.05 | Báo cáo tổng kết công tác năm học và phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học 2021 |
|  |  |  |  | 1.2.06 | Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua 2021 |
|  | **3** | 3.3 |  | 3.2.01 | Quyết định Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh |
|  |  |  |  | 1.2.03 | Các Quyết định ban hành Quy định về lề lối làm việc của trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  |  | 1.2.02 | Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.1.01 | Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.1.02 | Danh sách trích ngang GV mời thỉnh giảng nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.1.04 | Hồ sơ nhà giáo Khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 2.2.02 | Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm học 2020 - 2021, 2021- 2022 |
|  |  |  |  | 2.2.03 | Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm học 2020 - 2021, 2021- 2022 |
|  |  |  |  | 2.2.04 | Thời khóa biểu theo từng học kỳ năm học, 2021- 2022 |
|  |  |  |  | 2.1.13 | Quyết định về việc thành lập các lớp TC, CĐ năm 2021 |
|  |  |  | 3.3.01 |  | Báo cáo số liệu HSSV năm 2021 |
|  |  |  | 3.3.02 |  | Kế hoạch thực tập nghề nghiệp của nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2021 |
|  |  |  | 3.3.03 |  | Bảng tổng hợp giờ thỉnh giảng Khoa ĐT-ĐKTĐ |
|  |  |  | 3.3.04 |  | Bảng tổng hợp giờ phụ trội của giảng viên năm 2021 |
|  |  |  | 3.3.05 |  | Thống kê số lượng HSSV quy đổi nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  | 3.3.06 |  | Thống kê số lượng GV quy đổi nghề KTSC, LRMT |
|  | **3** | 3.4 |  | 1.2.02 | Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.1.01 | Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.1.04 | Hồ sơ nhà giáo Khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021,2022 |
|  |  |  | 3.4.01 |  | Quy chế về hoạt động nghiên cứu khoa học của trường CĐN TP.HCM năm 2019 |
|  |  |  | 3.4.02 |  | Kế hoạch đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học năm 2021 |
|  |  |  | 3.4.03 |  | Các Quyết định công nhận đề tài NCKH, Sáng kiến của nhà giáo ĐT-ĐKTĐ năm 2021 (kèm biên bản nghiệm thu, quyết định công nhận đề tài, sáng kiến |
|  |  |  | 3.4.04 |  | Quy trình quản lý đề tài nghiên cứu khoa học QT/P.QT-KH/03 |
|  |  |  | 3.4.05 |  | Quy trình xét công nhận sáng kiến QT/P.QT-KH/04 |
|  |  |  | 3.4.06 |  | Hồ sơ hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp trường (Kế hoạch, thông báo kết quả, phiếu đánh giá bài giảng năm 2021) |
|  |  |  | 3.4.07 |  | Bằng khen, giấy khen các cấp |
|  | **3** | 3.5 | 3.5.01 |  | Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức năm 2021 |
|  |  |  | 3.5.02 |  | Các Quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên, tham dự khóa bồi dưỡng năm 2020, 2021(kèm danh sách) |
|  |  |  | 3.5.03 |  | Các chứng chỉ hoàn thành khóa học của giảng viên trong năm 2021 |
|  |  |  | 3.5.04 |  | Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối viên chức, người lao động năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **3** | 3.6 |  | 1.2.03 | Các Quyết định ban hành Quy định về lề lối làm việc của trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  |  | 3.1.01 | Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.3.02 | Kế hoạch thực tập nghề nghiệp của nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2021 |
|  |  |  | 3.6.01 |  | Công văn cử nhà giáo đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021 |
|  |  |  | 3.6.02 |  | Báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp của giảng viên năm 202 |
|  |  |  | 3.6.03 |  | Hình ảnh GV đi học tập thực tế tại Doanh nghiệp |
|  |  |  | 3.6.04 |  | Danh sách GV đi thực tập thực tế tại Doanh nghiệp năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.5.05 | Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối viên chức, người lao động năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **3** | 3.7 |  | 3.1.01 | Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  | 3.7.01 |  | Danh sách cán bộ, viên chức, người lao động năm 2021 |
|  |  |  | 3.7.02 |  | Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  | 3.7.03 |  | Hồ sơ cán bộ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nghề KTSC, LRMT |
|  | **3** | 3.8 |  | 3.2.02 | Các Quyết định ban hành về công tác thi đua, khen thưởng |
|  |  |  |  | 3.2.04 | Danh sách tổng hợp bình bầu thi đua tháng, năm của Trường năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.2.04 | Báo cáo kết quả công tác của Khoa ĐT-ĐKTĐ năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.2.05 | Báo cáo tổng kết công tác năm học và phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học 2021 |
|  |  |  |  | 1.2.06 | Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua 2021 |
|  | **4** | 4.1 |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM |
|  |  |  | 4.1.01 |  | Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng, cao đẳng liên thông năm 2021,2022 |
|  |  |  |  | 1.1.07 | Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.08 | Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  | 4.1.02 |  | Quyết định ban hành Quy trình kèm bộ quy trình QT/P.ĐT/01, QT/P.QT-KH/02 |
|  |  |  | 4.1.03 |  | Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐLT năm 2017 ngày 12/4/2017; Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng và cao đẳng liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  | 4.1.04 |  | Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2017, 2021 |
|  |  |  | 4.1.05 |  | Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  | **4** | 4.2 |  | 4.1.01 | Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng, cao đẳng liên thông năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM |
|  |  |  |  | 1.1.07 | Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.1.02 | Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐLT năm 2017 ngày 12/4/2017; Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng và cao đẳng liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.1.03 | Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.08 | Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.1.04 | Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **4** | 4.3 | 4.3.01 |  | Thông báo chuẩn đầu ra |
|  |  |  |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành nghề đào tạo trình độ Trung cấp, cao đẳng |
|  |  |  |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM |
|  |  |  |  | 4.1.01 | Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng, cao đẳng liên thông năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.07 | Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.1.02 | Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐLT năm 2017 ngày 12/4/2017; Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun trình độ trung cấp, cao đẳng và cao đẳng liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.1.03 | Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.08 | Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.1.04 | Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2021 |
|  |  |  | 4.3.02 |  | Tổng hợp chương trình đào tạo năm 2017, 2021 |
|  |  |  | 4.3.03 |  | Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021 |
|  |  |  | 4.3.04 |  | Bảng so sánh CTĐT nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **4** | 4.4 |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM |
|  |  |  |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.3.02 | Tổng hợp chương trình đào tạo năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.3.03 | Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **4** | 4.5 |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.3.02 | Tổng hợp chương trình đào tạo năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.3.03 | Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **4** | 4.6 |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.3.02 | Tổng hợp chương trình đào tạo năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.3.03 | Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **4** | 4.7 |  | 1.1.04 | Báo cáo phân tích thị trường lao động năm và dự báo nhu cầu nhân lực năm 2020, 2021 tại TPHCM |
|  |  |  |  | 4.1.03 | Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.1.04 | Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.3.02 | Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.6.04 | Danh sách GV đi thực tập thực tế tại Doanh nghiệp năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **4** | 4.8 |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 2.1.01 | Quyết định và Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và liên thông năm học 2021 - 2022-2024 |
|  |  |  |  | 2.1.03 | Kế hoạch tư vấn tuyển sinh và tư vấn việc làm cho HS-SV năm học 2021-2022 |
|  |  |  |  | 2.1.08 | Thông báo tuyển sinh năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.7.06 | CV 2814/ĐHSPKT-ĐTKCQ, về việc công nhận chất lượng chương trình đào tạo |
|  |  |  |  | 2.7.07 | Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông cao đẳng, cao đẳng nghề lên đại học năm 2021 |
|  |  |  | 4.8.01 |  | Phụ lục 17: Kế hoạch đào tạo liên thông kèm theo QĐ số 2876/QĐ-ĐHSPKT ngày 19 tháng 09 năm 2022 của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh |
|  |  |  | 4.8.02 |  | Thông báo của ĐH SPKT TPHCM về việc liên kết đào tạo Vừa làm vừa học |
|  | **4** | 4.9 |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.3.01 | Thông báo chuẩn đầu ra |
|  |  |  |  | 4.3.02 | Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021 |
|  |  |  | 4.9.01 |  | Các Quyết định Ban hành giáo trình |
|  |  |  | 4.9.02 |  | Tổng hợp danh mục giáo trình |
|  |  |  | 4.9.03 |  | Bản in giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  | 4.9.04 |  | Bảng thống kê Giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT |
|  | **4** | 4.10 |  | 1.1.09 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ và CĐ liên thông năm 2017, 2021 |
|  |  |  |  | 4.3.01 | Thông báo chuẩn đầu ra |
|  |  |  |  | 4.1.06 | Chương trình đào tạo chi tiết mô đun, môn học năm 2021 |
|  |  |  |  | 4.9.01 | Các Quyết định Ban hành giáo trình |
|  |  |  |  | 4.9.02 | Tổng hợp danh mục giáo trình |
|  |  |  |  | 4.9.03 | Bản in giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  |  | 4.9.04 | Bảng thống kê Giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  | 4.10.01 |  | Kế hoạch tổ chức rà soát biên soạn và bổ sung giáo trình năm 2021 |
|  |  |  | 4.10.02 |  | Quyết định ban hành Qui định về tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo của Trường Cao đẳng nghề TP. HCM số 188/QĐ-CĐN ngày 16/7/2018 |
|  |  |  | 4.10.03 |  | Quyết định về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  | 4.10.04 |  | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT (kèm kế hoạch thẩm định) |
|  |  |  | 4.10.05 |  | Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo các nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng |
|  | **4** | 4.11 |  | 4.9.01 | Các Quyết định Ban hành giáo trình |
|  |  |  |  | 4.9.02 | Tổng hợp danh mục giáo trình |
|  |  |  |  | 4.9.03 | Bản in giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  |  | 4.10.02 | Quyết định ban hành Qui định về tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo của Trường Cao đẳng nghề TP. HCM số 188/QĐ-CĐN ngày 16/7/2018 |
|  |  |  |  | 4.10.05 | Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo các nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **4** | 4.12 |  | 4.10.02 | Quyết định ban hành Qui định về tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo của Trường Cao đẳng nghề TP. HCM số 188/QĐ-CĐN ngày 16/7/2018 |
|  |  |  |  | 4.10.05 | Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo các nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng |
|  |  |  |  | 4.9.01 | Các Quyết định Ban hành giáo trình |
|  |  |  |  | 4.9.02 | Tổng hợp danh mục giáo trình |
|  |  |  |  | 4.9.03 | Bản in giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  |  | 4.9.04 | Bảng thống kê Giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  |  | 3.3.02 | Kế hoạch thực tập nghề nghiệp của nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.6.02 | Báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp của giảng viên năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **5** | 5.1 | 5.1.01 |  | Quyết định phê duyệt thiết kế thi công và dự toán số 239/SXD-GD-QĐ ngày 24/7/2002; Quyết định phê duyệt dự án trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 15/QĐ-SXD-TĐDA ngày 2/2/2016; Quyết định về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 1357/QĐ-SXD-GD-KTXD ngày 8/9/2017 |
|  |  |  | 5.1.02 |  | Bản vẽ hoàn công CS1, CS2 **(**Lưu P.QTTB) |
|  |  |  | 5.1.03 |  | Báo cáo hiện trạng sử dụng và quản lý đất năm 2021 |
|  |  |  | 5.1.04 |  | Bảng thống kê diện tích xây dựng của trường cơ sở 1; Hiện trạng sử dụng và quản lý đất số 33/QTTB ngày 26/12/2020; Hiện trạng sử dụng và quản lý đất số 38/QTTB ngày 10/12/2021 |
|  |  |  | 5.1.05 |  | Biên bản bàn giao công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng ngày 15/3/2022 (danh mục đính kèm) |
|  |  |  | 5.1.06 |  | Bảng thống kê số lượng phòng học lý thuyết, phòng thực hành Xưởng thực hành chuyên môn của nghề |
|  |  |  | 5.1.07 |  | Sơ đồ các khu xưởng, phòng máy của Khoa (sơ đồ trường) |
|  |  |  | 5.1.08 |  | Nội quy xưởng, Phòng máy |
|  |  |  | 5.1.09 |  | Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường CĐN TPHCM |
|  |  |  |  | 2.1.02 | Kế hoạch triển khai hoạt động năm học 2020-2021). |
|  |  |  | 5.1.10 |  | Bảng tổng hợp danh mục thiết bị đào tạo tại phòng học lý thuyết, phòng học thực hành của nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  | 5.1.11 |  | Sổ lý lịch máy |
|  |  |  | 5.1.12 |  | Báo cáo tình hình quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tình hình bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư năm 2021 |
|  |  |  | 5.1.13 |  | Hồ sơ thiết kế hệ thống điện của trường; Bản vẽ tủ điện tổng MDB sơ đồ đơn tuyến, Sơ đồ hệ thống cung cấp điện cơ sở 1 và cơ sở 2 |
|  |  |  | 5.1.14 |  | Hợp đồng mua bán điện, Hợp đống sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua bán điện |
|  |  |  | 5.1.15 |  | Hồ sơ Máy phát điện dự phòng |
|  |  |  | 5.1.16 |  | Hình Máy cung cấp nước uống nóng - lạnh |
|  |  |  | 5.1.17 |  | Hóa đơn điện, hóa đơn nước |
|  |  |  | 5.1.18 |  | Bản vẽ mặt bằng thoát nước toàn trường |
|  |  |  | 5.1.19 |  | Kế hoạch thực hiện và kiểm tra công tác vệ sinh; Danh sách đội ngũ nhân viên vệ sinh; Biên bản phân công công việc |
|  |  |  | 5.1.20 |  | Sơ đồ hệ thống thu gom rác và phế liệu, chất thải của toàn trường |
|  |  |  | 5.1.21 |  | các Hợp đồng thu gom rác sinh hoạt |
|  |  |  | 5.1.22 |  | Hợp đồng kinh tế số: 111/HĐ/CĐN-NT ngày 16/8/2021; Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 11324/KĐ-PCCC-P7 ngày 06/9/2021;Phiếu yêu cầu nghiệm thu bàn giao thiết bị PCCC (báo cháy) số 01/PYCNT/BGTB/PCCC-HTBC/CĐN/NT ngày 17/12/2021; Biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị PCCC (báo cháy) số 01/NTBGTB/PCCC-HTBC/CĐN/NT ngày 17/12/2021; Bản vẽ hoàn công PCCC). |
|  |  |  | 5.1.23 |  | Các Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ CS1 và CS2 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **5** | 5.2 | 5.2.01 |  | Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từ năm 2021 |
|  |  |  | 5.2.02 |  | Biên bản kiểm kê tài sản cố định Khoa ĐT-ĐKTĐ |
|  |  |  | 5.2.03 |  | Biên bản kiểm kê Công cụ dụng cụ năm 2021 Khoa ĐT-ĐKTĐ |
|  |  |  | 5.2.04 |  | Bảng vẽ bố trí vị trí đặt máy tại các phòng, xưởng Khoa ĐT-ĐKTĐ |
|  |  |  | 5.2.05 |  | CO, CQ giấy chứng nhận xuất xứ và xuất xưởng của các máy móc, thiết bị |
|  |  |  | 5.2.06 |  | các Hợp đồng mua sắm vật tư, trang thiết bị |
|  |  |  | 5.2.07 |  | Bảng tổng hợp thiết bị đào tạo (dự án) |
|  |  |  | 5.2.08 |  | Biên bản nghiệm thu – Bàn giao thiết bị |
|  |  |  | 5.2.09 |  | Các Biên bản họp về việc góp ý thiết bị đào tạo tại khoa |
|  |  |  |  | 5.1.09 | Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường CĐN TPHCM |
|  |  |  |  | 5.1.12 | Báo cáo tình hình quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tình hình bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **5** | 5.3 |  | 5.2.01 | Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từ năm 2021 |
|  |  |  |  | 5.1.08 | Nội quy xưởng, Phòng máy |
|  |  |  |  | 5.1.09 | Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường CĐN TPHCM số 327/QĐ-CĐN ngày 30/11/2020 |
|  |  |  |  | 2.1.02 | Kế hoạch triển khai hoạt động năm học 2021- |
|  |  |  |  | 2.1.13 | Quyết định về việc thành lập các lớp TC, CĐ, CĐ-LT năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.2.02 | Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm học 2020-2021, 2021- 2022 |
|  |  |  |  | 2.2.03 | Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm học 2020 - 2021, 2021- 2022 |
|  |  |  |  | 2.2.04 | Thời khóa biểu theo từng học kỳ năm học 2020 - 2021, 2021- 2022 |
|  |  |  |  | 5.1.10 | Bảng tổng hợp danh mục thiết bị đào tạo tại phòng học lý thuyết, phòng học thực hành của nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.3.05 | Thống kê số lượng HSSV quy đổi nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  |  | 3.3.01 | Báo cáo số liệu HSSV Quý 4 năm 2021 |
|  |  |  |  | 5.1.13 | Báo cáo tình hình quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tình hình bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư năm 2021 |
|  |  |  | 5.3.01 |  | Sổ theo dõi TSCĐ của khoa năm 2021 |
|  |  |  | 5.3.02 |  | Các hợp đồng thuê, mượn máy móc, thiết bị |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **5** | 5.4 |  | 5.2.04 | Bảng vẽ bố trí vị trí đặt máy tại các phòng, xưởng Khoa ĐT-ĐKTĐ |
|  |  |  |  | 5.1.09 | Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường CĐN TPHCM số 327/QĐ-CĐN ngày 30/11/2020 |
|  |  |  |  | 5.2.05 | CO, CQ giấy chứng nhận xuất xứ và xuất xưởng của các thiết bị |
|  |  |  |  | 5.2.06 | các Hợp đồng mua sắm vật tư, trang thiết bị |
|  |  |  |  | 5.2.07 | Bảng tổng hợp thiết bị đào tạo (dự án) |
|  |  |  |  | 5.2.08 | Biên bản nghiệm thu – Bàn giao thiết bị |
|  |  |  |  | 5.2.06 | Biên bản nghiệm thu – Bàn giao thiết bị |
|  |  |  |  | 5.1.08 | Nội quy xưởng, Phòng máy |
|  |  |  |  | 5.1.09 | Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường CĐN TPHCM |
|  |  |  |  | 5.1.11 | Sổ lý lịch máy |
|  |  |  |  | 5.1.12 | Báo cáo tình hình quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tình hình bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư năm 2021 |
|  |  |  |  | 5.1.22 | Hợp đồng kinh tế số: 111/HĐ/CĐN-NT ngày 16/8/2021; Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 11324/KĐ-PCCC-P7 ngày 06/9/2021;Phiếu yêu cầu nghiệm thu bàn giao thiết bị PCCC (báo cháy) số 01/PYCNT/BGTB/PCCC-HTBC/CĐN/NT ngày 17/12/2021; Biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị PCCC (báo cháy) số 01/NTBGTB/PCCC-HTBC/CĐN/NT ngày 17/12/2021; Bản vẽ hoàn công PCCC). |
|  |  |  | 5.4.01 |  | Hình ảnh các xưởng thực hành (hình chụp thực tế) |
|  |  |  | 5.4.02 |  | Bảng hướng dẫn vận hành máy |
|  |  |  | 5.4.03 |  | Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo tại khoa |
|  |  |  | 5.4.04 |  | Báo cáo kết quả bảo trì bảo dưỡng thiết bị đào tạo |
|  |  |  | 5.4.05 |  | Quy trình sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị: QT/P.QTTB/01 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021). |
|  | **5** | 5.5 | 5.5.01 |  | Quyết định ban hành Quy trình mua sắm và thanh toán hoạt động chi thường xuyên |
|  |  |  | 5.5.02 |  | Các Biên bản nghiệm thu - bàn giao |
|  |  |  | 5.5.03 |  | Giấy Đề xuất vật tư thực hành các lớp nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  | 5.5.04 |  | Sổ giao nhận vật tư (của khoa) |
|  |  |  | 5.5.05 |  | Quy trình mua và cấp phát vật tư, văn phòng phẩm: QT/P.QTTB/05 |
|  |  |  | 5.5.06 |  | Quyết định về việc thành lập Ban xây dựng định mức tiêu hao vật tư |
|  |  |  | 5.5.07 |  | Biên bản họp triển khai xây dựng định mức tiêu hao vật tư, Biên bản họp ban xây dựng định mức tiêu hao vật tư |
|  |  |  | 5.5.08 |  | Biên bản họp xây dựng định mức tiêu hao vật tư, Biên bản họp ban xây dựng định mức tiêu hao vật tư |
|  |  |  | 5.5.09 |  | Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định định mức tiêu hao vật tư |
|  |  |  | 5.5.10 |  | Biên bản họp thẩm định định mức tiêu hao vật tư |
|  |  |  | 5.5.11 |  | Quyết định ban hành định mức tiêu hao vật tư |
|  |  |  | 5.5.12 |  | Bảng phụ lục định mức tiêu hao vật tư nghề KTSC, LRMT (PL 02CĐ) |
|  |  |  | 5.5.13 |  | Quyết định thành lập Ban rà soát, điều chỉnh định mức KTKT năm 2020, 2021 |
|  |  |  | 5.5.14 |  | Biên bản họp triển khai rà soát, điều chỉnh định mức KTKT năm 2020, 2021 |
|  |  |  | 5.5.15 |  | Quyết ban hành định mức KTKT năm 2020, 2021 (kèm phụ lục)). |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021). |
|  | **5** | 5.6 |  | 5.1.01 | Quyết định phê duyệt thiết kế thi công và dự toán số 239/SXD-GD-QĐ ngày 24/7/2002; Quyết định phê duyệt dự án trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 15/QĐ-SXD-TĐDA ngày 2/2/2016; Quyết định về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 1357/QĐ-SXD-GD-KTXD ngày 8/9/2017 |
|  |  |  |  | 5.1.02 | Bản vẽ hoàn công (Lưu P.QTTB) |
|  |  |  |  | 5.1.03 | Báo cáo hiện trạng sử dụng và quản lý đất năm 2021 |
|  |  |  | 5.6.01 |  | Sơ đồ bố trí thư viện; Vị trí phòng thư viện |
|  |  |  | 5.6.02 |  | Hồ sơ nhân viên thư viện; Quyết định giao nhiệm vụ quản lý thư viện |
|  |  |  |  | 4.9.01 | Các Quyết định Ban hành giáo trình |
|  |  |  |  | 4.9.02 | Tổng hợp danh mục giáo trình |
|  |  |  |  | 4.9.03 | Bản in giáo trình đào tạo nghề KTSC, LRMT |
|  |  |  |  | 4.9.04 | Bảng thống kê Giáo trình đào tạo hằng năm |
|  |  |  | 5.6.03 |  | Kế hoạch hoạt động thư viện năm 2021 |
|  |  |  | 5.6.04 |  | Hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện |
|  |  |  | 5.6.05 |  | Hướng dẫn tìm kiếm tài liệu trên thư viện số |
|  |  |  | 5.6.06 |  | Thông báo về việc truy cập và sử dụng tài liệu điện tử số |
|  |  |  | 5.6.07 |  | Kế hoạch mua bổ sung sách và giáo trình năm 2021 |
|  |  |  | 5.6.08 |  | Thông báo về bổ sung sách, tài liệu tham khảo năm 2021 |
|  |  |  | 5.6.09 |  | Quyết định ban hành Nội quy thư viện của Trường CĐN TPHCM số 431/QĐ-CĐN ngày 30/12/2017; Quyết định ban hành Nội quy phòng máy của thư viện Trường CĐN TPHCM sô 432//QĐ-CĐN ngày 30/12/2017 |
|  |  |  | 5.6.10 |  | Sổ mượn sách, tài liệu, giáo trình |
|  |  |  | 5.6.11 |  | Báo cáo về hoạt động thư viện năm 2021 |
|  |  |  | 5.6.12 |  | Báo cáo về cán bộ, giảng viên, công nhân viên và học sinh - sinh viên đến thư viện tra cứu tài liệu - truy cập dữ liệu số năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **5** | 5.7 |  | 5.6.09 | Quyết định ban hành Nội quy thư viện của Trường CĐN TPHCM số 431/QĐ-CĐN ngày 30/12/2017; Quyết định ban hành Nội quy phòng máy của thư viện Trường CĐN TPHCM sô 432//QĐ-CĐN ngày 30/12/2017 |
|  |  |  |  | 5.6.05 | Hướng dẫn tìm kiếm tài liệu trên thư viện số |
|  |  |  |  | 5.6.10 | Sổ mượn sách, tài liệu, giáo trình |
|  |  |  |  | 5.6.11 | Báo cáo về hoạt động thư viện năm 2021 |
|  |  |  |  | 5.6.12 | Báo cáo về cán bộ, giảng viên, công nhân viên và học sinh - sinh viên đến thư viện tra cứu tài liệu - truy cập dữ liệu số năm 2021 |
|  |  |  | 5.7.01 |  | Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện |
|  |  |  | 5.7.02 |  | Hợp đồng sử dụng mạng Internet của nhà trường |
|  |  |  | 5.7.03 |  | Sơ đồ mạng LAN |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **5** | 5.8 |  | 2.3.03 | Hình chụp Phần mềm mô phỏng Cisco packet tracer, Microsoft Visio, Eagle, phần mềm nạp Rom Bios, phần mềm giả lập Vmware Workstation, phần mềm lập trình CCS |
|  |  |  |  | 2.3.04 | Danh sách các mô đun/ mô học có sử dụng phần mềm hổ trợ giảng dạy và mô phỏng |
|  |  |  | 5.8.01 |  | Danh mục thiết bị giảng day sử dụng để mô phỏng hoặc được sử dụng phần mềm mô phỏng |
|  |  |  | 5.8.02 |  | Hình chụp mô hình thiết bị dùng để dạy học |
|  | **6** | 6.1 | 6.1.01 |  | Kế hoạch đón tiếp HSSV năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.2.01 | Các Quyết định V/v Ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  |  | 1.1.03 | Các Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM |
|  |  |  |  | 1.1.05 | www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo; Các thông báo tuyển dụng |
|  |  |  |  | 2.1.08 | Thông báo tuyển sinh năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM năm 2017; 2021 |
|  |  |  | 6.1.02 |  | Quyết định về việc ban hành Nội quy học sinh sinh viên của trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
|  |  |  | 6.1.03 |  | Quy trình cấp, phát các loại giấy tờ cho HSSV |
|  |  |  | 6.1.04 |  | Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh |
|  |  |  | 6.1.05 |  | Hình ảnh trong các buổi sinh hoạt đầu khóa năm 2021 |
|  |  |  | 6.1.06 |  | Quyết định về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề |
|  |  |  | 6.1.07 |  | Quyết định v/v ban hành Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV theo hình thức đào tào chính quy tại Trường Cao đẳng nghề TPHCM |
|  |  |  | 6.1.08 |  | Các quyết định miễn giảm học phí năm học 2020 - 2021 |
|  |  |  | 6.1.09 |  | Các quyết định khen thưởng năm học 2020 - 2021 |
|  |  |  |  | 2.5.05 | Quyết định về việc công nhận kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021(Danh sách đính kèm) |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **6** | 6,2 |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ/mô đun và quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM năm 2017; 2021 |
|  |  |  |  | 6.1.02 | Quyết định về việc ban hành Nội quy học sinh sinh viên của trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
|  |  |  |  | 6.1.03 | Quy trình cấp, phát các loại giấy tờ cho HSSV |
|  |  |  |  | 6.1.04 | Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh |
|  |  |  |  | 6.1.05 | Hình ảnh trong các buổi sinh hoạt đầu khóa năm 2021 |
|  |  |  |  | 6.1.06 | Quyết định về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề |
|  |  |  |  | 6.1.07 | Quyết định v/v ban hành Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV theo hình thức đào tào chính quy tại Trường Cao đẳng nghề TPHCM |
|  |  |  |  | 6.1.08 | Các quyết định miễn giảm học phí năm học 2020 - 2021 |
|  |  |  |  | 6.1.09 | Các quyết định khen thưởng năm học 2020 - 2021 |
|  |  |  |  | 2.5.05 | Quyết định về việc công nhận kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021(Danh sách đính kèm) |
|  |  |  | 6.2.01 |  | Quyết định về việc khen thưởng sinh viên đạt giải trong kỳ thi tay nghề TPHCM năm 2020 |
|  |  |  | 6.2.02 |  | Báo cáo v/v tổng hợp sinh hoạt chủ nhiệm năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.5.12 | Báo cáo kết quả công tác học sinh sinh viên năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **6** | 6.3 | 6.3.01 |  | Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm năm 2021 |
|  |  |  | 6.3.02 |  | Báo cáo tổng kết tổ chức ngày hội tuyển dụng năm 2021 |
|  |  |  | 6.3.03 |  | Danh sách công ty đăng ký tham gia ngày hội tuyển dụng năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.4.01 | Hợp đồng ghi nhớ về việc hợp tác đào tạo và cung ứng lao động giữa nhà trường với Doanh nghiệp |
|  |  |  |  | 1.1.05 | www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo; Các thông báo tuyển dụng; Các thông báo tuyển dụng |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **6** | 6.4 |  | 5.1.02 | Sơ đồ các khu xưởng, phòng máy của Khoa (sơ đồ trường) |
|  |  |  | 6.4.01 |  | Hình ảnh khu thể thao đa năng |
|  |  |  | 6.4.02 |  | Các hình ảnh chụp nhà thi đấu đa năng, các sân bóng đá và các sân bóng chuyền tại trường (CS1, CS2) |
|  |  |  | 6.4.03 |  | Các kế hoạch tổ chức hoạt động của Đoàn thanh niên năm 2021 |
|  |  |  | 6.4.04 |  | Chương trình Công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm 2021 |
|  |  |  | 6.4.05 |  | Báo cáo tổng kết công tác công đoàn; Đoàn Thanh niên năm 2021 |
|  |  |  | 6.4.06 |  | Hình ảnh hoạt động văn nghệ, thể thao của HSSV, GV khoa |
|  |  |  |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  | **7** | 7.1 |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  | 7.1.01 |  | Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2021 (kèm danh sách DN khảo sát)). |
|  | **7** | 7.2 |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  | 2.2.11 |  | Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm năm 2021 |
|  |  |  | 7.2.01 |  | Báo cáo kết quả khảo sát lần vết (kèm danh sách HSSV khảo sát). |
|  | **7** | 7.3 |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  | 7.3.01 |  | Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.1.01 | Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  |  | 3.7.02 | Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nghề KTSC, LRMT |
|  | **7** | 7.4 |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  | 7.4.01 |  | Báo cáo khảo sát HSSV các nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của hình thức, phương thức đào tạo chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường năm 2021 |
|  |  |  | 7.4.01 |  | Báo cáo khảo sát HSSV các nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của hình thức, phương thức đào tạo chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường năm 2021 |
|  |  |  | 7.4.02 |  | Danh sách người học nghề (KTSC, LRMT) được thu thập ý kiến hàng năm |
|  |  |  |  | 3.3.01 | Báo cáo số liệu HSSV Quý 4 năm 2021,2022 |
|  | **7** | 7.5 | 7.5.01 |  | Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  | 7.5.02 |  | Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề KTSC, LRMT năm 2021 |
|  |  |  | 7.5.03 |  | Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng năm 2021 |
|  |  |  | 7.5.04 |  | Hình chụp Web trường đăng báo cáo tự đánh giá nghề KTSC, LRMT |
|  | **7** | 7.6 |  | 7.5.03 | Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề KTSC, LRMT trình độ cao đẳng năm 2021 |
|  |  |  | 7.6.01 |  | Kế hoạch khắc phục những tồn tại sau tự đánh giá của năm 2021 |
|  |  |  | 7.6.02 |  | Báo cáo khắc phục sau tự đánh giá chất lượng năm 2021 |
|  | **7** | 7.7 |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 2.2.14 | Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm năm 2021 |
|  |  |  |  | 7.1.01 | Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2021 (kèm danh sách DN khảo sát)). |
|  | **7** | 7.8 |  | 1.1.12 | Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.13 | Bộ phiếu triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 1.1.14 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng các năm 2021 |
|  |  |  |  | 7.1.01 | Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp (kèm danh sách DN khảo sát)). |